ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2512 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Số 79-NQ/TW ngày 06/1/2026 về phát triển kinh tế nhà nước; Số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026, về phát triển văn hoá Việt Nam; Số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Thông báo số 491-TB/VPTW ngày 13/01/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm với Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội; Công văn số 829-CV/VPTW ngày 09/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đề án đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị do Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị quyết số 252/2025/NQ-QH15 ngày 10/12/2025; Số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; Số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Chính phủ tại các Văn bản: Số 1531/TTg-CN ngày 28/11/2025 về việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch của thành phố Hà Nội; Số 1634/TTg-CN ngày 25/12/2025 về việc đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội; Số 709/TB-VPCP ngày

19/12/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ về ý tưởng, định hướng lớn Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội; Số 147/TB-VPCP ngày 23/3/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ về Quy hoạch tổng thể Thủ đô;

Căn cứ các Văn bản góp ý kiến của các Bộ, ngành TW: Ngoại Giao (số 1040/BNG-NGKT ngày 14/02/2026); Xây dựng (số 4005/BXD-QHKT ngày 13/3/2026 và số 4855/BXD-QHKT ngày 01/4/2026); Nông nghiệp và Môi trường (số 2564/BNNMT-KHTC ngày 19/3/2026); Quốc phòng (số 1898/BQP-TM ngày 25/3/2026); Tài chính (số 3713/BTC-QLQH ngày 26/3/2026); Công thương (số 2097/BCT-KHTC ngày 27/3/2026); Văn hóa, thể thao và Du lịch (số 1598/BVHTTDL-KHTC ngày 27/3/2026); Khoa học và Công nghệ (số 1842/BKHCN-HVCL ngày 28/3/2026); Y tế (số 2125/BYT-PC ngày 28/3/2026); Nội vụ (số 2895/BNV-CQĐP ngày 30/3/2026); Dân tộc và Tôn giáo (số 808/BDTTG-KHTC ngày 31/3/2026); Tư pháp (số 2029/BTP-PLDSKT ngày 01/4/2026); Bộ Công an (số 6381/ANKT-ANTCĐT ngày 15/4/2026);

Căn cứ các chỉ đạo, góp ý của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy tại các Văn bản: Số 300-TB/TU ngày 13/3/2026; Số 434-CV/TU ngày 14/3/2026; Số 453-TB/TU ngày 18/3/2026; Số 312-TB/TU ngày 19/3/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/3/2026 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khoá XVIII (nhiệm kỳ 2025 – 2030);

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND Thành phố về việc thông qua Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm;

Căn cứ Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND ngày 13/12/2025 của HĐND Thành phố quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô;

Căn cứ Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 21/02/2026 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm;

Căn cứ Thông báo số 1971/TB-HĐTĐ ngày 27/3/2026 của Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, Quy hoạch tổng thể Thủ đô về Kết luận của Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, Quy hoạch tổng thể Thủ đô;

Căn cứ Thông báo số 480/TB-UBND ngày 7/5/2026 về việc Kết luận của Ủy ban nhân dân Thành phố về chủ trương phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội, tầm nhìn 100 năm;

Xét đề nghị của: Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội (đại diện Liên danh tư vấn) tại Văn bản số 547/VQH-TT2 ngày 17/4/2026; Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc tại Văn bản số 114/BQLĐA-QHKT-KT&DV ngày 17/4/2026, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2544/TTr-QHKT ngày 19/4/2026 và Văn bản số 2921/QHKT-QKĐ ngày 8/5/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch:

1.1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

1.2. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Liên danh tư vấn: Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, Công ty TNHH Viện Quy hoạch và Thiết kế đô thị Đồng Tế Thượng Hải, DHI China, Công ty TNHH The Boston Consulting Group, Công ty Encity Urban Solutions PTE.LTD.

2. Phạm vi, quy mô, ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch:

+ Phạm vi quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, với 126 đơn vị hành chính cấp xã (51 phường, 75 xã).

+ Quy mô lập quy hoạch: khoảng 3.359,84 km^2 (335.984 ha).

+ Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Phú Thọ; Phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Ninh Bình, tỉnh Phú Thọ; Phía Đông giáp tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hưng Yên; Phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Phú Thọ.

+ Phạm vi nghiên cứu không gian vùng: Mở rộng nghiên cứu kết nối với Vùng Thủ đô Hà Nội (gồm Hà Nội và 05 tỉnh: Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình), Vùng Đồng bằng sông Hồng, Vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các tuyến hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế để xác lập cấu trúc chùm đô thị Vùng, trong đó Hà Nội đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt toàn vùng.

2.2. Dự báo quy mô dân số, đất đai:

a) Quy mô dân số:

+ Giai đoạn đến năm 2035: dự báo khoảng 14 ÷ 15 triệu người.

+ Giai đoạn đến năm 2045: dự báo khoảng 15 ÷ 16 triệu người.

+ Giai đoạn đến năm 2065: dự báo khoảng 17 ÷ 19 triệu người.

+ Giai đoạn dài hạn đến năm 2085 và xa hơn: Cơ bản giữ ổn định, khống chế quy mô dân số tối đa không quá 20 triệu người; đảm bảo quy chuẩn về mật độ dân số (Đô thị có thể đáp ứng ngưỡng chịu tải tối đa khoảng 22 ÷ 25 triệu người với dự báo phát triển gia tăng tạm trú, khách vãng lai, làm việc, học tập, giao thương, khách nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, khách du lịch).

b) Quy mô đất đai (tỷ lệ đất xây dựng đô thị):

+ Đến năm 2035: Tỷ lệ đất xây dựng đô thị chiếm khoảng 40% - 45% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đến năm 2045: Nâng tỷ lệ đất xây dựng đô thị lên khoảng 45% - 50% tổng diện tích tự nhiên, phát triển theo mô hình "nén – xanh".

+ Đến năm 2065: Tỷ lệ đất xây dựng đô thị chiếm khoảng 55% - 60% tổng diện tích tự nhiên. Phần quỹ đất còn lại được bảo vệ nghiêm ngặt để duy trì tỷ lệ rừng, phát triển rừng (>6,2% tổng diện tích đất toàn thành phố) và cấu trúc hành lang xanh của Thủ đô.

+ Đến năm 2085 và xa hơn: Giữ phát triển ổn định; tập trung hoàn thiện, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng theo cấu trúc quy hoạch được duyệt.

2.3. Thời kỳ lập quy hoạch:

Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2035; Giai đoạn trung hạn: Đến năm 2045; Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2065 và đến năm 2085; Tầm nhìn chiến lược: Tầm nhìn dài hạn 100 năm.

3. Quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn dài hạn của quy hoạch:

3.1. Quan điểm:

Xây dựng và phát triển Thủ đô "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc"; lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển. Đặt văn hoá ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, "Văn hiến - Bản sắc - Sáng tạo" là giá trị cốt lõi xuyên suốt, nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm, nền tảng hình thành bản lĩnh, trí tuệ và động lực phát triển. Phát triển Thủ đô nhanh, bền vững, thông minh, hiện đại, bao trùm gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, ổn định theo không gian phát triển mở, cấu trúc đô thị "đa tầng, đa lớp, đa cực, đa trung tâm", lấy Sông Hồng làm trục cảnh quan sinh thái - văn hoá chủ đạo; gắn kết chặt chẽ với vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế.

Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; Phát triển theo hướng phù hợp điều kiện tự nhiên và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Thủ đô đóng vai trò điều phối trung tâm kiểm soát các vấn đề ô nhiễm môi trường vùng.

3.2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2035: Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị xanh, thông minh, hiện đại; hội tụ tinh hoa văn hoá, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; có năng lực cạnh tranh cao, chính trị - xã hội ổn định, thành phố thanh bình, người dân hạnh phúc, trở thành điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn. Hình thành một số trung tâm giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; trung tâm dịch vụ tài chính, thương mại và đổi mới sáng tạo quan trọng cấp quốc gia, khu vực và quốc tế; trung tâm nghiên cứu, phát triển; giữ vai trò hạt nhân trong các chuỗi liên kết phát triển vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Đến năm 2045: Hà Nội trở thành một trung tâm đổi mới sáng tạo quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi hội tụ tri thức và công nghệ; hạ tầng, quản trị đô thị hiện đại; người dân có chất lượng sống cao; xã hội văn minh, an toàn, đáng sống, hạnh phúc.

Đến năm 2065: Thủ đô Hà Nội là thành phố toàn cầu, có trình độ phát triển cao và bền vững; thuộc nhóm các thủ đô có chất lượng sống và hạnh phúc cao trên thế giới.

Đến năm 2085 và xa hơn: Một trong những trung tâm có tầm ảnh hưởng lớn trong mạng lưới các thành phố khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và toàn cầu, dẫn dắt các xu hướng phát triển đô thị thông minh, kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo, là

siêu đô thị bền vững tiêu biểu, tác động quốc tế sâu rộng.

b) Các mục tiêu cụ thể theo lộ trình:

(1) Giai đoạn 2026÷2035:

- Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2035 đạt trên 11%/năm; quy mô GRDP năm 2035 đạt khoảng 200 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 18.800 USD. Năm 2035, kinh tế số chiếm 50% trong GRDP; công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 10% trong GRDP của thành phố; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 60%.

- Xã hội: Quy mô dân số dự báo khoảng 14÷15 triệu người; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,90; tuổi thọ trung bình 79 tuổi (số năm sống khỏe tối thiểu 70 năm); chỉ số hạnh phúc: 9,2/10.

- Môi trường và đô thị: Nâng tỷ lệ đất xây dựng đô thị lên khoảng 35% - 40% tổng diện tích tự nhiên, hoàn thiện cơ bản hệ thống hạ tầng khung đô thị.

(2) Giai đoạn 2036÷2045:

- Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2036-2045 đạt trên 11%/năm; quy mô GRDP năm 2045 đạt khoảng 640 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 42.000 USD. Năm 2045, công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 12% trong GRDP của thành phố.

- Xã hội: Quy mô dân số dự báo khoảng 15÷16 triệu người, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,92; tuổi thọ trung bình 80 tuổi (số năm sống khỏe tối thiểu 72 năm); chỉ số hạnh phúc: 9,5/10.

- Môi trường và đô thị: Nâng tỷ lệ đất xây dựng đô thị lên khoảng 45% - 50% tổng diện tích tự nhiên, phát triển theo mô hình "nén - xanh".

(3) Giai đoạn 2046÷2065:

- Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân trên 5%/năm; quy mô GRDP năm 2065 đạt khoảng 1.920 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 95.000 USD. Năm 2065, công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 15-20% trong GRDP của Thành phố.

- Xã hội: Quy mô dân số dự báo khoảng 17÷19 triệu người, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,95; tuổi thọ trung bình khoảng 80 tuổi; thuộc nhóm 10 thủ đô hạnh phúc nhất trên thế giới.

- Môi trường và đô thị: Đất xây dựng đô thị chiếm khoảng 55% - 60% tổng diện tích tự nhiên. Phần quỹ đất còn lại được bảo vệ nghiêm ngặt để duy trì tỷ lệ che phủ rừng >6,2% tổng diện tích đất toàn thành phố và cấu trúc vành đai xanh, hành lang xanh, nêm xanh.

(4) Giai đoạn 2066-2085:

- Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 4-5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 200.000 USD.

- Xã hội: Quy mô dân số giữ ổn định, tối đa không quá 20 triệu người; duy trì chất lượng sống hạnh phúc và phát triển con người ở nhóm dẫn đầu toàn cầu.

3.3. Tầm nhìn đến 100 năm (sau năm 2085):

Thủ đô Hà Nội là thành phố Thịnh vượng - Hài hòa - Văn hiến - Bản sắc, đô thị kết nối toàn cầu đặt nền tảng trên giá trị nghìn năm; hội tụ các dòng chảy thương mại, tri thức và đổi mới sáng tạo, với khả năng tiếp cận nhanh chóng tới các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới. Hoàn chỉnh cấu trúc Đô thị đa tầng - đa lớp và nền kinh tế không gian.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược:

4.1. Các nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Về bảo vệ môi trường và xử lý úng ngập: Giải quyết cơ bản ô nhiễm nguồn nước, không khí và chất thải bằng công nghệ hiện đại, theo hướng tuần hoàn và phối hợp liên vùng. Phục hồi sức sống cho các dòng sông: Tô Lịch, Nhuệ, Đáy, Tích, Cầu Bây…, nghiên cứu xây dựng đập dâng trên sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Tích, sông Cà Lồ để quản trị tổng hợp lưu vực. Xóa bỏ tình trạng ngập úng bằng hệ thống hồ điều hòa, kết hợp các ao, hồ, sông, kênh, mương và các công trình tiêu thoát, hệ thống bể ngầm trữ nước mưa. Tách, xử lý nước thải triệt để, tái sử dụng, bổ cập nước tưới tiêu và làm sạch các dòng sông. Đẩy mạnh lộ trình phát triển xanh, "xanh hóa" nội đô, chuyển dịch sang năng lượng sạch và chủ động tham gia thị trường các-bon để giảm phát thải bền vững.

(2) Về trật tự đô thị và ùn tắc giao thông: Cơ bản xử lý dứt điểm các điểm ùn tắc kéo dài vào năm 2030; ưu tiên phân tán lưu thông ra ngoài nội đô; phát triển mở rộng các tuyến giao thông dọc sông, giảm tải áp lực trực tiếp cho các trục đường vành đai và hướng tâm, kiến tạo trục động lực kết nối liên vùng, liên tỉnh bền vững. Bổ sung các tuyến kết nối giao thông đường bộ và đường sắt giữa Hà Nội và các tỉnh lân cận. Đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông đường bộ, các cầu qua sông, hệ thống đường sắt đô thị để mở rộng không gian phát triển đô thị, giảm tải cho giao thông nội đô, tăng cường hệ thống giao thông liên khu vực liên kết các khu đô thị mới, đô thị cũ, kết hợp cải tạo, tái thiết xây dựng lại các ô phố cũ, khu vực dân cư cũ. Đẩy mạnh công tác chỉnh trang đô thị, gắn với việc phục hồi cảnh quan hai bên bờ sông.

(3) Về vệ sinh an toàn thực phẩm: Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và mạng lưới giết mổ công nghiệp, tập trung, xây dựng hệ thống dữ liệu số truy xuất nguồn gốc thực phẩm toàn Thành phố và ứng dụng công nghệ trong việc tiếp nhận phản hồi từ người dân. Siết chặt quản lý vận chuyển, kinh doanh động vật; chuẩn hóa và quy hoạch lại các điểm kinh doanh thức ăn đường phố gắn liền với đào tạo bắt buộc về an toàn thực phẩm để đảm bảo sức khỏe cộng đồng và văn minh đô thị.

(4) Về phát triển kinh tế: Xác lập mô hình tăng trưởng mới tập trung hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước năm 2030, chuyển từ tăng trưởng chiều rộng sang dựa trên năng suất, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển không gian kinh tế Thủ đô theo hướng mở, linh hoạt, gắn với các hành lang kinh tế và cực tăng trưởng. Xây dựng, phát triển và nâng cao hiệu quả khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, thông minh và sinh thái. Thu hút đầu tư có chọn lọc vào các ngành công nghệ cao, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng lớn như điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, công nghệ số,... Phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa, thị trường các dịch vụ văn hóa thành ngành kinh tế mũi nhọn định vị thương hiệu Hà Nội – Thành phố sáng tạo trong khu vực và thế giới. Các giá trị văn hóa Thăng long – Hà Nội trở

thành trụ cột xác định sức mạnh mềm quốc gia trong kỷ nguyên mới. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh. Tạo điều kiện thuận lợi để khu vực tư nhân tiếp cận nguồn lực về đất đai, tín dụng, nhân lực chất lượng cao. Kết nối chặt chẽ giữa doanh nghiệp tư nhân với khối doanh nghiệp nhà nước và FDI nhằm hình thành các chuỗi cung ứng bền vững.

(5) Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thủ đô do Hà Nội sáng tạo, thiết kế và làm chủ công nghệ, lấy Khu Công nghệ cao Hoà Lạc làm hạt nhân. Ứng dụng dữ liệu số, mô hình mô phỏng và phân tích dự báo để hỗ trợ ra quyết định và nâng cao hiệu quả quản lý. Hoàn thiện các quy định, xây dựng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá đặc thù trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Xây dựng, triển khai hệ thống "bài toán lớn" của Thành phố làm cơ sở đặt hàng, tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm, thử nghiệm trọng điểm của Thủ đô theo hướng tập trung, tránh dàn trải. Triển khai mô hình liên kết Nhà nước - Nhà trường - Nhà đầu tư trong việc đồng đầu tư và vận hành phòng thí nghiệm trọng điểm. Hình thành hệ sinh thái nhân tài khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Thủ đô.

(6) Về chuyển đổi số: Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong mọi lĩnh vực, tạo lập nền tảng cho lực lượng sản xuất mới, xây dựng Thành phố thông minh với người dân và doanh nghiệp là trung tâm. Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng AI dùng chung và chuẩn hóa kho dữ liệu tri thức để tạo nguồn đầu vào cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ lõi và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Phát triển mạnh mẽ tài nguyên số, kinh tế số tạo động lực mới cho tăng trưởng; phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ như: điện toán đám mây, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi khối,… phù hợp với định hướng phát triển của Thủ đô. Đảm bảo an ninh mạng và cơ sở dữ liệu; hình thành hệ sinh thái số an toàn, tin cậy.

(7) Về tái cấu trúc đô thị: Chiến lược tái cấu trúc không gian đô thị tập trung vào mô hình đa cực - đa trung tâm với cấu trúc đa tầng, nhằm phân bổ lại dân cư và hạ tầng một cách hợp lý. Tái cấu trúc tập trung vào khu vực nội đô lịch sử với ưu tiên bảo tồn các không gian có giá trị đặc thù (Trung tâm chính trị - hành chính Ba Đình; hồ Gươm và vùng phụ cận; Văn Miếu - Quốc Tử Giám; phố Cổ; phố Cũ; Hồ Tây và vùng phụ cận; trục sông Hồng;...), giảm mật độ xây dựng và khai thác không gian cao tầng tại một số địa điểm khu vực trung tâm để dành quỹ đất cho công viên, cây xanh và tiện ích công cộng. Tái cấu trúc về sử dụng đất và không gian, cảnh quan, ưu tiên các chức năng có giá trị kinh tế cao. Tích hợp chặt chẽ các khu tái thiết với hệ thống giao thông công cộng, không gian ngầm (TOD). Phát triển nông thôn hiện đại, sinh thái, giàu bản sắc, đảm bảo chất lượng sống hiện đại và trong lành với tiêu chuẩn tiệm cận khu vực đô thị.

(8) Về nguồn nhân lực: Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ cao, tài chính và quản trị công. Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước thông qua việc liên kết giáo dục quốc tế và vận hành mô hình "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp". Thiết lập các cơ chế đặc thù, vượt trội để thu hút nhân tài, chuyên gia đầu ngành đóng vai trò "Tổng công trình sư", "Kiến trúc sư trưởng"

cho các bài toán lớn của Thủ đô. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chuyên nghiệp, có tư duy khoa học, đi kèm cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

(9) Về mô hình quản trị Thủ đô và phát triển vùng Thủ đô: Xác lập mô hình quản trị Thủ đô thông minh, hiện đại, dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực, với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo; chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, từ phân tán sang tích hợp, đồng bộ, từ ngắn hạn sang dài hạn, bền vững. Thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để, mở rộng quyền tự chủ về bộ máy, biên chế và tài chính. Xây dựng cơ chế thí điểm, thử nghiệm có kiểm soát, các cơ chế, chính sách mới hoặc khác với quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các địa phương liên quan thống nhất quyết định các vấn đề liên vùng về: Quy hoạch; đầu tư, khai thác và vận hành hạ tầng liên vùng gắn với Quỹ phát triển vùng; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn chung đối với các công trình hạ tầng liên vùng, hạ tầng giao thông kết nối; phát triển chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành; xử lý ô nhiễm môi trường, trọng tâm là ô nhiễm nước và không khí. Hướng tới hình thành, kết nối hành lang kinh tế biển Hà Nội - Hưng Yên - Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

(10) Xây dựng cấu trúc không gian đô thị đa tầng, đa lớp theo hướng đô thị lập thể (ngầm - mặt đất - trên cao), nhằm tối ưu hóa sử dụng đất và tích hợp các giá trị văn hóa, sinh thái, kinh tế và hạ tầng. Phát triển không gian ngầm theo mô hình "Điểm - Tuyến - Diện" gắn với TOD, gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông công cộng và các khu vực trọng điểm. Trên mặt đất, nâng cao chất lượng không gian sống thông qua hệ thống không gian công cộng đa dạng, kết hợp TOD để gia tăng sức sống đô thị. Đồng thời, thúc đẩy kinh tế tầm thấp dựa trên đổi mới sáng tạo, xây dựng nền tảng số đô thị 3D và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả phát triển không gian đô thị đa tầng, đa lớp.

4.2. Các đột phá chiến lược:

(1) Đột phá về thể chế, phân quyền và vai trò điều phối Vùng Thủ đô: Cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương về phát triển Thủ đô và Luật Thủ đô bằng hệ thống văn bản, chương trình, dự án đồng bộ, thống nhất. Phối hợp các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc đầu tư, quản lý dự án liên kết, phát triển vùng; đồng thời giữ vai trò điều phối trong cơ chế phối hợp vùng Thủ đô về khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý môi trường, nguồn nước; xử lý ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước,… Đổi mới mô hình quản trị đô thị theo hướng tinh gọn, tăng tính tự chủ và năng lực điều hành; hoàn thiện cơ chế quản lý đặc thù đối với các không gian chức năng đặc biệt. Xây dựng chính quyền số, chính quyền phục vụ dựa trên dữ liệu và kết quả; chuyển mạnh từ "quản lý" sang "kiến tạo - dẫn dắt phát triển", lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống quản trị.

(2) Đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: Tích hợp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án phát triển của Thủ đô, giải quyết hiệu quả các điểm nghẽn đô thị. Hình thành hệ sinh thái khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo mạnh của Thủ đô. Xây dựng Khu Công nghệ cao Hoà Lạc làm hạt nhân nghiên cứu - phát triển (R&D), thí điểm cơ chế, chính sách, công nghệ mới, áp dụng thử nghiệm có kiểm

soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, đào tạo nhân tài và khởi nguồn ý tưởng mới cho Thủ đô và quốc gia.

(3) Đột phá về phát triển không gian, hạ tầng chiến lược: Xác lập không gian phát triển Thủ đô bao gồm các cực tăng trưởng, các trung tâm lớn và các trục động lực. Đẩy mạnh tái cấu trúc đô thị, giải phóng nguồn lực về đất đai và kiến tạo giá trị mới. Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn chung đối với các công trình hạ tầng liên vùng. Ưu tiên tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, nhất là hệ thống đường sắt, đường bộ, cầu qua sông; hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng khoa học công nghệ. Hình thành và phát triển các mô hình đặc thù: trung tâm hành chính - kinh tế đặc biệt; trung tâm kinh tế (CBD); trung tâm tài chính; trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với giáo dục, đào tạo và y tế chất lượng cao; các khu kinh tế tự do, khu thương mại tự do gắn với sân bay, bến cảng, đường sắt; "Thung lũng công nghệ".

(4) Đột phá triển khai dự án thí điểm "Hồi sinh các dòng sông" theo mô hình hạ tầng tích hợp đa năng: Xây dựng hệ thống bể chứa ngầm đa năng để tách nước thải triệt để đầu nguồn và xóa bỏ úng ngập; kết hợp mở rộng đường ven sông và chỉnh trang cảnh quan để hóa giải ùn tắc, kiến tạo trục không gian xanh bền vững cho Thủ đô.

5. Nội dung quy hoạch:

5.1. Mô hình, cấu trúc và định hướng tổ chức không gian phát triển đô thị và nông thôn:

a) Vùng đô thị Hà Nội:

a.1) Cấu trúc Vùng đô thị Hà Nội: Theo mô hình "Chùm đô thị hướng tâm", trong đó: Hà Nội là Đô thị trung tâm hạt nhân, đầu não, đóng vai trò kết nối vùng và liên vùng quốc tế. Các đô thị thuộc tỉnh xung quanh là hệ thống đô thị vệ tinh và đối trọng, được phân vai chức năng rõ ràng để hỗ trợ, chia sẻ áp lực và tạo động lực phát triển chung cho cả vùng bao gồm:

(1) Phía Bắc (Tỉnh Thái Nguyên):

Đô thị Thái Nguyên: Là trung tâm Y tế, Giáo dục đào tạo chất lượng cao của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chia sẻ áp lực đào tạo và khám chữa bệnh cho Hà Nội.

Đô thị Sông Công và Phổ Yên: Là các đô thị công nghiệp hiện đại gắn với tổ hợp công nghệ cao, kết nối trực tiếp với Cực tăng trưởng phía Bắc của Hà Nội qua cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, tạo thành chuỗi cung ứng công nghiệp điện tử - bán dẫn.

(2) Phía Đông Bắc (Tỉnh Bắc Ninh):

Đô thị Bắc Ninh, Từ Sơn, Thuận Thành: Chuỗi đô thị công nghiệp - dịch vụ liên hoàn, tiếp giáp trực tiếp với Hà Nội; liên kết phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch; cung cấp không gian sản xuất, logistics và nhà ở cho công nhân, chuyên gia làm việc tại khu vực phía Bắc và Đông Hà Nội.

(3) Phía Đông Nam (Tỉnh Hưng Yên):

Khu vực Đô thị Văn Giang: Phát triển chuỗi đô thị sinh thái, thương mại, dịch vụ cao cấp. Kết nối liền mạch với Cực tăng trưởng phía Đông của Hà Nội qua sông Bắc Hưng Hải, tạo thành không gian sống chất lượng cao, giảm tải dân số cơ học cho nội đô.

Đô thị Mỹ Hào và Khu vực Phố Nối: Là trung tâm công nghiệp, đô thị dịch vụ dọc trục Quốc lộ 5, là hậu phương sản xuất cho trục hành lang kinh tế Đông - Tây.

Đô thị Hưng Yên (Phố Hiến): Là đô thị văn hóa - lịch sử nằm trên trục Sông Hồng, kết nối du lịch đường sông với Hà Nội.

(4) Phía Nam (Tỉnh Ninh Bình - bao gồm tỉnh Hà Nam cũ):

Đô thị Duy Tiên: Là đô thị công nghiệp tiếp giáp trực tiếp với Phú Xuyên, tạo thành chuỗi đô thị - công nghiệp liên hoàn phía Nam.

Đô thị Phủ Lý: Là Trung tâm Y tế cấp vùng (với cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức), Trung tâm giáo dục và dịch vụ cửa ngõ phía Nam, giảm tải trực tiếp cho các bệnh viện tuyến cuối tại Hà Nội.

Đô thị Ninh Bình và Tam Điệp: Là đô thị Du lịch, văn hóa tâm linh và đầu mối giao thông cửa ngõ miền Trung.

(5) Phía Tây (Tỉnh Phú Thọ):

Đô thị Vĩnh Yên: Là trung tâm nghỉ dưỡng, công nghiệp sạch.

Đô thị Phúc Yên: Là cửa ngõ, công nghiệp ô tô/xe máy, kết nối trực tiếp với Mê Linh, Sóc Sơn.

Đô thị Việt Trì: Là thành phố lễ hội về cội nguồn, kết nối với Cực tăng trưởng phía Tây Bắc của Hà Nội qua cầu Văn Lang, tạo thành quần thể du lịch văn hóa tâm linh (Đền Hùng - Tản Viên Sơn).

Đô thị Hòa Bình và Lương Sơn: Là đô thị cửa ngõ Tây Bắc, phát triển mạnh về thủy điện, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cuối tuần, kết nối trực tiếp với đô thị Xuân Mai.

(6) Phía Đông (Thành phố Hải Phòng - bao gồm tỉnh Hải Dương cũ):

Đô thị Hải Dương: Là đô thị trung chuyển chiến lược và trung tâm dịch vụ hỗ trợ công nghiệp quan trọng trên hành lang Quốc lộ 5 và Cao tốc 5B, kết nối Hà Nội với cảng biển.

Đô thị Chí Linh: Là đô thị du lịch tâm linh, sinh thái (Côn Sơn - Kiếp Bạc), kết nối với trục văn hóa Đông Bắc.

a.2) Không gian liên kết phát triển mở rộng Thủ đô: Là không gian dự kiến nghiên cứu mở rộng và vành đai bảo vệ môi trường của Thủ đô. Diện tích vùng đệm: 130.000 -140.000 ha.

(1) Vùng đệm phía Tây và Tây Bắc (Phú Thọ):

Phạm vi: Kết nối từ sườn Tây núi Ba Vì (Hà Nội) sang khu vực sông Đà, Thanh Thủy (Phú Thọ) và Lương Sơn (Phú Thọ); Khu vực đô thị Vĩnh Yên.

(2) Vùng đệm phía Nam (Ninh Bình):

Phạm vi: Khu vực dọc hai bên đường Vành đai 4 (Vùng Thủ đô) thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh (Thuận Thành, Gia Bình) và tỉnh Hưng Yên (Văn Giang, Yên Mỹ).

b) Cấu trúc khung không gian theo các trục giao thông vành đai và các trục hướng tâm:

Định hình cấu trúc không gian bao gồm 09 Cực phát triển, 09 Trung tâm lớn và 09 Trục động lực; trong đó các trục động lực (bao gồm hệ thống vành đai liên vùng

và các cao tốc hướng tâm) đóng vai trò là "xương sống" kỹ thuật, kết nối trực tiếp các cực tăng trưởng với khu vực trung tâm và mạng lưới liên kết Vùng Thủ đô, xác lập hệ sinh thái không gian kinh tế đô thị bền vững.

b.1) Quy hoạch 09 cực tăng trưởng:

(1) Cực Trung tâm - khu vực nội đô lịch sử và mở rộng (Hữu ngạn Sông Hồng): Cực Văn hóa - Lịch sử - Chính trị (trung tâm đầu não chính trị hành chính, tài chính và văn hóa cốt lõi của Thủ đô; phát triển đô thị Thể thao, xác lập sông Nhuệ là trục xanh chiến lược đa mục tiêu: Tích hợp hệ sinh thái tự nhiên, điều tiết thủy văn và hạ tầng giao thông xanh, đóng vai trò hành lang cảnh quan chủ đạo dẫn dắt không gian từ ngoại vi vào lõi đô thị trung tâm).

(2) Cực phía Bắc (thuộc vùng Đông Anh - Mê Linh - Sóc Sơn cũ): Cực động lực Hội nhập (Đô thị dịch vụ, thương mại quốc tế, tài chính, logistics gắn với Cảng hàng không quốc tế cửa ngõ Nội Bài; khu thương mại tự do; trung tâm công nghiệp công nghệ cao).

(3) Cực phía Đông (thuộc vùng Gia Lâm - Long Biên cũ): Cực động lực Cửa ngõ và Thương mại Dịch vụ (Phát triển các tổ hợp thương mại quy mô vùng, cảng cạn (ICD), trung tâm logistics hiện đại gắn với trục Quốc lộ 5 và Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng kết nối Thủ đô với tam giác kinh tế động lực phía Đông (Hải Phòng - Quảng Ninh).

(4) Cực phía Nam (thuộc vùng Phú Xuyên - Ứng Hòa cũ): Cực động lực Công nghiệp và Logistics (Đô thị logistics - công nghiệp công nghệ cao, y tế, dịch vụ liên vùng, đầu mối giao thông đa phương thức gắn với Sân bay thứ 2 phía Nam Hà Nội, đường sắt tốc độ cao, cảng sông).

(5) Cực phía Nam, Tây Nam là đô thị Vân Đình - Đại Nghĩa: Đô thị cảnh quan sinh thái hai bên sông và di sản, tín ngưỡng gắn với Sân bay thứ 2 phía Nam Hà Nội.

(6) Cực phía Tây Nam (thuộc vùng Xuân Mai - Chương Mỹ cũ): Đô thị Giáo dục, Đào tạo, Y tế gắn với nghỉ dưỡng sinh thái.

(7) Cực phía Tây (Hòa Lạc): Đô thị khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Giáo dục, khu thương mại tự do. Trọng tâm là Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Đại học quốc gia Hà Nội. Gắn kết với trục phát triển kết nối các tỉnh phía Tây (Phú Thọ, Sơn La,…).

(8) Cực phía Tây Bắc (đô thị Sơn Tây - Ba Vì): Đô thị văn hóa lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng gắn với rừng quốc gia, núi Tản - sông Đà, nhiệm vụ an ninh - quốc phòng; kết nối với các đô thị Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, Việt Trì - Phú Thọ.

(9) Cực Sông Hồng: Là cực phát triển và không gian cảnh quan đặc biệt, đa chức năng; Là trung tâm Văn hóa, Tài chính, Dịch vụ thương mại, du lịch và là động lực phát triển mới của Thủ đô.

b.2) Quy hoạch 09 trung tâm lớn (theo quy mô, tính chất, vai trò, tiềm năng thế mạnh vượt trội):

(1) Trung tâm đô thị Nam Sông Hồng (Trung tâm đầu não chính trị, hành chính, văn hóa, di sản, tài chính, thương mại dịch vụ, hội nhập quốc tế, y tế, du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, logistics);

(2) Trung tâm đô thị Bắc Sông Hồng (Kinh tế - Dịch vụ - Hội nhập kinh tế, quốc tế);

(3) Trung tâm đô thị phía Đông (Thương mại dịch vụ - Hội nhập Quốc tế - Y tế - Du lịch - Logistics - Giáo dục đào tạo);

(4) Trung tâm đô thị Thể thao (Thể thao quốc gia, quốc tế);

(5) Trung tâm đô thị Phú Xuyên (Logistics - Y tế - Công nghiệp công nghệ cao - Hội nhập quốc tế);

(6) Trung tâm đô thị Vân Đình - Đại Nghĩa (Di sản - Văn hóa tâm linh - Du lịch dịch vụ, sinh thái - Làng nghề);

(7) Trung tâm đô thị Xuân Mai (Giáo dục đào tạo - Sinh thái cảnh quan - Du lịch dịch vụ);

(8) Trung tâm đô thị Hòa Lạc (Trung tâm Khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo - Giáo dục đào tạo - Y tế);

(9) Trung tâm đô thị Sơn Tây (Văn hóa - Di sản - Đào tạo - Y tế - Sinh thái cảnh quan).

b.3) Xác lập 09 trục động lực phát triển:

(1) Trục Nhật Tân - Nội Bài/ Bắc Thăng Long - Nội Bài: Là trục xương sống hình thành Đô thị phía Bắc cửa ngõ đối ngoại, biểu tượng cho hiện đại và hội nhập của Thủ đô. Phát triển mô hình Đô thị sân bay gắn liền với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

(2) Trục Hồ Tây - Cổ Loa - Sân bay Gia Bình: Là trục không gian kết nối trung tâm đến vùng kinh tế mới phía Đông Bắc và Sân bay Gia Bình (Bắc Ninh). Hình thành các trung tâm phát triển mới khu đô thị sáng tạo, tài chính - công nghệ cao; thúc đẩy phát triển các khu đô thị hiện đại, dịch vụ chất lượng cao; kết nối Bắc Ninh, hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng,…

(3) Trục Quốc lộ 5/ Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: Kết nối Hà Nội với cửa ngõ ra biển (cảng biển quốc tế). Trục đô thị dịch vụ, thương mại và logistics thông minh.

(4) Trục Quốc lộ 1A/ Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ: Là hành lang kinh tế chủ đạo kết nối Hà Nội với mạng lưới kinh tế quốc gia phía Nam và Vùng duyên hải. Tập trung phát triển mạnh về công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức.

(5) Trục Quốc lộ 21B/ Quốc lộ 21C: Vừa là trục hỗ trợ giảm tải cho Quốc lộ 1A (trục công nghiệp - logistics), đồng thời là trục không gian xanh - văn hóa đặc thù, trục kết nối di sản Hoàng Thành Thăng Long - Văn Miếu, Quốc Tử Giám - Ba Sao - Hương Tích - Bái Đính.

(6) Trục Quốc lộ 6/ Tuyến đường Hà Đông - Xuân Mai: Phát triển chuỗi đô thị sinh thái kết nối Đô thị trung tâm với Đô thị Xuân Mai và cửa ngõ vùng Tây Bắc.

(7) Trục Đại lộ Thăng Long/ Hồ Tây - Ba Vì: Đóng vai trò kết nối Đô thị trung tâm với Cực tăng trưởng phía Tây (Đô thị Hòa Lạc), vườn quốc gia Ba Vì. Vừa là trục động lực kinh tế tri thức (Khoa học, Công nghệ, Giáo dục), vừa là trục không gian văn hóa - cảnh quan đặc sắc kết nối văn hóa Thăng Long - xứ Đoài.

(8) Trục Quốc lộ 32/ Tuyến đường Tây Thăng Long: Là trục hướng tâm quan trọng kết nối Đô thị trung tâm với Đô thị Sơn Tây và vùng thượng lưu sông Hồng - Phú Thọ. Phát triển theo mô hình đô thị dịch vụ du lịch, văn hóa lịch sử.

(9) Trục Đại lộ cảnh quan Sông Hồng: Là trục chiến lược, trục không gian xanh trung tâm, đồng thời là trục kinh tế, thương mại, dịch vụ và đô thị gắn với văn hóa

sáng tạo, khoa học công nghệ dọc hai bên sông Hồng. Đây cũng là không gian biểu trưng cho hình ảnh Hà Nội "Văn hiến - Bản sắc - Sáng tạo", hướng tới trở thành biểu tượng mới của Thủ đô văn minh, hiện đại; kết nối với các tỉnh dọc sông Hồng và các khu vực sông thuộc hệ thống sông Hồng trở thành vùng cảnh quan kinh tế - sinh thái đặc trưng của khu vực phía Bắc.

b.4) Xác định các vành đai, hành lang phát triển đô thị:

(1) Vành đai 1, Vành đai 2, Vành đai 2.5: Thuộc đô thị trung tâm và nội đô lịch sử; tập trung bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử: Khu phố cổ, khu phố cũ, hồ Gươm, hồ Tây, thành Cổ Loa, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, 36 phố phường; cải tạo xây dựng lại các khu chung cư cũ và tái thiết các ô phố xuống cấp; khôi phục cấu trúc khu vực phố Pháp.

(2) Vành đai 3, Vành đai 3.5:

Vành đai 3: Tập trung tái cấu trúc đô thị theo mô hình đô thị nén và phát triển định hướng giao thông công cộng (TOD) tại các nút giao thông trọng điểm. Khai thác tối ưu không gian ngầm (bãi đỗ xe, thương mại, dịch vụ) và nâng cao chất lượng không gian công cộng nhằm giảm tải áp lực hạ tầng cho nội đô lịch sử; xác lập ranh giới kiểm soát, hạn chế phương tiện cá nhân tiến vào trung tâm.

Vành đai 3.5: Hình thành chuỗi đô thị mới đồng bộ, hiện đại. Phát triển các trung tâm hạ tầng xã hội cấp vùng (y tế, giáo dục, thương mại) để thu hút cư dân, thực hiện chiến lược giãn dân khỏi khu vực phía trong vành đai 3; đóng vai trò là vùng đệm chuyển tiếp hài hòa giữa khu vực đô thị mật độ cao và các vành đai sinh thái.

(3) Vành đai 4: Là Vành đai kinh tế - đô thị động lực và là xương sống của sự phát triển mới. Đây là tuyến đường vành đai Vùng Thủ đô, kết nối trực tiếp Hà Nội với các tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh; Phát triển các cụm đô thị - logistics hiện đại bám dọc tuyến đường, khai thác lợi thế kết nối vùng.

(4) Vành đai 4.5, Quốc lộ 21a, Vành đai 5, cao tốc Tây Bắc:

Xác lập không gian liên kết chuỗi đô thị của Hà Nội (Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Vân Đình, Đại Nghĩa, Phú Xuyên) với các đô thị vệ tinh vùng đô thị Hà Nội như Việt Trì, Vĩnh Yên (Phú Thọ), Thái Nguyên, Phủ Lý, Đồng Văn (Ninh Bình) và các đô thị thuộc tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, thành phố Hải Phòng.

Là vành đai chiến lược liên kết Hà Nội với 05 tỉnh tiếp giáp; khẳng định vị thế Hà Nội là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

(5) Hành lang Bắc - Nam:

Hành lang phía Bắc: Không gian phát triển đô thị, liên kết đô thị trung tâm với khu vực phát triển phía Bắc (trục Nhật Tân - Nội Bài và Bắc Thăng Long - Nội Bài) kết nối trực tiếp với chuỗi đô thị Vĩnh Yên, Sông Công, Thái Nguyên đi các tỉnh miền núi phía Bắc và cửa khẩu biên giới.

Hành lang phía Nam: Không gian phát triển đô thị, kết nối đô thị trung tâm (qua trục QL1A, đường sắt quốc gia, cao tốc Bắc - Nam) tới các cực động lực Thường Tín, Phú Xuyên, khu vực sân bay phía Nam, liên kết với Phủ Lý, Ninh Bình, Thanh Hóa và các tỉnh phía Nam.

Kết nối hạ tầng: Đồng bộ mạng lưới vành đai (3.5, 4, 4.5, 5) vượt sông Hồng kết

nối với chuỗi đô thị Văn Giang - Phố Hiến - Hưng Yên; kiến tạo không gian phát triển mới tiếp nối Trục Đại lộ cảnh quan sông Hồng đến ranh giới phía Nam Thành phố.

(6) Hành lang Đông - Tây:

Không gian phát triển đô thị, liên kết khu vực phía Đông (Trục Hồ Tây - Cổ Loa - Sân bay Gia Bình và Quốc lộ 5 đi Hải Phòng - Quảng Ninh) với khu vực phía Tây Thành phố (Trục Đại lộ Thăng Long, Hồ Tây - Ba Vì kết nối đô thị Hòa Lạc) hướng đi các tỉnh Phú Thọ, Sơn La và vùng Trung du miền núi phía Bắc.

(7) Phát triển hệ thống vành đai đường sắt vòng liên vùng:

Cấu trúc mạng lưới: Tổ chức theo mô hình "2 vòng - 7 tuyến". Các tuyến hướng tâm tốc độ cao kết nối với hệ thống đường sắt vòng liên vùng bám theo các trục vành đai, tạo khung xương vận tải khối lượng lớn cho toàn vùng Thủ đô. Các tuyến vòng này cho phép luồng giao thông đi vòng ngoài, hạn chế xuyên tâm qua lõi đô thị lịch sử.

Liên kết hạ tầng hàng không: Hình thành các vành đai đường sắt gắn với cụm sân bay (Nội Bài, Gia Bình, Sân bay thứ 2 phía Nam), đóng vai trò trục thu - phát khách cho mạng lưới đường sắt quốc gia và xác lập các cực TOD liên vùng tại điểm giao cắt với các trục hướng tâm.

Tập trung đầu tư đoạn vòng Bắc - Đông - Nam kết nối Nội Bài - Đông Anh - Gia Lâm - Hưng Yên - Phú Xuyên - Hòa Lạc - Sơn Tây để giảm áp lực giao thông liên vùng vào trung tâm; nâng cao năng lực logistics và cơ động an ninh - quốc phòng trong cấu trúc đô thị đa cực dài hạn.

b.5) Xác lập không gian di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan dọc sông Đà, sông Hồng, sông Đuống:

Mở rộng phạm vi tổng thể hành lang sông Đà và sông Hồng với tổng chiều dài khoảng 150 km, trong đó:

+ Tuyến sông Đà (khoảng 60 km): Từ khu vực Ba Vì - Đền Hạ - Đá Chông đến di tích K9.

+ Tuyến sông Hồng (khoảng 90 km): Từ khu vực Cổ Đô - Đường Lâm - Thành cổ Sơn Tây qua Trục Đại lộ cảnh quan sông Hồng kết nối tới Văn Giang - Hưng Yên - Phố Hiến.

+ Mục tiêu quản lý tích hợp: Xây dựng phương án tổng thể về trị thủy, bảo vệ môi trường nước, quản lý hoạt động xây dựng, phát triển du lịch và vận tải thủy. Bảo đảm sự kết nối thông suốt từ thượng nguồn (Lào Cai - Phú Thọ) đến hạ nguồn (Hưng Yên - Ninh Bình - cửa biển).

Trục Đại lộ cảnh quan sông Hồng:

+ Giai đoạn 1: Tập trung đoạn từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở.

+ Giai đoạn tiếp theo: Mở rộng từ cầu Hồng Hà đến hết ranh giới phát triển đô thị phía Tây Thành phố và từ cầu Mễ Sở đến hết ranh giới phát triển đô thị phía Nam Thành phố.

+ Định hướng liên kết: Tăng cường kết nối không gian hai bên sông với chuỗi cực động lực phía Nam (Thường Tín, Đô thị văn hóa - thể thao, cực Phú Xuyên) và chuỗi đô thị Văn Giang - Phố Hiến - Hưng Yên thông qua hệ thống cầu vượt sông trên

các trục vành đai liên kết.

b.6) Vành đai xanh di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, tâm linh và phát triển kinh tế du lịch phía Tây Thành phố:

Cấu trúc không gian: Thiết lập "Vòng cung Xanh - Tâm linh" bao bọc phía Tây và phía Nam Thủ đô, kết nối hệ thống thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa tâm linh trọng điểm theo trục Bắc - Nam.

Lộ trình kết nối di sản: Bắt đầu từ Sóc Sơn (Đền Gióng) - Ba Vì (Núi Tản Viên, Vườn quốc gia) - Viên Nam (vùng đệm sinh thái) - Lương Sơn (Phú Thọ - vùng chuyển tiếp văn hóa Mường) - Quan Sơn (Hồng Sơn) - Hương Tích (Chùa Hương), kết nối liên vùng sang Tam Chúc và Tràng An - Bái Đính (Ninh Bình).

Vai trò và Tính chất: Xác định là vùng đệm xanh sinh thái, vành đai bảo vệ môi trường chiến lược, đóng vai trò cân bằng sinh thái và điều hòa khí hậu cho toàn Vùng Thủ đô. Đây là khu vực bảo tồn đa dạng sinh học với trọng tâm là 02 Vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên hiện hữu.

Định hướng phát triển bền vững:

+ Công tác bảo tồn: Áp dụng chế độ bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng nhằm giữ gìn hệ sinh thái tự nhiên.

+ Kinh tế du lịch: Hình thành tuyến du lịch trải nghiệm "Con đường Di sản và Tâm linh" xuyên suốt từ Sóc Sơn đến Ninh Bình. Phát triển đa dạng các mô hình du lịch nghỉ dưỡng núi, du lịch thiền, du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc Mường, Dao,...

+ Hạ tầng xanh: Đầu tư phát triển các tuyến giao thông cảnh quan kết nối các điểm đến chiến lược, trọng tâm là Trục Hồ Tây - Ba Vì và Trục Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính.

b.7) Cấu trúc đô thị đa tầng - đa lớp: (chiến lược tối ưu hóa không gian)

Xác lập mô hình phát triển đô thị chuyển đổi từ khai thác mặt bằng sang khai thác hiệu quả tài nguyên không gian theo chiều đứng (đa tầng) và tích hợp đa giá trị trong cùng một đơn vị diện tích (đa lớp), bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển:

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gia tăng hệ số khai thác không gian đô thị;

+ Giảm áp lực lên không gian mặt đất, ưu tiên phát triển không gian công cộng, cây xanh, mặt nước;

+ Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ùn tắc giao thông và ngập úng;

+ Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử trong quá trình phát triển đô thị.

(1) Cấu trúc đô thị đa tầng (Tổ chức không gian theo chiều đứng):

Phân tầng chức năng đô thị thành các lớp không gian riêng biệt nhưng liên kết đồng bộ, phù hợp với đặc điểm địa chất và yêu cầu an ninh - quốc phòng:

* Không gian ngầm (Hạ tầng và Dịch vụ):

+ Tầng nông (độ sâu 0m đến -15m): Ưu tiên các hoạt động công cộng, dịch vụ thương mại, hành lang đi bộ ngầm, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.

+ Tầng trung (độ sâu -15m đến -30m): Bố trí đầu mối giao thông đường sắt đô thị, hệ thống kho bãi ngầm, hào kỹ thuật tổng hợp, công trình phòng tránh thiên tai và kho dự trữ chiến lược.

+ Tầng cận sâu (độ sâu -30m đến -50m): Dành cho các trục hạ tầng kỹ thuật chính, hệ thống trữ nước ngầm quy mô lớn và các công trình phục vụ an ninh - quốc phòng.

+ Tầng sâu (dưới -50m): Bảo vệ nghiêm ngặt làm không gian dự trữ chiến lược, chưa khai thác trong thời kỳ quy hoạch.

Chỉ tiêu thực hiện: Phấn đấu tỷ lệ xây dựng không gian ngầm tại khu vực đô thị trung tâm đạt ≥ 20% diện tích đất vào năm 2045 và đạt ≥ 40% vào năm 2065.

Các thông số về độ sâu và phạm vi cụ thể sẽ được chuẩn hóa trong Quy hoạch chung không gian ngầm đô thị và các quy hoạch phân khu dựa trên dữ liệu điều tra địa chất, thủy văn của từng khu vực.

* Không gian tầm thấp (dưới 3.000m):

+ Mặt đất: Không gian ưu tiên cho con người và hệ sinh thái tự nhiên. Phát triển hệ thống đi bộ an toàn, công viên, mặt nước và bảo tồn cấu trúc không gian di sản phố cổ, phố cũ.

+ Không gian trên cao: Phát triển các tổ hợp cao ốc mật độ cao tại các nút giao thông TOD và hành lang vành đai để tiết kiệm đất. Thiết lập hệ thống cầu đi bộ trên cao kết nối liên hoàn các công trình.

+ Kinh tế tầm thấp: Quy hoạch các vùng tiên phong khai thác giao thương, vận chuyển bằng taxi bay (eVTOL), thiết bị bay không người lái (drone) và giám sát đô thị thông minh.

* Không gian tầm cao (trên 3.000m): Kiểm soát hành lang bay quốc tế, nội địa và quản lý khoảng không phục vụ viễn thông, quan trắc khí hậu, an ninh - quốc phòng.

(2) Cấu trúc đô thị đa lớp (Tích hợp giá trị và công năng):

Xây dựng đô thị dựa trên sự chồng lớp các giá trị để tạo nên bản sắc và sự thịnh vượng bền vững:

+ Lớp Di sản - Văn hóa: Nền tảng định hình bản sắc, bảo tồn nguyên trạng và phát huy giá trị các cấu trúc thành cổ (Hoàng thành Thăng Long, Cổ Loa), khu phố cổ, phố cũ, làng nghề truyền thống và các dấu ấn kiến trúc lịch sử qua các thời kỳ.

+ Lớp Sinh thái và Tự nhiên: Hệ thống công viên, mặt nước,… theo mô hình "Rừng trong Thành phố". Tích hợp không gian xanh vào từng công trình kiến trúc và tuyến đường, tạo hệ sinh thái tuần hoàn trong lòng đô thị.

+ Lớp Xã hội - Cộng đồng: Thiết lập mạng lưới không gian công cộng, thiết chế văn hóa - y tế - giáo dục đa năng, bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng và nâng cao chất lượng sống cho cư dân.

+ Lớp Kinh tế và Hạ tầng số: Phát triển các hoạt động thương mại, đổi mới sáng tạo trên nền tảng hạ tầng số và dữ liệu thông minh, tạo điều kiện cho các mô hình kinh tế chia sẻ và kinh tế tri thức; ứng dụng công nghệ thông minh (AI, Big Data, IoT) và Bản sao số (Digital Twin) làm công cụ điều khiển, giám sát thời gian thực toàn bộ các hoạt động vận hành đô thị tự động hóa.

b.8) Cải tạo, tái thiết và tái cấu trúc đô thị:

Thực hiện chiến lược tái cấu trúc đô thị trên nguyên tắc "Cải tạo tích cực - Tái thiết thích ứng", nâng cao chất lượng môi trường sống, tối ưu hóa giá trị đất đai và bảo tồn bản sắc Thủ đô. Các nội dung trọng tâm bao gồm:

- Tái cấu trúc khu vực trung tâm và hệ thống mặt nước:

+ Thực hiện tái thiết khu vực trung tâm (CBD) gắn kết chặt chẽ với Trục cảnh quan sông Hồng tạo diện mạo đô thị hiện đại và năng động.

+ Hồi sinh hệ thống sông nội đô (sông Nhuệ, sông Tô Lịch, sông Đáy, sông Tích,...): Kết hợp chỉnh trang cảnh quan với xây dựng hạ tầng kỹ thuật tích hợp đa năng nhằm giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường, úng ngập và giảm tải ùn tắc giao thông; hình thành các trục hành lang xanh bền vững xuyên suốt trong lòng đô thị.

- Bảo tồn di sản và không gian đặc thù:

+ Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử tại các khu vực: Phố Cổ (36 phố phường), Phố Cũ và các khu vực dân cư đặc trưng lâu đời.

+ Cải tạo, tái thiết và phát huy giá trị khu vực hồ Tây và vùng phụ cận; bảo vệ nghiêm ngặt các vùng di tích, di sản chiến lược như: Hoàng thành Thăng Long, Cổ Loa, Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các không gian văn hóa đặc trưng khác.

- Mở rộng cải tạo, tái thiết, tái cấu trúc các khu vực Vành đai 1, Vành đai 2, Vành đai 3 và lan tỏa ra các khu vực đô thị và nông thôn trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả, nâng cao chất lượng đô thị và đảm bảo môi trường, sinh kế của người dân, tạo dư địa, động lực phát triển.

- Tái thiết đô thị gắn với mô hình giao thông (TOD):

+ Ưu tiên cải tạo, tái thiết đô thị xung quanh mạng lưới các ga đường sắt đô thị để hình thành các khu phức hợp đa chức năng mật độ cao theo mô hình TOD.

+ Tập trung thực hiện tại các tổ hợp nhà ga đầu mối trọng điểm như: ga Ngọc Hồi, ga Hà Nội, Gia Lâm, Yên Thường và các điểm nút giao thông chiến lược khác để tối ưu hóa năng lực vận tải công cộng khối lượng lớn.

c) Định hướng phát triển không gian theo khu vực:

c.1) Đô thị Trung tâm:

(1) Đô thị Hữu ngạn sông Hồng:

* Phạm vi: Nằm ở phía Nam sông Hồng; phạm vi ranh giới phía Tây đến vành đai xanh sông Đáy, phía Nam giáp đường Vành đai 4 và Đô thị Thể thao.

* Quy mô: Diện tích duy trì ổn định ở mức khoảng 45.317 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và đến năm 2065; Dân số đến năm 2045 khoảng 6,365 triệu người, đến năm 2065 khoảng 6,455 triệu người *(Quy mô dân số sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố).*

* Tính chất, chức năng chính: Trung tâm đầu não chính trị, hành chính, văn hóa, di sản, tài chính, thương mại dịch vụ, hội nhập quốc tế, y tế, du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, logistics.

* Định hướng phát triển:

+ Khu vực Nội đô lịch sử, nội đô mở rộng:

Là trung tâm chính trị, hành chính Quốc gia và Thành phố. Có các di tích lịch sử, văn hoá di sản, danh thắng như Hoàng Thành Thăng Long, Khu phố Cổ, phố Cũ, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hồ Gươm và phụ cận, Hồ Tây và phụ cận,... Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và tái thiết nhằm phát huy giá trị không gian kiến trúc đô thị hiện có. Các hoạt động xây dựng mới phải tăng cường chất lượng cảnh quan và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc.

Thiết lập Khu tài chính với các cơ chế đặc thù tập trung vào tài chính công. Việc thành lập khu tài chính được dựa trên lợi thế về vị trí gần với các trụ sở hành chính - chính trị, hội sở các ngân hàng dẫn đầu, hệ sinh thái các tổ chức quốc tế, nhu cầu thu hút, điều phối và phân bổ vốn.

Tái thiết đô thị theo các phân vùng trên cơ sở đánh giá lịch sử hình thành đô thị và phân tích đặc trưng của từng khu vực để đưa ra các giải pháp phù hợp: tái thiết kết hợp bảo tồn; tái thiết một phần; tái thiết đồng bộ theo khu vực (các ô phố/đơn vị ở), theo cụm công trình, từng công trình, theo từng khu vực dân cư...; cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ theo chủ trương và kế hoạch của Thành phố; phát triển công trình cao tầng có kiểm soát đối với khu vực trong phạm vi TOD, các khu vực định hướng hình thành điểm nhấn đô thị, với điều kiện đáp ứng yêu cầu về giao thông, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trước mắt và lâu dài.

Tổ chức lại không gian, nâng cao chất lượng sống và giá trị cảnh quan. Tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất thông qua phát triển không gian ngầm và mô hình nén tại các điểm nút giao thông công cộng (TOD). Hình thành đô thị "đa tầng - đa lớp", nơi hạ tầng ngầm, giao thông công cộng và không gian trên cao được tổ chức đồng bộ.

Cải tạo không gian các trường đại học, bệnh viện trong khu vực nội đô... từng bước chuyển đổi chức năng thành các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, không gian văn hóa, không gian công cộng,... Hình thành cơ sở thứ hai tại các đô thị bên ngoài nhằm giảm tải cho khu vực nội đô, đồng thời làm tiền đề, động lực hình thành, phát triển đô thị khu vực bên ngoài. Từng bước di dời, chuyển đổi chức năng theo quy hoạch đối với các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, cơ sở điều trị bệnh truyền nhiễm và các trường đại học, cao đẳng quy mô nhỏ, không đáp ứng tiêu chuẩn. Quỹ đất sau khi di dời, ưu tiên phát triển các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công viên cây xanh, bãi đỗ xe, tiện ích công cộng chất lượng cao, hạn chế phát triển xây dựng nhà ở mới.

Đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng và phương tiện giao thông thân thiện với môi trường, xác lập vùng phát thải thấp. Hình thành các khu vực dịch vụ văn hóa - du lịch - thương mại đậm bản sắc đặc thù Thủ đô như trung tâm phố cổ: khôi phục hình ảnh không gian kiến trúc 36 phố phường, hình thành khu phố đi bộ, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, nghiên cứu kết hợp khai thác các không gian công cộng một số khu vực để phát triển dịch vụ, văn hóa, du lịch, ẩm thực, thương mại đặc thù truyền thống, trải nghiệm văn hóa phố cổ, dịch vụ đêm.

Kiến tạo hệ thống Công viên tuyến tính đa tầng dọc hai bờ sông: Kết nối di sản làng nghề với du lịch sinh thái thủy văn hiện đại, đóng vai trò hành lang lọc sinh thái và không gian đệm xanh chủ đạo cho đô thị trung tâm.

+ Khu vực đô thị hai bên đường Vành đai 4:

Chuỗi đô thị mới hiện đại, đóng vai trò là vùng đệm giảm tải cho nội đô và kết nối với các đô thị theo các tuyến hướng tâm.

Phát triển đô thị theo mô hình TOD, tối ưu hóa tầng cao, thiết lập các khu ở hiện đại mật độ cao tại khu vực ga đường sắt đô thị, xây dựng cao tầng, giảm mật độ xây dựng, tăng cường không gian xanh và các không gian công cộng. Cân đối hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đối với các khu vực ngoài TOD để đảm bảo phát triển một chuỗi các đô thị hiện đại đồng bộ, tiếp cận nội đô thông qua hệ thống đường sắt đô thị trong vòng 15 phút, có sức thu hút lớn để từng bước giãn mật độ tập trung dân cư "giảm áp lực" hạ tầng cơ sở khu vực nội đô lịch sử. Hình thành các Trung tâm thương mại, dịch vụ, logistics, cảng cạn ICD quy mô lớn tại các cửa ngõ giao thông, ga đầu mối. Phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan, hình thành cụm, hành lang du lịch. Phân bổ chức năng y tế giảm tải cho khu vực nội đô với bán kính phục vụ phù hợp và theo các mô hình y tế kết hợp nghỉ dưỡng, bệnh viện xanh thông minh.

Xây dựng các không gian xanh quy mô lớn, kết hợp hồ điều hòa để cải thiện môi trường và cảnh quan đô thị, tạo sự chuyển tiếp hài hòa giữa khu vực nội đô mật độ cao và vành đai xanh sông Nhuệ, sông Đáy.

Phân bổ lại quy mô dân cư một số khu vực trên địa bàn, bổ sung quy mô dân số phù hợp với mô hình TOD, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn, phù hợp với định hướng dịch chuyển dân cư từ đô thị trung tâm tới các khu ở mới.

Hình thành các vùng đệm bảo vệ xung quanh các làng xóm hiện hữu, kiểm soát sự phát triển đô thị hóa và gia tăng mật độ tại các làng xóm hiện hữu. Khai thác cảnh quan mặt nước tự nhiên sông Nhuệ, sông Đáy để hình thành hệ thống công viên cây xanh, mặt nước hoàn chỉnh kết nối với hệ thống vành đai xanh, hành lang xanh thành phố làm dải liên kết mềm cho các phân khu đô thị dọc sông.

(2) Đô thị phía Bắc:

* Phạm vi: Nằm ở phía Bắc sông Hồng; phạm vi ranh giới phía Tây, Bắc, Đông đến hết địa giới hành chính thành phố Hà Nội, một phần phía Đông và Đông Nam đến hết ranh giới hành chính xã Đông Anh.

* Quy mô: Diện tích duy trì ổn định ở mức khoảng 37.602 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và đến năm 2065; Dân số đến năm 2045 khoảng 2,78 triệu người, đến năm 2065 khoảng 3,09 triệu người *(Quy mô dân số sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố).*

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị dịch vụ, thương mại quốc tế, tài chính, logistics gắn với Cảng hàng không quốc tế cửa ngõ Nội Bài; trung tâm công nghiệp công nghệ cao.

* Định hướng phát triển:

Đô thị Bắc sông Hồng với động lực là Cảng hàng không quốc tế Nội Bài gắn với dịch vụ sân bay, công nghiệp công nghệ cao; trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao giải trí; trung tâm y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh khu vực phía Bắc, thu hút phát triển các trung tâm về nghiên cứu phát triển, dịch vụ tài chính, đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ. Phát triển các trung tâm dịch vụ logistics, thương

mại, trung tâm giao thương quốc tế, công nghiệp công nghệ cao gắn với xuất khẩu (hàng không - vũ trụ), công nghiệp văn hóa, dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.

Phát triển đô thị hiện đại, đồng bộ theo mô hình TOD, khu vực các trục không gian Nhật Tân - Nội Bài (đường Võ Nguyên Giáp), Bắc Thăng Long - Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), trục không gian Hồ Tây - Cổ Loa - sân bay Gia Bình,… Hình thành trung tâm CBD quy mô lớn, trung tâm dịch vụ tài chính - thương mại - dịch vụ du lịch khách sạn, Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc gia, quốc tế, các khu thương mại tự do quy mô lớn, gắn với các đô thị thông minh, hiện đại, đa mục tiêu.

Hình thành trung tâm logistics có quy mô lớn tại miền Bắc, gắn với Khu Thương mại tự do, trung tâm đầu mối giao thương quốc tế, phát triển cảng cạn ICD, thúc đẩy hạ tầng xuất nhập khẩu, trung tâm thương mại miễn thuế, outlet lớn tại khu vực. Phát triển mô hình kinh tế du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện (MICE), bảo vệ và khai thác tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên. Hình thành các khu nghỉ dưỡng hiện đại, dịch vụ đa dạng, chuỗi tổ hợp vui chơi giải trí, văn hóa, thể dục thể thao, sân golf, đua ngựa thể thao. Hình thành các trung tâm nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư cho các ngành công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật cao, thông minh, thu hút nhu cầu di dời các cơ sở đào tạo từ nội đô và nhu cầu đào tạo nghề gắn với các trung tâm công nghiệp, đào tạo ngành hàng không, dịch vụ sân bay, dịch vụ khách sạn.

(3) Đô thị phía Đông:

* Phạm vi: Nằm ở phía Bắc sông Hồng; phạm vi ranh giới phía Bắc, Đông và Đông Nam đến hết ranh giới hành chính thành phố Hà Nội; phía Tây đến hết ranh giới hành chính phường Bồ Đề, Việt Hưng và xã Phù Đổng.

* Quy mô: Diện tích duy trì ổn định ở mức khoảng 16.055 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và năm 2065; Dân số đến năm 2045 khoảng 1,525 triệu người, đến năm 2065 khoảng 1,645 triệu người *(Quy mô dân số sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố).*

* Tính chất, chức năng chính: Trung tâm đổi mới khu vực cửa ngõ phía Đông và Thương mại, Dịch vụ. Phát triển các tổ hợp thương mại quy mô vùng, cảng cạn (ICD), trung tâm logistics.

* Định hướng phát triển:

Phát triển các dịch vụ đầu mối về thương mại, logistics, dịch vụ hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực, y tế, văn hóa chất lượng cao, thương mại tài chính cho vùng phía Đông thuộc đồng bằng sông Hồng, giảm áp lực trực tiếp vào khu vực nội đô. Thí điểm các giải pháp thuộc kinh tế tầm thấp, thông qua việc thiết lập hành lang logistics - giao thông tầm thấp, bãi đỗ, trạm sạc, trung tâm vận hành drone. Khai thác các khu vực chuyển đổi, phát triển các khu đô thị nén tập trung cao tầng, gắn với các dịch vụ hiện đại, thông minh của vùng. Khai thác lợi thế cửa ngõ phía Đông kết nối hướng biển, hình thành hệ thống logistics, cảng cạn ICD, dịch vụ vận chuyển.

Cải tạo chỉnh trang, phát triển mới, nén theo mô hình TOD, cao tầng, mật độ xây dựng thấp, bổ sung thêm nhiều không gian xanh và tiện ích đô thị, gắn kết chặt chẽ với không gian mở sông Hồng, sông Đuống. Nghiên cứu phát triển gắn kết với một số

mô hình nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong nông nghiệp tầm quốc gia và khu vực, tân dụng lợi thế một số quỹ đất sẵn có tại khu vực. Mở rộng không gian phát triển đô thị khu vực phía Bắc và Nam sông Đuống, khai thác hiệu quả quỹ đất, hình thành khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của người dân. Thiết lập các trục không gian đô thị hiện đại (Hồ Tây - Cổ Loa - Sân bay Gia Bình, Quốc lộ 5A và Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng,...) gắn với chức năng thương mại dịch vụ, văn phòng, công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghiệp số và phụ trợ.

Hình thành các chức năng dịch vụ công cộng chất lượng cao như thương mại, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, giới thiệu và quảng cáo sản phẩm, các trung tâm đào tạo nghề, y tế chuyên sâu, v.v...

Từng bước chuyển đổi một số cơ sở sản xuất công nghiệp ô nhiễm, công nghệ lạc hậu, không phù hợp khi hình thành đô thị hiện đại. Ưu tiên khai thác quỹ đất phát triển bổ sung cơ sở hạ tầng đô thị. Thí điểm các giải pháp quản lý vận hành đô thị công nghệ cao như Bản sao số, Đô thị thông minh.

(4) Đô thị Thể thao:

* Phạm vi: Nằm ở phía Nam vành đai 4; phía Nam tiếp giáp Đô thị theo tuyến Quốc lộ 1.

* Quy mô: Diện tích duy trì ổn định ở mức khoảng 13.976 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và đến năm 2065; Dân số đến năm 2045 khoảng 1,02 triệu người, đến năm 2065 khoảng 1,06 triệu người *(Quy mô dân số sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị thể thao, Tổ hợp thể thao đẳng cấp quốc tế, sân golf, các chức năng thương mại, dịch vụ, du lịch, y tế, đào tạo gắn với thể thao.

* Định hướng chính:

Hình thành Tổ hợp thể thao đẳng cấp quốc tế (gồm hệ thống sân vận động chính quy mô 135.000 chỗ ngồi, sân vận thể thao, nhà thi đấu, công trình phụ trợ….), đồng bộ với phát triển Đô thị thể thao, đô thị dịch vụ, đô thị sinh thái gắn với mô hình TOD. Khai thác lợi thế đầu mối giao thông kết nối các tỉnh phía Nam, hình thành đô thị cửa ngõ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

Hình thành đô thị mới tầm cỡ tại phía Nam của Thủ đô, hướng tới tiêu chí thông minh, xanh, tuần hoàn, kết nối đồng bộ, hài hòa với các khu vực lân cận. Tổ chức không gian theo mô hình TOD, tăng tỷ lệ công trình cao tầng, giảm mật độ xây dựng, tăng diện tích cây xanh, không gian xanh, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao chất lượng sống, hiệu quả sử dụng đất, giảm ô nhiễm, thích ứng biến đổi khí hậu; hình thành các đô thị đồng bộ phục vụ tái định cư và các khu đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng để đáp ứng yêu cầu giãn dân nội đô; đồng thời phải có giải pháp bảo tồn, gìn giữ phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của địa phương (trong đó có việc phát triển các làng nghề truyền thống theo hướng xanh, sinh thái), đảm bảo người dân được thụ hưởng các tiện ích lợi ích xã hội, đặc biệt là lợi ích hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ và các thiết chế văn hóa, thể thao,…

Bổ sung hoàn chỉnh, kết nối đồng bộ loại hình giao thông đa phương tiện (đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy), hệ thống giao thông đô thị và đối ngoại. Đảm bảo phát triển đô thị hiện đại đồng bộ, bền vững, tiếp cận nội đô thông qua hệ thống đường sắt đô thị trong vòng 15 phút, có sức hút lớn để từng bước giãn mật độ tập trung dân cư trong khu vực nội đô lịch sử.

Phân bổ và bổ sung quy mô dân số phù hợp với mô hình phát triển mới, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn, giảm áp lực cho hạ tầng cơ sở đô thị khu vực nội đô lịch sử.

Khai thác cảnh quan, mặt nước tự nhiên sông Nhuệ để hình thành hệ thống công viên cây xanh, mặt nước. Hình thành trục không gian cảnh quan cây xanh, mặt nước làm điểm nhấn của đô thị, đồng thời đóng vai trò thoát nước cho khu vực.

Khu vực xung quanh các làng xóm hiện hữu, hình thành các vùng đệm để giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, bảo tồn không gian truyền thống và kiểm soát sự phát triển lan tỏa. Đồng thời tạo quỹ đất để bổ sung các công trình hạ tầng, thiết chế văn hóa, giãn dân làng xóm cũ và tạo nguồn lực cho địa phương. Tôn tạo, phát huy giá trị lịch sử, hình thành các hành lang bảo vệ môi trường, cảnh quan.

(5) Không gian phát triển hai bên sông Hồng:

* Phạm vi: Không gian nằm giữa đê tả và hữu sông Hồng (trong giới hạn đô thị trung tâm), bao gồm sông Hồng và hành lang xanh hai bên.

* Quy mô: Diện tích giai đoạn đến năm 2045 và đến năm 2065 khoảng 11.425 ha ÷ 15.488 ha; Diện tích đất dân dụng được xác định trên cơ sở đảm bảo tuyệt đối an toàn phòng, chống lũ; tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và các quy định về hành lang bảo vệ đê điều; dân số đến năm 2045 khoảng 0,8 triệu người, đến năm 2065 đô thị có thể quy hoạch đáp ứng ngưỡng chịu tải tối đa không vượt quá 1,2 triệu người *(quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Là trục chiến lược, trục không gian xanh trung tâm, không gian văn hóa, không gian đổi mới sáng tạo, đồng thời là trục kinh tế, thương mại, dịch vụ và đô thị; là không gian biểu trưng cho hình ảnh Hà Nội "Văn hiến - Bản sắc - Sáng tạo", hướng tới trở thành biểu tượng mới của Thủ đô văn minh, hiện đại.

* Định hướng chính:

Phát triển không gian hai bên sông Hồng trở thành trục xương sống về cảnh quan, văn hóa, lịch sử, môi trường của Thủ đô, với các chức năng chính là công trình công cộng, các công viên cây xanh, văn hóa, dịch vụ du lịch, giải trí biểu tượng của Thủ đô, phục vụ các hoạt động lễ hội, du lịch. Kết nối liên thông không gian hai bên sông với đô thị trung tâm phía Bắc và Nam sông Hồng thành một cấu trúc hoàn chỉnh, thống nhất.

Tạo lập hình ảnh một đô thị mới, hiện đại, văn minh và sinh thái hai bên sông, đồng bộ về cơ sở hạ tầng đô thị, kết hợp bảo tồn, phát huy bản sắc truyền thống.

Khai thác không gian hai bên sông trên cơ sở tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên, giảm thiểu tác động tiêu cực và đảm bảo không gian thoát lũ, tuyệt đối an toàn theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều được duyệt.

Trong trường hợp phục vụ nhu cầu phát triển đô thị, có thể xem xét nghiên cứu điều chỉnh tăng tỷ lệ, quy mô diện tích đất xây dựng tại khu vực bãi sông nhưng phải đảm bảo yêu cầu không gian thoát lũ, tuyệt đối an toàn theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều (có ý kiến thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường), bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững và đáp ứng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy định hiện hành.

Tạo lập các công viên văn hóa kết hợp sinh thái, công viên chuyên đề, công viên vui chơi giải trí, các không gian cộng đồng. Hình thành những công trình văn hóa và vui chơi giải trí mang tính biểu tượng, tạo điểm nhấn trọng tâm trên trục sông. Xây dựng các công viên, đường dạo cảnh quan hai bên sông nhằm tạo những không gian xanh rộng lớn, có tầm nhìn đẹp, phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, thư giãn, thể dục thể thao, lễ hội, tổ chức sự kiện,… thuận tiện cho tiếp cận sử dụng phương tiện xe đạp, đi bộ, chạy bộ.

Phát triển hệ thống giao thông và đầu mối hạ tầng kỹ thuật theo hướng hiện đại, an toàn, đảm bảo tính hệ thống, liên hoàn trong kết nối hạ tầng. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với hệ thống đường trục và hệ thống mạng lưới đường ven sông; kết nối giao thông đường bộ và đường thủy, đường sắt đô thị, tạo điều kiện và động lực phát triển cho khu vực và Thành phố.

Tăng cường kết nối hai bên sông, bổ sung cầu qua sông với hình thức kiến trúc độc đáo, tạo điểm nhấn đô thị. Tổ chức những tuyến đường cảnh quan gắn kết không gian các chức năng hai bên bờ sông và các công trình trọng điểm.

Khai thác không gian mặt nước cho các hoạt động kinh tế du lịch, dịch vụ đường thủy.

c.2) Đô thị phía Nam (Phú Xuyên):

* Phạm vi: Nằm ở phía Nam Thành phố Hà Nội; phạm vi ranh giới phía Bắc giáp Đô thị theo tuyến Quốc lộ 1, phía Nam đến hết ranh giới hành chính thành phố Hà Nội.

* Quy mô: Diện tích đến năm 2045 khoảng 7.870 ha ÷ 9.202 ha, đến năm 2065 khoảng 11.545 ha; Dân số đến năm 2045 khoảng 0,5 triệu người, đến năm 2065 khoảng 0,7 triệu người *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Trung tâm logistics - công nghiệp công nghệ cao, y tế, hội nhập quốc tế, đầu mối giao thông đa phương thức gắn với sân bay thứ 2 phía Nam Hà Nội.

* Định hướng chính:

Khai thác tiềm năng, lợi thế về vị trí nằm trên các trục giao thông huyết mạch quốc gia và kết nối vùng như sân bay phía Nam Hà Nội, đường sắt tốc độ cao, đường sắt Bắc - Nam, hệ thống vận tải đường thủy sông Hồng, phát triển đô thị Phú Xuyên thành một đô thị công nghiệp, đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Nam. Hình thành

Trung tâm Logistics và công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, cảng cạn (ICD), tích hợp nhiều phương thức vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không), ứng dụng công nghệ quản lý kho bãi thông minh (WMS, IoT),... là nơi di dời công nghiệp từ các khu vực nội đô, khu vực nội đô mở rộng.

Sân bay quốc tế thứ 2 tạo động lực hình thành trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế, kết nối hàng không - đường bộ - đường sắt. Cùng với hệ thống kho vận, logistics lạnh, trung tâm thương mại nông nghiệp và các khu công nghiệp công nghệ cao, hành lang phía Nam trở thành hạt nhân logistics của toàn vùng.

Các vùng nông nghiệp công nghệ cao cung cấp nông sản sạch và sản phẩm thực phẩm chất lượng cao, hỗ trợ cho chuỗi cung ứng của đô thị. Phát triển làng nghề truyền thống và giới thiệu các sản phẩm làng nghề, phát triển văn hóa truyền thống và quảng bá du lịch.

Phát triển tổ hợp trung tâm y tế, văn hoá, nghiên cứu và đào tạo về nông nghiệp, giáo dục chất lượng cao, chia sẻ chức năng với đô thị trung tâm.

Kết nối đô thị Phú Xuyên với sân bay thứ 2 theo mô hình đô thị sân bay. Hình thành đô thị sân bay với đồng bộ các chức năng: dịch vụ hàng không, trung tâm thương mại tự do, outlet, dịch vụ khách sạn,…

c.3) Đô thị phía Nam (Vân Đình - Đại Nghĩa):

* Phạm vi: Nằm ở phía Nam Thành phố; phạm vi ranh giới phía Bắc đến đô thị Thể thao, phía Nam đến hết đô thị Đại Nghĩa.

- Quy mô: Diện tích đến năm 2045 khoảng 4.850ha, đến năm 2065 khoảng 9.706ha; Dân số đến năm 2045 khoảng 0,25 triệu người, đến năm 2065 khoảng 0,4 triệu người *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị dịch vụ du lịch, cảnh quan sinh thái hai bên sông và di sản tín ngưỡng gắn với Sân bay thứ 2 phía Nam Hà Nội.

* Định hướng chính:

Phát triển theo mô hình Đô thị Dịch vụ - Du lịch sinh thái. Kết nối với chuỗi du lịch Tam Chúc - Tràng An (Ninh Bình).

Là trung tâm hậu cần, trạm trung chuyển du lịch quốc tế giữa Sân bay thứ 2 với Chuỗi di sản tâm linh trọng điểm quốc gia (Hương Sơn - Tam Chúc - Bái Đính - Tràng An).

Khai thác tối đa giá trị cảnh quan sông Đáy, sông Nhuệ và quần thể thắng cảnh Hương Sơn để hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, các làng nghề truyền thống kết hợp du lịch trải nghiệm, các công viên chuyên đề, giải trí, tạo dựng thương hiệu "Cửa ngõ du lịch phía Nam" của Thủ đô.

Phát triển đô thị dịch vụ - du lịch hai bên tuyến đường 21B kết nối với Đô thị Thể thao về phía Bắc và đô thị Đại Nghĩa về phía Nam. Hình thành các trung tâm dịch vụ đô thị, trung tâm văn hoá, hạ tầng dịch vụ và du lịch, trung tâm thương mại dọc các trục hướng tâm và vành đai (21B, Trục phía Nam Hà Nội, vành đai 4.5, trục Đỗ Xá - Quan Sơn,…). Bảo vệ các không gian văn hóa, làng xóm hiện hữu, không gian xanh,

mặt nước hiện có tại khu vực. Gắn các không gian làng xã truyền thống với phát triển du lịch cộng đồng, văn hoá, các không gian sinh thái trải nghiệm.

Phát triển các khu, cụm công nghiệp sạch, xanh, ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên phát triển cụm công nghiệp làng nghề, tạo ra các sản phẩm công nghiệp văn hóa có giá trị.

c.4) Đô thị phía Tây Nam (Xuân Mai):

* Phạm vi: Nằm ở phía Tây Nam Thành phố; phạm vi ranh giới phía Đông đến vành đai xanh sông Đáy, phía Tây đến hết Đô thị Xuân Mai.

* Quy mô: Diện tích duy trì ổn định ở mức khoảng 3.660 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và đến năm 2065; Dân số khoảng 0,25 triệu người *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị Giáo dục, Đào tạo, Y tế gắn với nghỉ dưỡng sinh thái.

* Định hướng chính:

Đô thị giáo dục và đào tạo; Trung tâm Y tế; Đô thị sinh thái, du lịch, nghỉ dưỡng gắn liền với cảnh quan sinh thái. Phát triển khu công viên trung tâm của đô thị tại khu vực núi Thoong, tổ chức hệ thống cây xanh, mặt nước kết hợp với chức năng thoát lũ rừng ngang, lũ sông Bùi trên cơ sở mở rộng kênh Văn Sơn và sông Bến Gò. Phát triển các trung tâm thương mại dịch vụ theo mô hình TOD quanh các ga đường sắt đô thị. Đồng thời, bảo vệ cảnh quan làng xóm hiện có, xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đô thị.

Trung tâm giáo dục, nghiên cứu và các dịch vụ hỗ trợ giáo dục như trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, trung tâm hỗ trợ nghiên cứu, phòng thí nghiệm/ phòng nghiên cứu cộng đồng, trung tâm mô phỏng 3D, trung tâm dịch vụ thử nghiệm sản phẩm nghiên cứu,… một phần dự kiến phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh hóa phẩm phục vụ cho Hà Nội, khu vực Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Xây dựng đô thị theo mô hình đô thị hiện đại, chất lượng cao, phát triển nhà cao tầng tại khu vực trung tâm và các khu vực đầu mối giao thông. Xây dựng các đô thị sinh thái, khu ở mới đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, phát triển gắn kết với địa hình đồi núi và hệ thống hồ nước hiện có của khu vực.

Hình thành các cụm không gian chức năng: Trường Đại học; khu công nghệ cao; Khu trung tâm y tế tập trung; Khu đô thị sinh thái. Phát triển không gian các khu, cụm đại học tập trung nhằm cụ thể hóa chương trình di dời trường đại học từ trong nội đô ra ngoại thành với khu vực Xuân Mai là hạt nhân phát triển.

Phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, chợ đầu mối nối kết Hà Nội với các tỉnh phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam và khu vực.

Khoanh vùng bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng, kiểm soát các khu vực cần xử lý môi trường như: núi Thoong, sông Tích, sông Bùi, hồ Đồng Sương, hồ Văn Sơn,…, kết hợp phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Bảo vệ hành lang thoát lũ từ phía Lương Sơn (Phú Thọ) chảy sang sông Bùi và hành lang thoát lũ dọc sông Bùi.

c.5) Đô thị phía Tây (Hòa Lạc):

* Phạm vi: Nằm ở phía Tây Thành phố; phạm vi ranh giới phía Đông đến vành đai xanh sông Tích, phía Tây đến hết ranh giới hành chính Thành phố Hà Nội.

- Quy mô: Diện tích duy trì ổn định ở mức khoảng 10.099 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và đến năm 2065; Dân số khoảng 0,8 triệu người *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Giáo dục, Y tế. Trọng tâm là Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Đại học quốc gia Hà Nội.

* Định hướng chính:

Trung tâm đầu não về khoa học kỹ thuật công nghệ cao, trung tâm đào tạo, giáo dục chất lượng cao với chức năng hành chính đặc thù, quản lý khu công nghệ cao. Là thành phố của những trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, trung tâm thí nghiệm, khoa học - công nghệ, thử nghiệm cơ chế mới, nhấn mạnh công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đi cùng các chính sách hỗ trợ ưu tiên thu hút nhân lực chất lượng cao và doanh nghiệp đến đây làm việc và sinh sống.

Là vùng khoa học - giáo dục - đổi mới sáng tạo, gắn với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Đại học quốc gia Hà Nội. Định hướng phát triển các ngành công nghệ cao, trung tâm R&D và các viện nghiên cứu quốc tế, hình thành một quần thể giáo dục – nghiên cứu quy mô lớn, đóng góp trực tiếp vào kinh tế tri thức, hệ sinh thái khởi nghiệp và các ngành công nghệ số.

Sử dụng sân bay Hòa Lạc là sân bay lưỡng dụng phục vụ an ninh-quốc phòng, cứu hộ cứu nạn, các dịch vụ bay và khai thác thí điểm, thử nghiệm có kiểm soát các loại hình bay công nghệ cao.

Xây dựng đô thị "thông minh", thành phố khoa học, nơi tập trung trí tuệ và công nghệ tiên tiến, tiếp thu trình độ khoa học và công nghệ quốc tế, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Hình thành các cụm không gian chức năng: Trường đại học; khu công nghệ cao; khu trung tâm y tế tập trung; khu đô thị sinh thái.

Hình thành đô thị du lịch nghỉ dưỡng, trung tâm vùng phía Tây Hà Nội được xây dựng dựa trên cấu trúc địa hình tự nhiên gắn kết với hệ thống núi Ba Vì, hồ Đồng Mô và sông Tích, sân bay lưỡng dụng Hòa Lạc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia như Quốc lộ 21, đường Hồ Chí Minh.

c.6) Đô thị phía Tây Bắc (Sơn Tây - Tây Đằng - Tản Viên Sơn):

* Phạm vi: Nằm ở phía Tây Bắc Thành phố; phạm vi ranh giới phía Bắc đến hành lang xanh sông Hồng, phía Nam đến hết đô thị Tản Viên Sơn, phía Đông đến đô thị Phúc Thọ.

* Quy mô: Diện tích đến năm 2045 khoảng 7.438 ha, đến năm 2065 khoảng 11.120 ha; Dân số đến năm 2045 khoảng 0,53 triệu người, đến năm 2065 khoảng 0,65 triệu người *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị văn hóa lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng gắn với rừng quốc gia, núi Tản - sông Đà.

* Định hướng chính:

Lấy Thành cổ Sơn Tây làm hạt nhân lịch sử, phát triển lan tỏa ra các hướng, hạn chế nén vào khu vực lõi di sản. Khai thác giá trị văn hóa, lịch sử (làng cổ Đường Lâm, thành cổ Sơn Tây, đền Và,...) kết hợp với các giá trị văn hóa phi vật thể, phát triển các chức năng hỗ trợ du lịch văn hóa di sản, hình thành đô thị Sơn Tây trở thành đô thị cửa ngõ phía Tây Bắc của Thủ đô.

Khai thác cảnh quan Sông Hồng và Sông Tích làm không gian xanh chủ đạo. Phát triển đô thị văn hóa, lịch sử gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch, thương mại, văn hóa tạo động lực cho phát triển đô thị gắn kết với không gian xanh.

Hình thành các khu đô thị mới hiện đại ở phía Tây và phía Nam gắn với trục Quốc lộ 21 và đường vành đai 5. Xây dựng đô thị hài hòa với đặc điểm địa hình tự nhiên, có hệ thống giao thông đô thị kết nối đồng bộ giữa khu phát triển mới và làng xóm cũ.

Tăng cường đa dạng môi trường tự nhiên và tính chất sinh học của vùng phát triển trung tâm kỹ thuật sinh học hỗ trợ cho du lịch, phát triển nông nghiệp sinh thái trên cơ sở khai thác lợi thế ưu đãi về cảnh quan đa dạng vùng sông Hồng, sông Tích, sông Hang, rừng quốc gia Ba Vì - hồ Suối Hai,...

c.7) Đô thị theo tuyến Quốc lộ 32 và trục đường Tây Thăng Long:

* Phạm vi: Nằm ở phía Tây Bắc Thành phố; phạm vi ranh giới phía Đông đến vành đai xanh sông Đáy, phía Tây đến Đô thị Sơn Tây.

* Quy mô: Diện tích đến năm 2045 khoảng 2.434 ha ÷ 4.128 ha, đến năm 2065 khoảng 6.675 ha *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị sinh thái, dịch vụ du lịch, văn hóa lịch sử, công nghiệp, hỗ trợ nông nghiệp công nghệ cao.

* Định hướng chính:

Là trục hướng tâm quan trọng kết nối Đô thị trung tâm với Đô thị Sơn Tây và vùng thượng lưu sông Hồng - Phú Thọ.

Hình thành đô thị trên cơ sở thị trấn hiện hữu (trước đây) thành đô thị mới đồng bộ chức năng. Khai thác giá trị cảnh quan, đặc trưng khu vực, phát triển đô thị tính chất sinh thái hai bên tuyến Quốc lộ 32 và trục đường Tây Thăng Long. Hình thành chức năng công nghiệp nhẹ và logistics hỗ trợ nông nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng.

Phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ dọc tuyến đường vành đai, hướng tâm. Kiểm soát sự phát triển lan tỏa, tránh tác động tiêu cực tới môi trường cảnh quan tự nhiên hiện có và các vùng bảo tồn làng nghề, di tích lịch sử, công trình văn hóa.

Cung cấp các dịch vụ chất lượng cao (y tế, giáo dục,…) nhằm phục vụ dân cư đô thị và dân cư của các làng nghề lân cận,...

c.8) Đô thị theo tuyến Đại lộ Thăng Long và trục Hồ Tây-Ba Vì:

* Phạm vi: Nằm ở phía Tây Thành phố; phạm vi ranh giới phía Đông đến vành đai xanh sông Đáy, phía Tây đến Đô thị Hòa Lạc.

* Quy mô: Diện tích đến năm 2045 khoảng 2.926 ha ÷ 4.786 ha, đến năm 2065 khoảng 7.000 ha *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị sinh thái, văn hoá, giáo dục và khoa học, công nghệ.

* Định hướng phát triển:

Đóng vai trò kết nối Đô thị trung tâm với Cực tăng trưởng phía Tây (Đô thị Hòa Lạc), vườn quốc gia Ba Vì, vừa là trục động lực kinh tế tri thức (Khoa học, Công nghệ, Giáo dục), vừa là trục không gian văn hóa - cảnh quan đặc sắc kết nối văn hóa Thăng Long - xứ Đoài.

Khu đô thị sinh thái mới phát triển mở rộng về phía Bắc đại lộ Thăng Long và phía Tây trục Bắc - Nam gắn với khai thác phát triển vùng cảnh quan di tích hiện có tại khu vực. Cung cấp các loại hình nhà ở sinh thái, hỗ trợ phát triển vùng nông thôn và dịch vụ vui chơi giải trí. Thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa, lịch sử.

Khu vực phía Nam Đại lộ Thăng Long phát triển từ thị trấn hiện hữu thành trung tâm hành chính, cung cấp các dịch vụ công cộng chất lượng cao gắn với cải tạo đô thị hiện hữu. Tăng cường các chức năng hỗ trợ phát triển dịch vụ vùng nông thôn, liên kết hài hòa và tạo hành lang đệm với các làng xóm hiện hữu.

Khu vực phía Bắc Đại lộ Thăng Long phát triển các chức năng đô thị chất lượng cao về y tế, giáo dục, thương mại, văn hóa và du lịch, hướng đến là trung tâm hậu cần cho thành phố phía Tây và trung tâm thành phố Hà Nội.

Bảo vệ và khai thác các công trình di tích văn hóa lịch sử các khu vực phụ cận như chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian, chùa Trầm và cảnh quan dọc sông Đáy, sông Tích để tạo lập không gian đô thị. Phát triển khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí gắn với bảo vệ, khai thác vùng cảnh quan sinh thái - văn hóa tại khu vực.

Cải tạo sông Đáy và sông Tích. Xác định các hành lang bảo vệ dọc các tuyến hạ tầng, sông Tích, sông Đáy và bảo tồn các công trình di tích lịch sử hai bên sông, hình thành các tuyến du lịch dọc sông Tích, sông Đáy kết nối với những điểm du lịch tại các địa phương lân cận.

c.9) Đô thị theo tuyến Quốc lộ 6 và tuyến đường Hà Đông-Xuân Mai:

* Phạm vi: Nằm ở phía Tây Nam Thành phố; phạm vi ranh giới phía Đông Bắc đến vành đai xanh sông Đáy, phía Đông đến Đô thị Xuân Mai.

* Quy mô: Diện tích đến năm 2045 khoảng 2.993 ha ÷ 6.660 ha, đến năm 2065 khoảng 11.307 ha *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Đô thị sinh thái, dịch vụ du lịch, giáo dục đào tạo, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

* Định hướng chính:

Hình thành chuỗi đô thị sinh thái kết nối Đô thị trung tâm với Đô thị Xuân Mai và cửa ngõ vùng Tây Bắc. Xây dựng đô thị đồng bộ chức năng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, hệ thống hạ tầng xã hội chất lượng cao, gắn kết với mạng lưới hạ tầng chung của Thủ đô Hà Nội nhằm hỗ trợ chia sẻ chức năng với đô thị trung tâm.

Phát triển không gian các khu, cụm đại học tập trung nhằm cụ thể hóa chương trình di dời trường đại học từ trong nội đô ra ngoại thành với khu vực Chúc Sơn là hạt nhân phát triển.

Cải tạo thị trấn hiện hữu, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tạo sự gần gũi thân thiện với người dân. Hạn chế sự phát triển lan tỏa, tránh tác động tiêu cực tới môi trường cảnh quan tự nhiên hiện có và các vùng bảo tồn làng nghề, di tích lịch sử, công trình văn hóa. Phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo vệ cảnh quan tự nhiên (hành lang xanh sông Đáy).

Hình thành Trung tâm giáo dục đào tạo, dịch vụ du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Bảo vệ các không gian văn hóa, làng xóm hiện hữu, không gian xanh, mặt nước hiện có tại khu vực.

c.10) Đô thị theo tuyến Quốc lộ 1 và cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ:

* Phạm vi: Nằm ở phía Nam Thành phố; phạm vi ranh giới phía Bắc giáp Đô thị Thể thao, phía Nam giáp Đô thị phía Nam (Phú Xuyên).

* Quy mô: Duy trì ổn định ở mức khoảng 1.510 ha trong giai đoạn đến năm 2045 và năm 2065 *(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định trên cơ sở tính chất, chức năng, khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác của Thành phố)*.

* Tính chất, chức năng chính: Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics, vận tải đa phương thức.

* Định hướng chính:

Hình thành đô thị công nghiệp, dịch vụ, thương mại, là khu vực chuyển tiếp giữa đô thị Thể thao và đô thị phía Nam. Hình thành chức năng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch. Là nơi thuận lợi để di dời công nghiệp từ các khu vực nội đô, khu vực nội đô mở rộng tới và phù hợp phát triển dịch vụ trung chuyển hàng hóa.

Phát triển đô thị đồng bộ chức năng, trong đó hình thành không gian mở, vùng đệm xanh giữa đô thị Thể thao và đô thị phía Nam, kiểm soát phát triển đô thị dàn trải.

Khai thác cảnh quan sông Đáy, sông Hồng, hình thành không gian xanh liên kết các không gian xanh của Thành phố.

c.11) Định hướng phát triển nông thôn:

Phát triển khu vực nông thôn Thủ đô theo định hướng "Hiện đại trong hội nhập - Bền vững trong bản sắc", bảo đảm sự gắn kết hữu cơ với tiến trình đô thị hóa; trọng tâm là nâng cao chất lượng sống của cư dân tiệm cận tiêu chuẩn đô thị và tái cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng giá trị.

(1) Tổ chức không gian và bảo tồn:

Thực hiện mô hình "Làng trong phố - Phố trong làng", bảo đảm sự hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại; duy trì liên tục các hành lang xanh, mặt nước, vùng sinh thái và khu vực thoát lũ; tích hợp phát triển du lịch, dịch vụ dựa trên lợi thế cảnh quan, văn hóa di sản và làng nghề.

Bảo tồn nguyên trạng cấu trúc làng xã truyền thống và cảnh quan tự nhiên; quản lý chặt chẽ sử dụng đất theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; xác lập các không gian dự trữ chiến lược cho tương lai.

(2) Đổi mới tư duy quy hoạch gắn với mô hình chính quyền 02 cấp:

Chuyển đổi từ "quy hoạch điểm dân cư" sang "quy hoạch không gian phát triển cấp xã". Xác lập mỗi xã là một đơn vị không gian tổng hợp, tích hợp đa chức năng: cư trú, sản xuất, dịch vụ, du lịch, sinh thái, hệ thống hạ tầng khung và dự trữ phát triển.

Thiết lập hệ thống điểm dân cư nông thôn theo mô hình đô thị - nông thôn tích hợp, phù hợp với cấu trúc đa cực của Thành phố.

(3) Lộ trình phát triển và quản lý xây dựng:

Giai đoạn đến năm 2045: Cơ bản ổn định cấu trúc không gian, xác định rõ các khu vực nông thôn, hành lang xanh và vùng sinh thái đặc thù.

Giai đoạn 2045 - 2065: Thực hiện chuyển đổi có chọn lọc một phần không gian nông thôn sang các chức năng đô thị, dịch vụ, công nghiệp và hạ tầng đầu mối theo nhu cầu phát triển mới.

Công tác quản lý: Kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng và tầng cao (ưu tiên thấp tầng), hài hòa với địa hình tự nhiên; khuyến khích bảo tồn giá trị kiến trúc truyền thống.

Hạ tầng xã hội: Hình thành các Trung tâm xã và Trung tâm cụm xã tích hợp đầy đủ chức năng: hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao và tiện ích công cộng; gắn với các khu đấu giá và tái định cư để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

(4) Phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại:

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải.

Hình thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn: lúa năng suất cao, rau an toàn, hoa cây cảnh, cây ăn quả đặc sản và chăn nuôi tập trung an toàn sinh học.

Chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang kinh tế nông nghiệp hiện đại, tích hợp sâu với các chuỗi giá trị về chế biến, logistics, thương mại và dịch vụ.

c.12) Hệ thống không gian xanh, hành lang xanh, vành đai xanh và nêm xanh:

Xác lập hệ thống không gian xanh toàn diện làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, đảm bảo khả năng tự làm sạch, cân bằng sinh quyển và vi khí hậu của Thủ đô.

Cấu trúc không gian xanh chủ đạo:

+ Duy trì và lồng ghép hệ thống hành lang xanh, vành đai xanh dọc các dòng sông, nêm xanh và công viên đô thị vào cấu trúc không gian đô thị để tạo sự liên tục và bảo đảm đa dạng sinh học.

+ Phát triển không gian hai bên các tuyến sông: sông Hồng, sông Đuống, sông Đà, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Tích, sông Cà Lồ, sông Thiếp - Đầm Vân Trì,… thành các hành lang xanh và vành đai xanh chiến lược.

+ Xác lập trục không gian hai bên sông Hồng là trục xương sống cảnh quan Thủ đô; tập trung bố trí các công trình công cộng, công viên văn hóa, dịch vụ du lịch, giải trí và các công trình biểu tượng của Thành phố.

Phát triển lâm nghiệp và mô hình "Thành phố trong rừng":

+ Bảo vệ tuyệt đối diện tích rừng hiện hữu và thực hiện lộ trình phát triển mở rộng diện tích rừng toàn Thành phố.

+ Triển khai mô hình "Rừng trong thành phố - Thành phố trong rừng" với hệ sinh thái rừng làm chủ đạo; xác lập rõ vùng lõi bảo tồn rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và vùng đệm phát triển công viên rừng, du lịch sinh thái mật độ thấp, thân thiện môi trường.

+ Thiết lập hệ thống hành lang xanh liên thông kết nối rừng với mạng lưới sông, hồ, không gian nông nghiệp và các vùng sinh thái đặc thù.

Hệ thống công viên và không gian xanh nội đô:

+ Nâng cấp các không gian xanh hiện hữu; ưu tiên dành quỹ đất sau khi di dời các công sở, cơ sở sản xuất công nghiệp để bổ sung công viên, vườn hoa và tiện ích công cộng.

+ Rà soát và triển khai các dự án công viên trọng điểm tại khu vực nội đô (Thủ Lệ, Núi Cung, Đống Đa, Đầm Hồng, Hạ Đình,...) đảm bảo tính khả thi và phù hợp hiện trạng.

+ Phát triển các công viên chuyên đề, công viên sinh thái gắn với hoạt động thể thao, giải trí; hình thành mạng lưới kết nối liên hoàn với hệ thống cây xanh tự nhiên tại các cực Sóc Sơn, Ba Vì, Hương Tích và các lưu vực sông, hồ.

Quản lý nông thôn và mặt nước sinh thái:

+ Tối ưu hóa vành đai xanh nông nghiệp theo mô hình canh tác hữu cơ, hiện đại hóa sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

+ Giữ gìn, khôi phục hệ thống sông, hồ, đầm nước để bảo đảm khả năng tiêu thoát nước đô thị, cân bằng môi trường sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội; thiết lập các tuyến hành lang bảo vệ nghiêm ngặt cho hệ thống nguồn nước và đập thủy lợi.

+ Quy hoạch không gian cảnh quan sinh thái dọc các tuyến sông kết nối với các trung tâm kinh tế, văn hóa lớn để xác lập đặc trưng môi trường văn hóa - sinh thái Thủ đô.

+ Khai thác hiệu quả không gian mặt nước cho các hoạt động kinh tế dịch vụ, du lịch và vận tải thủy.

d) Định hướng kiến trúc cảnh quan – thiết kế đô thị tổng thể:

* Định hướng kiến trúc cảnh quan:

+ Xây dựng hình ảnh và bản sắc của Thủ đô Hà Nội theo mục tiêu Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc dựa trên bảo tồn và phát huy các giá trị di sản không gian, kiến trúc, cảnh quan, văn hóa, lịch sử, kết hợp xây dựng phát triển đô thị hiện đại, xanh và sáng tạo.

+ Tạo lập không gian kiến trúc cảnh quan "Đô thị xanh, thông minh và phát triển bền vững" với 5 trụ cột phát triển gồm: (1) Văn hóa - lịch sử - thiên nhiên; (2) Con người và di sản; (3) Kinh tế và xã hội số; (4) Hạ tầng đồng bộ hiện đại; (5) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Xây dựng thành phố xanh, tối ưu hoá sử dụng năng lượng, thích ứng biến đổi khí hậu, tôn vinh giá trị văn hóa, lịch sử và bảo vệ hệ sinh thái có không gian sống hấp dẫn. Phát huy hệ thống sông - hồ - mặt nước, không gian xanh là hình ảnh đặc trưng của đô thị Hà Nội;.

+ Thiết lập các vùng, tuyến, điểm cảnh quan tạo nên diện mạo đô thị mới theo hướng văn minh, hiện đại, có bản sắc, trên cơ sở liên kết hài hòa với các không gian mở, không gian hoạt động công cộng trong đô thị.

* Định hướng các khu vực trọng điểm:

+ Hệ thống các điểm nhấn trong đô thị:

Gồm: Công trình điểm nhấn về chiều cao và công trình điểm nhấn có giá trị văn hoá, lịch sử, kiến trúc, giá trị cảnh quan đặc trưng; được xác định theo các tiêu chí về vị trí, khả năng tiếp cận, khả năng đáp ứng về hạ tầng đô thị, giá trị văn hoá - lịch sử, hình thái kiến trúc tiêu biểu. Các công trình điểm nhấn được tạo lập cùng với khu vực phân vùng phát triển của Thành phố để nhận diện nơi chốn, định hình không gian đô thị và hình thành nét đặc trưng của từng phân vùng phát triển đô thị. Ngoài ra, trên dọc các trục chính đô thị, tại các khu vực cửa ngõ Thành phố, quanh các đầu mối giao thông quan trọng, tại các khu trung tâm khu vực, tổ chức cụm công trình điểm nhấn để tạo dựng hình ảnh đặc trưng của Thủ đô.

+ Các trục không gian đô thị:

Phát triển 09 trục không gian quan trọng gồm: trục Nhật Tân - Nội Bài / Bắc Thăng Long - Nội Bài; trục Hồ Tây - Cổ Loa - sân bay Gia Bình; trục Quốc lộ 5 / Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; trục Quốc lộ 1A / Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ; trục Quốc lộ 21B / Quốc lộ 21C; trục Quốc lộ 6 / tuyến đường Hà Đông - Xuân Mai; trục Đại lộ Thăng Long / Hồ Tây - Ba Vì; trục Quốc lộ 32 / tuyến đường Tây Thăng Long; trục Đại lộ cảnh quan sông Hồng.

Kiểm soát các trục hướng tâm, trục vành đai về tổ chức không gian để đảm bảo tính liên tục, kết nối và chuyển tiếp về hình ảnh giữa khu vực đô thị cũ và khu vực phát triển mới, từ khu vực nội thành ra khu vực ngoại thành, từ khu vực đô thị trung tâm ra các khu vực hành lang xanh, nêm xanh,...

Tổ chức không gian, phát triển dịch vụ du lịch trên sông và ven sông gắn với các di tích ven sông, các làng nghề truyền thống theo các trục không gian hai bên sông Đáy, sông Tích, sông Nhuệ, sông Đuống, sông Cà Lồ, sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch để tạo thành các trục không gian cảnh quan đặc trưng của Hà Nội - đô thị của sông, hồ.

Nguyên tắc quản lý phát triển đô thị dọc theo các trục phát triển: Đối với các tuyến có bố trí giao thông công cộng khối lượng lớn, ưu tiên đảm bảo lộ giới cho giao thông công cộng (tuyến và nhà ga) để hoạt động hiệu quả và thông suốt; đảm bảo khả năng mở rộng lộ giới đường theo quy hoạch trong tương lai; phân tách giao thông liên vùng và giao thông khu vực để đảm bảo hoạt động hiệu quả của các hành lang phát

triển chính. Theo điều kiện đáp ứng của hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, gia tăng hệ số sử dụng đất và các không gian cây xanh, đặc biệt là tại các khu vực phát triển trong phạm vi có thể đi bộ đến các nhà ga giao thông công cộng khối lượng lớn; bố trí bãi đỗ xe tập trung và áp dụng các giải pháp gia tăng chỗ đỗ xe, để phục vụ các khu vực phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

+ Các vùng cảnh quan đặc trưng, gồm 04 vùng:

Vùng cảnh quan đô thị tập trung (đô thị trung tâm): Khu vực phố cổ, phố cũ mật độ dân cư cao cần kiểm soát phát triển thông qua kiểm soát mật độ cư trú và đánh giá tác động của các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị. Các khu phát triển mới, các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị khác xem xét phát triển nén, cao tầng. Hình thành các tuyến phố văn minh đô thị; các không gian đơn vị ở tiếp cận thuận tiện với không gian xanh, mặt nước và không gian công cộng thông qua các tuyến giao thông xanh, tuyến đi bộ và xe đạp.

Vùng cảnh quan khu vực các Cực tăng trưởng phía Tây Bắc, Tây, Tây Nam, Nam và chuỗi đô thị kết nối: Phát triển vành đai đô thị đồng bộ, hiện đại theo mô hình TOD xung quanh nội đô để thu hút nhu cầu phát triển dân số, lao động. Hình thành không gian xanh cách ly và hạ tầng môi trường đồng bộ xung quanh các khu, cụm công nghiệp, đầu mối giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

Vùng cảnh quan hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, dọc các tuyến sông chính: Đảm bảo kiểm soát tránh sự phát triển lan tỏa của các khu vực đô thị; giai đoạn trước mắt phát triển nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái cảnh quan gắn với làng xóm hiện hữu, kiểm soát chặt việc phát triển mở rộng các điểm dân cư nông thôn nằm trong hành lang xanh.

Vùng cảnh quan nông thôn: Gìn giữ cảnh quan, không gian văn hóa truyền thống. Kiểm soát ranh giới làng, xóm đảm bảo có đủ không gian bổ sung hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật nâng cao chất lượng sống của người dân, không phát triển mở rộng ảnh hưởng đến các khu vực phát triển nông nghiệp.

* Quy định các chỉ tiêu kiểm soát phát triển:

+ Quản lý chiều cao công trình phù hợp quy hoạch được duyệt, theo nguyên tắc tập trung các công trình cao tầng theo các khu vực: (1) khu vực trọng tâm phát triển đô thị nén và tập trung; (2) Các khu vực điểm nhấn, công trình cao tầng trên các trục đường vành đai, tuyến đường hướng tâm và tuyến đường chính khu vực theo hướng hợp lý; (3) Các khu vực phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) nhằm tạo dựng các khu vực đô thị nén có kiến trúc hiện đại, tạo hiệu quả sử dụng đất tối ưu với lợi thế của mạng lưới giao thông công cộng đó nhưng phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; phát triển các công trình thấp tầng, các khu vực không gian mở, mật độ xây dựng thấp tại các khu vực kề cận với không gian xanh hoặc xa các khu vực TOD. Quy định về chiều cao công trình và điểm nhấn cao tầng, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng cụ thể hóa trong các quy hoạch cấp dưới.

+ Chiều cao xây dựng: Kiểm soát chặt chẽ công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử, cho phép nghiên cứu một số công trình cao tầng tạo điểm nhấn trên cơ sở phù hợp với thiết kế đô thị riêng, đặc điểm hiện trạng, khả năng đáp ứng hạ tầng, yêu cầu bảo vệ các không gian di tích lịch sử lân cận (nếu có) và cần lấy ý kiến thống nhất

của cơ quan quản lý chuyên ngành. Khuyến khích phát triển công trình cao tầng tại khu vực phát triển đô thị mở rộng (trừ các khu vực hạn chế chiều cao được xác định cụ thể trong quy chế quản lý kiến trúc và các quy hoạch cấp dưới).

+ Mật độ xây dựng: Khu đô thị nội đô, khu đô thị mở rộng, các dự án đô thị mới, các khu du lịch nghỉ dưỡng,... được cụ thể hóa trong quy hoạch cấp dưới phải đảm bảo có mật độ xây dựng phù hợp và tuân thủ theo quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Hình thành vành đai xanh, hành lang xanh để tạo lập ranh giới phát triển đô thị và kiểm soát phát triển và hạn chế phát triển tự phát. Thiết lập các hành lang bảo vệ hệ thống sông hồ để bảo vệ cảnh quan và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước.

* Kiểm soát hình thái kiến trúc, điểm nhấn đô thị:

+ Cải tạo, nâng cấp cảnh quan các công trình kiến trúc điểm nhấn hiện hữu; Bố trí các công trình điểm nhấn mới tại một số khu vực nút giao chính và khu vực cửa ngõ và các khu vực điểm nhấn không gian, đồi núi, cảnh quan (Núi Ba Vì, núi Sóc Sơn và Hương Tích, các điểm nhấn cảnh quan dọc sông Hồng, sông Đáy, sông Tích và sông Nhuệ,...). Kiểm soát chặt chẽ tầng cao công trình phù hợp với đặc điểm địa hình, hiện trạng của từng khu vực, khả năng đáp ứng hạ tầng của từng khu vực và yêu cầu bảo tồn các không gian di tích lịch sử lân cận (nếu có).

+ Phát triển kiến trúc đô thị, nông thôn hài hòa với điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, trình độ khoa học kỹ thuật và đặc biệt chú trọng tạo bản sắc kiến trúc cho các khu vực nội đô mang tỉnh lịch sử. Nghiên cứu ứng dụng vật liệu thân thiện với môi trường đạt được tiêu chí "công trình xanh - kiến trúc bền vững", từng bước tạo dựng không gian cảnh quan thân thiện, hòa nhập với thiên nhiên; bảo đảm sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả; thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể.

+ Phát triển kiến trúc tại nông thôn trên cơ sở kế thừa, phát huy các hình thái kiến trúc truyền thống kết hợp hiện đại với các giải pháp thiết kế phù hợp đặc điểm thiên nhiên, con người, tôn trọng địa hình, thiên nhiên và khí hậu từng khu vực, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5.2. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội:

a) Phương án liên kết quốc tế:

Kết nối Thủ đô Hà Nội với quốc tế thông qua Cảng hàng không quốc tế cửa ngõ Nội Bài và các hành lang kinh tế:

* Hệ thống Cảng hàng không kép: Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (cực phía Bắc) đạt công suất 50 triệu hành khách/năm, mở rộng quy mô lên khoảng 1.500ha về phía Nam. Quy hoạch Cảng hàng không thứ 2 Vùng Thủ đô tại khu vực phía Nam (khu vực xã Ứng Hòa, Chuyên Mỹ) là cảng hàng không quốc tế với công suất dự kiến 30-50 triệu khách/năm đạt tiêu chuẩn quốc tế, phát triển theo mô hình đô thị sân bay. Phát triển sân bay Hòa Lạc, Gia Lâm khai thác lưỡng dụng (quân sự, dân dụng,…).

* Các tuyến hành lang kết nối Hà Nội với quốc tế gồm:

(1) Kết nối Hà Nội với các tỉnh và quốc tế (Trung Quốc) thông qua hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Kết nối Thủ đô Hà Nội với tỉnh

Nam Ninh (Trung Quốc).

(2) Kết nối Hà Nội với các tỉnh và quốc tế (Trung Quốc) thông qua hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Kết nối Thủ đô Hà Nội với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

(3) Kết nối Hà Nội với các tỉnh và quốc tế (Trung Quốc) thông qua tuyến hành lang kinh tế Hà Nội - Thái Nguyên - Cao Bằng: Kết nối Thủ đô Hà Nội với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

(4) Kết nối Hà Nội với các tỉnh và quốc tế (Lào) thông qua tuyến Hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội: Trong tương lai đây sẽ là tuyến hành lang kết nối Thủ đô Hà Nội với các tỉnh Đông Bắc của Lào.

b) Phương án tổ chức liên kết Thủ đô Hà Nội với các địa phương khác trong nước:

b.1) Định hướng nội dung liên kết:

(1) Về lĩnh vực kinh tế:

Hình thành, phát triển và nâng cao hiệu quả các trung tâm đổi mới sáng tạo, trong đó Thủ đô Hà Nội đi đầu trong công tác nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu đối với các tỉnh trong vùng và cả nước. Thủ đô Hà Nội đóng vai trò dẫn dắt, chia sẻ trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới.

Phát triển công nghiệp Thủ đô với vai trò đi đầu trong việc tạo hệ sinh thái đa dạng, bổ trợ các tỉnh. Tập trung vào các cụm liên kết ngành công nghiệp quan trọng của Hà Nội và các tỉnh như: Công nghiệp điện tử; công nghiệp chip bán dẫn; công nghiệp cơ khí - chế tạo; sản xuất dược phẩm và thiết bị y tế; Sản xuất phần mềm, trí tuệ nhân tạo, tương tác thực tại ảo, điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn, Internet vạn vật; sản xuất ô tô, công nghiệp phụ trợ, cơ khí chế tạo, tự động hóa. Ưu tiên liên kết trong phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung quốc gia, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm trí tuệ nhân tạo.

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa Thủ đô và các tỉnh trong phát triển sản xuất, cung ứng, tiêu thụ, tạo đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch gắn với tham gia chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản toàn cầu.

Phối hợp xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của Thủ đô và các địa phương. Đẩy mạnh liên kết trong phát triển các dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, logistics, ngân hàng, tài chính, du lịch, viễn thông, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm tại vùng Đồng bằng sông Hồng. Mở rộng liên kết hoạt động thương mại gắn kết với thị trường trong và ngoài nước nhằm tổ chức tốt lưu thông hàng hóa, tạo nguồn cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cho sản xuất. Phát triển thương mại gắn với phát triển ngành nông nghiệp chất lượng cao, bền vững, tạo lập liên kết theo chuỗi giá trị.

Liên kết phát triển du lịch giữa các khu vực trong Thủ đô và Thủ đô với các tỉnh/Thành phố trên cả nước, trong công tác quản lý các điểm đến du lịch, liên kết mở rộng thị trường để khai thác, quảng bá, marketing du lịch trong và ngoài nước. Tạo điều kiện lợi thế và môi trường tốt nhất để từng địa phương phát huy thế mạnh riêng, bản sắc khác biệt và trở thành những điểm đến không trùng lặp đối với du khách khi

đến với Thủ đô. Thu hút nguồn cung khách du lịch trong nước và quốc tế, thiết lập không gian kinh tế du lịch vùng thống nhất.

(2) Về phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại:

Phát huy vai trò hạt nhân, động lực của Thủ đô Hà Nội đối với các tỉnh trong vùng. Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á.

Tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội - Bắc Ninh - Thái Nguyên gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ. Chia sẻ các chức năng về giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, thương mại - dịch vụ, du lịch giữa Thủ đô Hà Nội và các tỉnh.

Hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông tĩnh; các tuyến đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với các tỉnh trong Vùng Thủ đô, Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng trung du và miền núi phía Bắc (Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên,…).

(3) Về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong Vùng nhằm xây dựng vùng Đồng bằng sông Hồng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dẫn dắt của cả nước; xác lập vị thế của Thủ đô Hà Nội là trung tâm động lực, hạt nhân về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ hàng đầu tại khu vực và quốc tế. Tập trung xây dựng, thực thi chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của vùng và cả nước.

Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng Đồng bằng sông Hồng tại Thủ đô Hà Nội; phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình,...

(4) Về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Ưu tiên liên kết, hợp tác trong phát triển các cơ sở đào tạo quốc gia về ngành nghề và công nghệ 4.0, các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo những các ngành nghề là lợi thế cho phát triển của khu vực phía Bắc nhằm tạo đột phá về nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động. Liên kết giữa các địa phương của Thủ đô và Thủ đô với các tỉnh/thành phố để tạo hệ sinh thái bổ trợ các hoạt động dịch vụ phục vụ sinh viên, người đào tạo.

Phát huy vai trò của Thủ đô Hà Nội là trung tâm của cả nước trong đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Hỗ trợ đầu tư, phát triển một số trường đại học lớn, đa ngành theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

(5) Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân:

Thủ đô Hà Nội cùng với các tỉnh phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân; xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh Sông Hồng.

Phát triển đồng bộ hệ thống y tế của Thủ đô theo quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia; phát huy vai trò Hà Nội là trung tâm dịch vụ y tế của vùng và cả nước.

(6) Về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu:

Phối hợp với các tỉnh và các cơ quan có liên quan trong việc nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính toàn Vùng. Chú trọng tăng cường liên kết chặt chẽ, hiệu quả giữa các địa phương để triển khai giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường. Liên kết việc xử lý chất thải; phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Liên kết trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực Sông Hồng. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực Sông Hồng. Có biện pháp để cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông Nhuệ, Đáy,...

b.2) Tổ chức hệ thống kết cấu hạ tầng liên kết Hà Nội với quốc tế và các địa phương khác:

(1) Liên kết Thủ đô với các tỉnh/thành phố trên cả nước và quốc tế thông qua hệ thống các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, sân bay và thủy nội địa.

(2) Liên kết Thủ đô với các tỉnh/thành phố thông qua các tuyến hành lang:

Các tuyến hành lang kết nối Thủ đô với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc: Ngoài các tuyến hành lang quan trọng được xác định trong quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội kết nối với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc thông qua các tuyến hành lang như sau:

+ Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội (một phần của hành lang kỹ thuật Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh): Đây là tuyến hành lang về thương mại, du lịch và một phần về công nghiệp. Bên cạnh đó, đây cũng là tuyến hành lang kỹ thuật có vai trò kết nối đối ngoại quan trọng giữa Việt Nam và Trung Quốc.

+ Hành lang kinh tế Lạng Sơn - Bắc Ninh - Hà Nội (một phần của hành lang kỹ thuật Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gắn với Quốc lộ 1, đường bộ cao tốc Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn, đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội): Đây là tuyến hành lang về thương mại, công nghiệp, đồng thời đóng vai trò quan trọng về kết nối trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

+ Hành lang kinh tế Thái Nguyên - Hà Nội (gắn với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên): Đây là tuyến hành lang phục vụ cho cụm sản xuất công nghiệp điện tử mà trung tâm là Nhà máy Samsung Thái Nguyên.

Các tuyến hành lang kết nối Thủ đô với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng:

+ Hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (là một phần của hai hành lang kỹ thuật quan trọng là Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh): Đây là hành lang công nghiệp - thương mại

quan trọng nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng, có vai trò kết nối với khu vực và quốc tế.

+ Hành lang kinh tế Hà Nội - Ninh Bình (Gắn với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và Quốc lộ 1): Đây là hành lang mở rộng không gian phát triển của vùng xuống các tỉnh Nam Đồng bằng sông Hồng, với định hướng phát triển công nghiệp và kết nối du lịch.

5.3. Định hướng phát triển các ngành quan trọng:

a) Phương hướng phát triển các ngành quan trọng:

a.1) Khu vực thương mại - dịch vụ:

(1) Thương mại:

Phát triển ngành thương mại văn minh, hiện đại, tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thủ đô. Chuyển đổi từ thương mại truyền thống sang thương mại hiện đại, giá trị cao. Áp dụng mô hình "Đô thị 15 phút", nơi mọi dịch vụ, tiện ích có thể được tiếp cận một cách thuận tiện trong bán kính đi bộ. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế, định hướng sản xuất, xuất khẩu tạo giá trị gia tăng cao.

Phát triển ngành thương mại theo hướng chuyển biến mạnh mẽ về phương thức kinh doanh, khuyến khích sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đa dạng các loại hình sở hữu. Phát triển các trung tâm thương mại hiện đại theo chuẩn quốc tế. Phát triển các sàn giao dịch hàng hóa quốc gia, liên thông quốc tế. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử dựa trên nền tảng hạ tầng số hiện đại; đi đầu cả nước về phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới. Phát triển đa dạng các hoạt động kinh tế đêm khu vực phố cổ, ven sông Hồng, khu vực Hồ Tây. Khai thác không gian ngầm và khu vực xung quanh ga đường sắt đô thị để mở rộng thêm không gian các hoạt động thương mại.

Hình thành tổ hợp trung tâm thương mại (mua sắm, vui chơi giải trí, cửa hàng outlet, thủ tục xuất nhập cảnh,…) tại các đầu mối giao thông liên tỉnh, liên vận quốc tế. Hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp trong không gian ngầm tại trung tâm các khu đô thị, đầu mối giao thông công cộng, nơi tập trung đông dân cư.

(2) Du lịch:

Khai thác có hiệu quả các tiềm năng lợi thế, phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Thủ đô Hà Nội trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn hàng đầu trên Thế giới; là động lực quan trọng dẫn dắt các ngành, lĩnh vực khác, có sức cạnh tranh cao.

Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc của Thủ đô nghìn năm văn hiến, có thương hiệu sản phẩm nổi bật và sức cạnh tranh cao trong nước và quốc tế. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch đêm,… Phát triển các sản phẩm du lịch thông minh trên cơ sở ứng dụng công nghệ số để nâng tầm các di sản của Thủ đô.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Thủ đô hướng đến các giá trị chiều sâu trong văn hoá, lịch sử, tự nhiên, con người và những thành tựu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Đầu tư kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất ngành du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Phát triển các dự án du lịch có quy mô lớn, mang tính chiến lược có vai trò

dẫn dắt, liên kết các hoạt động du lịch trong vùng và khu vực.

(3) Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm:

Phát triển ngành dịch vụ tài chính trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu, góp phần tạo đột phá về cấu trúc kinh tế và mô hình tăng trưởng đô thị hiện đại, kiến tạo nền tảng kinh tế tri thức, sáng tạo và có giá trị gia tăng cao. Tập trung vào các công cụ tài chính công và giải pháp vốn nâng cao (tài chính xanh, hợp tác công tư (PPP), tín dụng doanh nghiệp nhà nước, vốn xây dựng hạ tầng). Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm toàn diện, hiện đại, gắn với phát triển Trung tâm giao dịch hàng hóa trong nước và quốc tế, trên cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tốc độ cao, an toàn bảo mật, hệ sinh thái chuyển đổi số mạnh mẽ, kết nối đa phương tiện, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ tài chính thông minh.

Phát triển dịch vụ tài chính toàn diện, đa dạng theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, bảo đảm mọi chủ thể đều có khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính an toàn, thuận tiện với chi phí hợp lý và là công cụ thúc đẩy tài chính xanh, bền vững.

Khu vực Hoàn Kiếm là trung tâm tài chính, thu hút các tổ chức tài chính lớn đặt trụ sở; phát triển các sàn giao dịch về tài chính, công nghệ, hàng hóa,… Hình thành Tổ hợp trung tâm (tài chính, thương mại, dịch vụ 4.0) trên trục Nhật Tân - Nội Bài, nơi quy tụ trụ sở của các tổ chức tài chính và các tập đoàn quốc tế, kết nối với hệ thống kho bãi và logistics.

(4) Dịch vụ khác:

Bất động sản:

+ Phát triển thị trường bất động sản theo cơ chế thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, gắn với quá trình đô thị hóa nhanh. Xây dựng thị trường bất động sản ổn định, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, trở thành ngành dịch vụ giá trị gia tăng lớn, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế.

+ Ưu tiên phát triển nhà ở xã hội, khu đô thị đa mục tiêu để cân đối cung - cầu, hạn chế đầu cơ; đồng thời thúc đẩy bất động sản xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, phù hợp định hướng phát triển bền vững.

+ Hình thành hệ sinh thái bất động sản thông minh trên nền tảng số, ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý, môi giới; phát triển các dịch vụ tư vấn, quản lý, vận hành chuyên nghiệp. Gắn phát triển bất động sản với mô hình đô thị đa trung tâm, đô thị sinh thái, thông minh, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, chất lượng sống và bảo vệ môi trường.

Logistics:

+ Phát triển dịch vụ logistics theo hướng khai thác hiệu quả quỹ đất và các nguồn lực để xây dựng hạ tầng logistics đồng bộ, hiện đại, gắn với hạ tầng giao thông, thương mại và hạ tầng số. Phát triển logistics theo hướng xanh, thông minh, phát thải thấp, thích ứng biến đổi khí hậu; hướng tới xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm logistics hiện đại của vùng và quốc gia, kết nối hiệu quả với chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

+ Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, dữ liệu lớn; phát triển dịch vụ logistics theo các cấp độ 3PL, 4PL, hướng tới 5PL và logistics điện tử.

+ Hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính (thuế, hải quan), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy liên kết vùng, liên ngành và hội nhập quốc tế, gắn với phát triển thị trường logistics bền vững.

a.2) Khu vực Công nghiệp - xây dựng:

(1) Công nghiệp:

Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về phát triển công nghiệp công nghệ cao, giữ vai trò dẫn dắt trong các chuỗi liên kết phát triển trên các hành lang công nghiệp nội vùng và liên vùng, tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị và mạng lưới phân phối toàn cầu. Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ số; công nghiệp phần mềm, chip bán dẫn, công nghệ lượng tử; công nghệ sinh học, y sinh; công nghiệp hỗ trợ (sản xuất linh kiện, phụ tùng; hỗ trợ ngành dệt may, da giày; lĩnh vực hàng không, đường sắt,...); công nghiệp vật liệu mới.

Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có giá trị gia tăng cao, vốn đầu tư lớn, tạo nhiều nguồn thu nội địa nhưng có nhu cầu về diện tích đất công nghiệp thấp, sử dụng hợp lý lao động, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng xanh, phân tán và hiệu quả đồng bộ với việc phát triển hạ tầng lưới điện hiện đại, đồng bộ. Đầu tư ứng dụng kỹ thuật mới, tiên tiến vào sản xuất các loại vật liệu mới, vật liệu cao cấp, vật liệu tổng hợp phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng.

Phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, sinh thái, thu hút các tập đoàn lớn trên thế giới đầu tư, sản xuất, chuyển giao công nghệ. Phân bố lực lượng sản xuất hợp lý trên địa bàn và phát huy hiệu quả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã quy hoạch; hình thành không gian phát triển công nghiệp có cơ cấu hợp lý theo ngành và vùng, lãnh thổ. Khu Công nghệ cao Hoà Lạc là vùng động lực phát triển công nghiệp công nghệ cao của Thành phố.

Phát triển các làng nghề truyền thống, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp kết hợp với phát triển du lịch. Đa dạng hoá sản phẩm, ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm có khả năng cạnh tranh gắn với nguồn nguyên liệu, phục vụ du lịch, đời sống xã hội và xây dựng nông thôn mới.

(2) Xây dựng:

Phát triển ngành xây dựng bền vững, hiện đại, xanh và thông minh, đóng vai trò nòng cốt trong phát triển đô thị Thủ đô theo mô hình đô thị đa trung tâm, đô thị xanh - thông minh - đáng sống.

Ngành xây dựng phải đi trước một bước, gắn chặt với công tác quy hoạch, quản lý đất đai, phát triển hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội, nhà ở và bất động sản. Chuyển mạnh từ tăng trưởng theo quy mô, khối lượng sang tăng trưởng theo chất lượng, hiệu quả, công nghệ và giá trị gia tăng.

a.3) Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản Thủ đô Hà Nội theo hướng hiện đại, sinh thái, đa giá trị và tích hợp sâu với cấu trúc đô thị. Phát triển nông nghiệp đô thị - cảnh quan - văn hóa; ưu tiên phát triển hoa, cây giống, cây cảnh, cây xanh có giá trị văn hóa - lịch sử như: đào Nhật Tân, quất Tứ Liên, sen Hồ Tây, hoa cảnh truyền thống,…

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ

và chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an toàn thực phẩm và cung ứng nông sản cho Thủ đô và thị trường cả nước.

Phát triển ngành trồng trọt Hà Nội trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của hệ sinh thái đô thị, gắn chặt với không gian xanh, mặt nước, văn hóa - lịch sử; đóng vai trò trụ cột trong bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống. Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp, công nghệ cao, an toàn sinh học và tuần hoàn; tập trung chuyển đổi từ sản xuất truyền thống sang sản xuất thông minh, sinh thái, bền vững.

Phát triển thủy sản theo hướng sinh thái, bền vững và đa chức năng, gắn với hệ thống sông, hồ và hạ tầng thủy lợi, phòng chống lũ và điều hòa nước. Phát triển nuôi cá lồng bè trên sông kết hợp du lịch sinh thái.

Phát triển lâm nghiệp đô thị theo hướng bảo vệ, phục hồi và mở rộng hệ thống rừng hiện có, đồng thời hình thành các vành đai xanh, công viên rừng, hành lang sinh thái và không gian cây xanh trong đô thị.

Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển.

a.4) Phát triển các mô hình kinh tế quan trọng, kinh tế mới:

(1) Kinh tế số:

Phát triển kinh tế số theo cách tiếp cận toàn diện, xuyên suốt các ngành kinh tế. Trong đó, xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, là nền tảng cốt lõi để bứt phá kinh tế số, trọng tâm là kinh tế dữ liệu.

Phát triển hạ tầng số nhanh, đồng bộ, hiện đại, an toàn để thúc đẩy kinh tế số. Hình thành một số khu công nghệ số tập trung; phát triển công nghiệp phần cứng, phần mềm, điện tử - viễn thông; ưu tiên phát triển dịch vụ công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực có lợi thế của Thủ đô; đẩy mạnh thương mại điện tử; mở rộng ứng dụng AI trong quản trị vận hành đô thị thông minh, logistics và sản xuất.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ số, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Bảo đảm nguồn lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế số.

(2) Kinh tế đêm:

Phát triển kinh tế đêm gắn với khai thác, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của Thủ đô và các xu hướng của thời đại. Phát triển kinh tế đêm có trọng tâm, trọng điểm, triển khai các mô hình thử nghiệm chính sách đối với một số loại hình hoạt động giải trí nhằm thu hút khách du lịch. Phát triển cơ chế chính sách đặc thù nhằm tăng khả năng tiếp cận về thương mại du lịch, kích hoạt các không gian chưa được khai thác hợp lý, tăng cường trải nghiệm, đồng thời đảm bảo an ninh cho người dân.

Phát triển kinh tế đêm theo mô hình mạng lưới không gian kinh tế đêm, gắn với cấu trúc đô thị, hệ thống giao thông và các nguồn lực văn hóa - du lịch của Thủ đô. Các không gian kinh tế đêm được tổ chức theo nguyên tắc phân bố hợp lý giữa khu vực trung tâm và các khu vực đô thị mở rộng, bảo đảm vừa phát huy hiệu quả các giá trị di sản, cảnh quan đô thị, vừa hạn chế tác động tiêu cực đến đời sống cư dân và môi trường đô thị.

Ưu tiên phát triển cụm hoạt động kinh tế đêm có khả năng hút khách du lịch, hình thành các không gian hoạt động sôi động, có sức lan tỏa. Xây dựng cơ chế thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển các dự án, tổ hợp dịch vụ và sản phẩm kinh tế đêm.

(3) Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn:

Kinh tế xanh được định hướng phát triển xuyên suốt trong mô hình tăng trưởng Thủ đô, nhằm giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, cải thiện chất lượng môi trường và nâng cao chất lượng sống đô thị. Phát triển kinh tế xanh gắn chặt với mục tiêu xây dựng Hà Nội trở thành đô thị xanh, hiện đại, đáng sống, có khả năng chống chịu cao trước biến đổi khí hậu.

Kinh tế tuần hoàn được xác định là phương thức tổ chức lại nền kinh tế của Thủ đô, nhằm khai thác tối đa giá trị của tài nguyên, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm môi trường. Hà Nội định hướng trở thành một trong những địa phương đi đầu cả nước về triển khai kinh tế tuần hoàn, hình thành các mô hình tiêu biểu có khả năng lan tỏa trong vùng và toàn quốc.

(4) Kinh tế không gian tầm thấp:

Phát triển kinh tế không gian tầm thấp gắn với cấu trúc mạng lưới nhiều tầng, nền tảng cho hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm các điểm đầu mối, điểm trung chuyển và các điểm tiếp nhận phân tán, bảo đảm khả năng kết nối hiệu quả giữa các trung tâm logistics, trung tâm công nghệ, khu đô thị và các khu vực sản xuất, dịch vụ; hệ thống quản lý bay không người lái và nền tảng điều hành tích hợp AI bảo đảm quản lý không phận đa tầng; Hạ tầng viễn thông băng thông cao đảm bảo kết nối thời gian thực trên toàn mạng lưới,…

Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm nghiên cứu, phát triển và sản xuất công nghệ không gian tầm thấp của quốc gia với hạt nhân là Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; hình thành các khu vực thí điểm (sandbox) để thử nghiệm, hoàn thiện mô hình quản lý và ứng dụng.

Quy hoạch hạ tầng và thiết lập hành lang bay an toàn tại không gian tầm thấp (dưới 3.000m) và triển khai các ứng dụng có tính khả thi cao và hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt như vận chuyển y tế, chuyển phát nhanh, logistics, taxi bay, giám sát hạ tầng, quản lý môi trường và hỗ trợ quản lý đô thị thông minh. Hình thành hệ thống vận tải không gian tầm thấp tích hợp với hệ thống giao thông đô thị tổng thể; thúc đẩy liên kết ngành, hình thành các chuỗi giá trị mới và gia tăng hiệu quả khai thác không gian đô thị.

(5) Kinh tế bạc:

Phát triển các mô hình kinh tế bạc gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế bạc bao gồm: dịch vụ tư vấn, y tế, chăm sóc sức khỏe, tài chính-bảo hiểm, giáo dục, nhà ở, du lịch, dịch vụ cộng đồng và việc làm cho người cao tuổi,… Tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe liên tục, kết nối giữa các cấp độ từ chăm sóc tại nhà, chăm sóc cộng đồng đến các cơ sở y tế chuyên sâu. Ứng dụng công nghệ trong theo dõi sức khỏe và hỗ trợ sinh hoạt.

Hình thành Quỹ hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển kinh tế bạc hỗ trợ người cao tuổi tiếp cận các dịch vụ.

Hình thành Trung tâm Phát triển Kinh tế bạc của thành phố Hà Nội với chức năng hỗ trợ đầu tư hạ tầng, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển dịch vụ dành cho người cao tuổi. Xây dựng các trung tâm chăm sóc người cao tuổi, các không gian sinh hoạt chung, trung tâm văn hóa và các chương trình đào tạo kỹ năng mới giúp người cao tuổi duy trì sự gắn kết xã hội, nâng cao sức khỏe tinh thần và tiếp tục đóng góp vào đời sống kinh tế - xã hội.

b) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác:

b.1) Văn hóa:

Phát huy mọi nguồn lực để phát triển văn hóa Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm văn hiến; xây dựng Hà Nội là trung tâm hội tụ, kết tinh và lan tỏa các giá trị văn hóa lớn và tiêu biểu của cả nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, các thành tựu văn hóa thời đại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển bền vững Thủ đô. Phát triển toàn diện các ngành công nghiệp văn hóa cả về quy mô, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thị trường, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có sức cạnh tranh cao. Xây dựng thương hiệu một số sản phẩm văn hóa đặc trưng của Thủ đô. Phát triển các thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quá trình đô thị hóa và đáp ứng nhu cầu của mọi người dân.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tăng cường kết nối các tiểu vùng văn hóa của Thủ đô. Tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để người dân thụ hưởng, sáng tạo các giá trị văn hóa. Xây dựng và phát triển hạ tầng, mạng lưới cơ sở văn hóa Thủ đô phân bố hợp lý, hiệu quả, để tạo ra nguồn lực văn hóa phát triển kinh tế - xã hội, kết nối với các không gian văn hóa của Vùng Thủ đô với Vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Phấn đấu đưa Thủ đô Hà Nội trở thành "Thành phố sáng tạo" của khu vực Châu Á, thành phố kết nối toàn cầu trong lĩnh vực văn hóa, là trung tâm văn hóa, du lịch lớn đặc sắc, có sức cạnh tranh quốc tế.

Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, ưu tiên các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia. Nghiên cứu, xác định một số không gian di sản, văn hóa đề nghị UNESCO công nhận là di sản thế giới như: làng nghề Bát Tràng, quần thể di tích Cổ Loa, quần thể thắng cảnh Hương Sơn, khu di tích quần thể Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, K9 - Đá Chông, Cầu Long Biên,… để bảo tồn, khai thác phát huy các giá trị di sản, xây dựng hình ảnh thành phố toàn cầu. Nghiên cứu mở rộng, phục dựng không gian lịch sử của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, kết nối các không gian văn hóa tiêu biểu của Thủ đô.

Nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị của các nhà hát nghệ thuật truyền thống; xây mới một số công trình là trung tâm biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp. Phát triển, khai thác có hiệu quả hệ thống bảo tàng, thư viện, rạp chiếu phim, trường quay,... thành không gian văn hóa - sáng tạo, các bảo tàng trở thành môi trường giáo dục, nghiên cứu về văn hóa của Thủ đô Hà Nội. Phát triển mạng lưới quảng trường, công viên chuyên đề, không gian công cộng phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân và khách du lịch. Di dời, chuyển đổi công năng trụ sở một số bộ, ngành, cơ sở sản xuất để mở rộng không gian văn hóa sáng tạo, không gian công cộng.

Phát triển mạng lưới thư viện công cộng rộng khắp, linh hoạt, phù hợp các địa bàn dân cư. Khuyến khích thành lập các bảo tàng, thư viện tư nhân. Thành lập khu

phát triển thương mại và văn hóa trên cơ sở các khu phố, tuyến phố, làng nghề, điểm dân cư nông thôn hiện hữu. Hình thành Không gian Di sản - Học thuật - Ngoại giao học thuật cấp quốc gia theo mô hình "bảo tồn động" trên cơ sở vừa bảo tồn, gìn giữ giá trị lịch sử, vừa duy trì, phát huy, phát triển đời sống học thuật đương đại đối với quần thể các tòa nhà tại 19 Lê Thánh Tông (của Đại học quốc gia Hà Nội và một phần của Trường Đại học Dược Hà Nội) gắn liền với sự hình thành và phát triển của đại học Việt Nam giai đoạn hiện đại. Việc vận hành không gian di sản này hướng tới mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hình ảnh Thủ đô Hà Nội là đô thị tri thức, đô thị sáng tạo thông qua phát triển sản phẩm văn hóa - tri thức; thúc đẩy du lịch học thuật, du lịch di sản; tăng cường đối ngoại và ngoại giao học thuật cấp cao.

Hình thành không gian triển lãm văn hóa nghệ thuật hai bên bờ sông Hồng. Khai thác trục cảnh quan sông Hồng theo nguyên tắc thuận thiên; xây dựng các công trình mỹ thuật công cộng mang nét văn hóa biểu trưng của Thủ đô. Phát triển không gian ven sông Đuống trở thành tổ hợp dịch vụ du lịch sinh thái, công viên chuyên đề (Văn hóa thời Lý - Hoa Lâm Viên, xã Đông Anh; Phù Đổng Thiên Vương, xã Phù Đổng) và hoạt động thể thao, cộng đồng gắn với cảnh quan sông Đuống.

Xây dựng Trung tâm văn hóa nghệ thuật Thành phố, tổ chức hội nghị, quảng trường, tượng đài độc lập; công nghiệp văn hóa kết hợp thương mại và dịch vụ Thành phố.

Xây dựng, phát huy giá trị các không gian văn hóa, di tích văn hoá - lịch sử, cảnh quan để phát triển kinh tế, du lịch: các không gian văn hoá, không gian sáng tạo đặc trưng của Thăng Long - Hà Nội; không gian văn hóa khu vực phố cổ, phố cũ, kết nối khu vực cầu Long Biên lịch sử; không gian văn hóa khu vực Hoàng thành Thăng Long - Ba Đình - khu vực hồ Tây; không gian văn hóa công viên lịch sử Cổ Loa; không gian văn hóa đền Hát Môn, kết nối đền Hai Bà Trưng; không gian văn hóa xứ Đoài Sơn Tây, Ba Vì và vùng phụ cận; không gian di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh chùa Hương, quần thể Hương Sơn; không gian văn hóa Tứ trấn Thăng Long, không gian văn hóa tín ngưỡng thờ Tứ Bất Tử; không gian văn hoá, cảnh quan lưu vực sông Đáy,... Xây dựng công viên di sản văn hóa danh nhân Tô Hiến Thành. Xây dựng trung tâm thương mại văn hóa, trường quay, khu vui chơi giải trí mang tầm quốc tế tại khu vực Bắc sông Hồng và núi Sóc. Phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số tại các xã ngoại thành.

Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp công nghiệp văn hoá, nghệ thuật sáng tạo. Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Xây dựng trung tâm thương mại văn hóa, trường quay, khu vui chơi giải trí mang tầm quốc tế tại khu vực Bắc sông Hồng và núi Sóc.

Ứng dụng công nghệ số phục dựng các di tích lịch sử, di sản văn hóa. Thực hiện số hóa và lập bản đồ số các di tích được xếp hạng, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về văn hóa, nghệ thuật, bảo đảm kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

Tổ chức đăng cai thường niên các sự kiện nghệ thuật biểu diễn quốc tế, tập trung đầu tư xây dựng một số festival và lễ hội của Thủ đô trở thành các thương hiệu mang

tầm khu vực và quốc tế.

Huy động nguồn lực xã hội, có cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, vận hành, khai thác các công trình văn hóa, thể thao của Thành phố.

b.2) Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân:

Phát triển đồng bộ, toàn diện lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe theo hướng tiên tiến, hiện đại, hiệu quả, chuyển từ tư duy tập trung khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chú trọng bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục theo vòng đời, thích ứng với quá trình già hóa dân số và nhu cầu du lịch khám bệnh, chữa bệnh, phục vụ trong nước và quốc tế.

Phát huy vai trò là trung tâm y tế lớn của cả nước, phát triển các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Đầu tư, phát triển một số bệnh viện theo hướng nâng cao năng lực đảm nhận chức năng vùng.

Hệ thống y tế cơ sở bảo đảm phòng bệnh từ sớm, từ xa, từ cơ sở, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng; ưu tiên xây dựng, đầu tư đồng bộ về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị cho trạm y tế cấp xã, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội, đồng thời nâng cao năng lực cấp cứu và ứng phó y tế khẩn cấp. Hình thành các tổ hợp công trình y tế tập trung chất lượng cao cấp quốc gia, quốc tế.

Củng cố, hoàn thiện và phát triển mạng lưới y tế dự phòng. Phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố ngang tầm khu vực, kết nối với các cơ quan, đơn vị y tế dự phòng thuộc Bộ và các tổ chức quốc tế trên địa bàn.

Phát triển Trung tâm kiểm nghiệm Thành phố đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, hình thành hệ thống y tế tư nhân chất lượng cao; phát triển mô hình bác sĩ gia đình. Tăng cường chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái y tế thông minh, ứng dụng công nghệ số, quản trị y tế, khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

b.3) Giáo dục và đào tạo:

Thủ đô Hà Nội là trung tâm lớn, hàng đầu của cả nước về giáo dục - đào tạo chất lượng cao, có uy tín ở khu vực và quốc tế. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Phát triển năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho người học, chú trọng giáo dục STEM/STEAM, ngoại ngữ, kỹ năng số và năng lực làm chủ công nghệ; hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thị trường lao động.

Bảo đảm công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục, thu hẹp dần khoảng cách về điều kiện học tập và chất lượng giáo dục giữa khu vực nội thành và ngoại thành; đồng thời thực hiện hài hòa giữa phát triển giáo dục công lập và ngoài công lập.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, từng bước tiếp cận chuẩn mực giáo dục khu vực và quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống giáo dục

Thủ đô. Phát triển giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc tế; đột phá trong phát triển giáo dục thông minh. Phát triển hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao, các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế.

Phát triển mạnh giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng tại các phường, xã, góp phần xây dựng xã hội học tập suốt đời.

Phát triển giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập, bảo đảm đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên; tạo điều kiện để người khuyết tật và các đối tượng đặc thù được tiếp cận giáo dục phù hợp, bình đẳng, chất lượng. Ưu tiên bố trí quỹ đất, hoàn thiện xây dựng trường phổ thông chuyên biệt cho trẻ khuyết tật thành phố Hà Nội.

Phát triển mạng lưới, quy mô cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, chuẩn hóa; chú trọng các địa bàn đông dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp,… Giải quyết triệt để tình trạng thiếu trường, lớp. Với khu vực nội đô không còn quỹ đất mở rộng, có chính sách đặc thù cho phép nâng tầng và tăng mật độ xây dựng đối với các trường không còn quỹ đất; ưu tiên sử dụng quỹ đất sau khi di dời các trụ sở để xây dựng trường phổ thông.

Bảo đảm mỗi xã/phường/đơn vị ở có trường mầm non công lập, trường tiểu học công lập, trung học cơ sở công lập; 3-5 vạn dân có một trường trung học phổ thông công lập phù hợp với nhu cầu thực tế; phân bố các trường trung học phổ thông phù hợp với nhu cầu người học tại các khu vực dân cư. Phát triển trường có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại tại những nơi có điều kiện kinh tế phát triển; trường phổ thông liên cấp tiên tiến, hiện đại, chất lượng cao. Xây dựng hệ thống trường chuyên tiệm cận quốc tế; xây dựng hệ thống trường chuyên, trường quốc tế tại khu vực phía Bắc Thủ đô.

Thực hiện lộ trình di dời các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp từ khu vực nội đô lịch sử ra các cực tăng trưởng để hình thành các đô thị đại học tập trung, hiện đại và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Đối với cơ sở phải di dời toàn bộ, ưu tiên chuyển đổi công năng quỹ đất cũ tại nội đô để bổ sung hạ tầng cho giáo dục phổ thông, các công trình tiện ích công cộng và không gian xanh. Thành phố có cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ tại địa điểm mới. Đối với cơ sở không thuộc diện di dời toàn bộ, khuyến khích mở rộng quy mô tại các cơ sở mới; phần diện tích tại nội đô thực hiện tái cấu trúc, ưu tiên phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo sau đại học và đào tạo nghề chất lượng cao.

Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu phát triển của trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, ưu tiên phát triển các ngành nghề trọng điểm, có phân tầng chất lượng. Sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo. Hình thành các trường trung học nghề trên cơ sở sắp xếp lại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại những xã chưa có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, những nơi có số lượng dân số đông hoặc khu vực liên phường, xã chưa có trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn để phục vụ nhu cầu học tập tại chỗ, thuận lợi trong việc tiếp cận với giáo dục của

người dân. Xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn, tiên tiến và hiện đại. Đầu tư xây dựng một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao tiệm cận với các nước có nền giáo dục nghề nghiệp phát triển.

b.4) Thể dục, thể thao:

Giữ vững vị trí đứng đầu cả nước về thành tích thể thao tại các kỳ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, đóng góp lớn vào thành tích của Đoàn thể thao quốc gia tham gia các giải khu vực và thế giới. Ưu tiên đầu tư chuyên biệt cho công tác chuẩn bị lực lượng vận động viên tham dự các kỳ đại hội thể thao châu lục, thế giới, nhằm tạo bước đột phá, nâng cao khả năng cạnh tranh về thành tích, rút ngắn khoảng cách phát triển với thể thao thế giới.

Ưu tiên đầu tư một số môn thể thao thành tích cao có thế mạnh; bảo tồn và phát triển thể thao dân tộc, nhất là tại các khu vực trọng điểm du lịch. Nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Hỗ trợ hoạt động thể dục thể thao cho người cao tuổi, người khuyết tật.

Nghiên cứu, phát triển loại hình kinh tế thể thao, góp phần thu hút khách du lịch và phát triển các dịch vụ giải trí. Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, các giải đấu lớn, giải thi đấu thể thao quốc tế,...

Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm yêu cầu huấn luyện và thi đấu đối với các cơ sở cấp thành phố. Củng cố, hoàn thiện mạng lưới thiết chế thể thao cơ sở. Mỗi xã, phường trên địa bàn Thành phố có ít nhất hai công trình thể dục, thể thao: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu hoặc tập luyện thể thao.

Rà soát, bổ sung sân golf, học viện đào tạo golf tại các khu vực bãi sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống trên nguyên tắc đảm dòng chảy thoát lũ, các khu vực đồi, núi, tạo hành lang xanh; các khu vực đồi, núi và xung quanh các hồ cảnh quan ở phía Bắc, Tây, Tây Nam và Nam Thành phố.

Phát triển một số khu thể thao đáp ứng yêu cầu luyện tập và thi đấu quốc tế, thể thao quân sự, thể thao điện tử, thể thao địa hình, thể thao học đường và thể thao dân tộc,... Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển, khai thác, vận hành các hạ tầng thể dục thể thao.

Khai thác và phát huy có hiệu quả hệ thống cơ sở thể dục thể thao quốc gia, cơ sở thể dục thể thao thuộc sự quản lý của các bộ, ngành trung ương, tổ chức xã hội-nghề nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng phong trào thể dục thể thao cho mọi người và đầu tư phát triển các môn thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

Hoàn thiện nâng cấp Khu liên hợp thể thao quốc gia hiện có. Xây dựng Khu liên hợp thể thao tầm cỡ quốc tế mới tại khu vực phía Bắc Thành phố đáp ứng yêu cầu đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật cấp quốc gia và quốc tế. Đầu tư xây dựng 1 Trung tâm thể thao tại phía Tây đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao của sinh viên các trường đại học và công nhân làm việc tại các cơ sở công nghiệp.

Hình thành Khu liên hợp thể thao cấp vùng và quốc tế thuộc Khu đô thị thể thao gồm các hạng mục: sân vận động, trung tâm thể thao dưới nước, nhà thi đấu, công viên thể thao,...

b.5) Lao động, việc làm, an sinh xã hội:

Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về bảo đảm và nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, bao trùm, bền vững; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống nhân dân. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, dẫn đầu cả nước. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội.

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách và huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo cho người có công, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội.

Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế, tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh. Thực hiện đầy đủ quyền trẻ em. Thực hiện tốt chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực. Đẩy mạnh chương trình phòng chống tệ nạn xã hội, tiến tới ngăn chặn và đẩy lùi lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, mua bán người,…

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội công lập hiện có, đầu tư xây mới một số cơ sở trợ giúp xã hội công lập; xây mới trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần ở khu vực phía Bắc và phía Nam Thành phố; khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội. Ưu tiên các khu vực có môi trường sinh thái trong lành, yên bình để đầu tư phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, viện dưỡng lão theo tiêu chuẩn các nước phát triển trong khu vực và quốc tế.

Phát triển mô hình y tế chuyên sâu, chất lượng cao gắn với mô hình kinh tế bạc. Hình thành các cụm nghỉ dưỡng, dưỡng lão quy mô lớn, tích hợp hệ thống chăm sóc sức khỏe chuyên sâu và vật lý trị liệu, các không gian giáo dục, đào tạo kỹ năng số và tư vấn khởi nghiệp và tái tham gia lao động cho người cao tuổi.

Khuyến khích xã hội hóa, nghiên cứu xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội kết nối mang tính hệ thống với các cơ quan phúc lợi xã hội, các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, các cơ sở chăm sóc, trợ giúp xã hội khác.

Tích cực chuyển dịch cơ cấu lao động, điều tiết cung - cầu lao động thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm; nâng cấp, mở rộng hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; hiện đại hóa dịch vụ thị trường lao động, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động việc làm trên địa bàn, kết nối với vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

b.6) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của từng ngành, từng lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế Thủ đô; là nền tảng để đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành ngành kinh tế mới, nâng cấp chuỗi giá trị, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP hai con số trong các giai đoạn phù hợp.

Chuyển đổi từ sản xuất thông thường sang sản xuất thông minh, từ đô thị hóa dựa trên mở rộng không gian và lao động sang đô thị hóa dựa trên tri thức và trí lực. Trong mô hình phát triển mới, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số phải được đặt ở vị trí trung tâm của phát triển kinh tế, gắn chặt với sự phát triển của các ngành, lĩnh vực và chuỗi giá trị của nền kinh tế Thủ đô.

Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm và đột phá chiến lược của phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao năng suất lao động, hình thành các ngành kinh tế mới, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và thúc đẩy tăng trưởng bền vững, góp phần xây dựng Hà Nội trở thành đô thị thông minh và Thủ đô sáng tạo của khu vực với hạt nhân là Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, có bước đi thích hợp trong từng giai đoạn, kết hợp hài hòa giải quyết các vấn đề của Thủ đô hướng tới phát triển bền vững. Đồng thời, phát triển Hà Nội trở thành trung tâm kiến tạo, giữ vai trò dẫn dắt, định hình mô hình và tư duy phát triển mới; dẫn đầu cả nước và có vị trí quan trọng trong khu vực về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hướng tới thành phố kết nối toàn cầu.

Đẩy mạnh thẩm thấu và tích hợp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào toàn bộ các ngành, lĩnh vực và chuỗi giá trị của nền kinh tế Thủ đô, coi đây là công cụ then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý và phát triển đô thị; qua đó thúc đẩy hình thành các mô hình kinh doanh mới, ngành kinh tế mới và các động lực tăng trưởng mới.

Phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thủ đô theo mô hình lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động đổi mới, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ, trong đó các viện nghiên cứu và trường đại học là lực lượng nghiên cứu nền tảng; Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường thể chế và thúc đẩy liên kết "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp - Tổ chức tài chính", hình thành các chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

Quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng tích hợp, đa ngành, đa trung tâm và đa không gian, hình thành mạng lưới các cực phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, đô thị trung tâm, khu vực phía Bắc sông Hồng và các khu nghiên cứu - đào tạo - thử nghiệm; đồng thời phát triển đồng bộ không gian số, không gian ngầm, không gian tầm thấp và không gian tầm cao để mở rộng không gian phát triển khoa học, công nghệ của Thủ đô.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ trung tâm, lâu dài; xây dựng cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia đầu ngành và các nhà khoa học trong và ngoài nước; hình thành đội ngũ nhân lực sáng tạo có trình độ ngang tầm khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

Xây dựng Hà Nội trở thành địa bàn tiên phong trong thử nghiệm có kiểm soát các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới và cơ chế chính sách mới; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số, tài sản số và các công nghệ cao, qua đó hình thành các ngành công nghiệp công nghệ mới và động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế Thủ đô.

Phát triển phải gắn với bảo đảm chủ quyền số, an toàn dữ liệu, đạo đức công nghệ, liêm chính khoa học, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội

tiếp cận, thụ hưởng thành quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5.4. Định hướng khung quy hoạch sử dụng đất và quy mô dân số:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất và phân bổ dân số theo các giai đoạn:

* Xác định mục tiêu chuyển đổi cấu trúc không gian, tăng dần tỷ lệ đất đô thị để đáp ứng nhu cầu phát triển:

+ Giai đoạn 2026 - 2045: Diện tích đất xây dựng đô thị đạt khoảng 151.000 - 168.000 ha, tương đương 45% - 50% tổng diện tích đất tự nhiên toàn Thành phố; Quy mô dân số dự báo khoảng 15 ÷ 16 triệu người, đô thị có thể quy hoạch đáp ứng ngưỡng chịu tải tối đa khoảng 18 ÷ 19 triệu người *(Giai đoạn bứt phá kinh tế tăng trưởng 02 con số, tùy điều kiện, tình hình, có thể điều tiết tỷ lệ đất xây dựng đô thị vượt trên 50% với điều kiện đảm bảo đồng bộ các yêu cầu phát triển cân bằng, bền vững).*

+ Giai đoạn 2045 - 2065: Phấn đấu đạt tỷ lệ 55% - 60% diện tích đất tự nhiên (khoảng 184.000 - 201.000 ha); Quy mô dân số dự báo khoảng 17 ÷ 19 triệu người, đô thị có thể quy hoạch đáp ứng ngưỡng chịu tải tối đa khoảng 22 ÷ 25 triệu người.

+ Tỷ lệ cây xanh đạt tối thiểu 40% diện tích đất tự nhiên toàn Thành phố (bao gồm tổng diện tích đất cây xanh trong đô thị, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, không gian xanh, mặt nước và hành lang thoát lũ....).

+ Đất trồng lúa: Giữ ổn định diện tích đất trồng lúa năng suất, chất lượng cao ở mức 40.000 - 45.000 ha.

* Về phân bổ dân số: xác lập nguyên tắc phân bổ dân số trên nguyên tắc linh hoạt, thích ứng và quản trị bằng công nghệ số, bảo đảm sự cân bằng giữa quy mô dân số với năng lực cung ứng của hạ tầng đô thị.

+ Nguyên tắc cụ thể hóa dân số:

Quy mô dân số chi tiết cho từng khu vực được xác lập cụ thể tại giai đoạn lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết trên cơ sở: (1) Tính chất, chức năng, điều kiện phát triển thực tế của khu vực; (2) Năng lực đáp ứng thực tế của hệ thống hạ tầng tại thời điểm triển khai; (3) Chỉ tiêu mật độ cư trú tối ưu theo mô hình cấu trúc đô thị đa tầng - đa lớp.

Đảm bảo tính thống nhất với Danh mục ưu tiên của Kế hoạch thực hiện quy hoạch và Chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ tiêu phân bổ đất cho các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu:

Về hạ tầng xã hội:

+ Cây xanh đô thị: Diện tích cây xanh đô thị bình quân đạt 10 - 12 m^2/người (đến năm 2030); đạt ≥ 12 m^2/người (đến năm 2035) và đạt ≥ 15 m^2/người (giai đoạn 2045 - 2065).

+ Giáo dục - Đào tạo: Đảm bảo quỹ đất xây dựng trường học các cấp đạt tối thiểu 10 - 12 m^2/học sinh (trong đó: Mầm non tối thiểu 12 m^2/trẻ; Phổ thông tối thiểu 10 m^2/học sinh). Quy hoạch các mô hình trường liên cấp diện tích từ 5ha trở lên tại các khu vực đô thị mở rộng.

+ Y tế - Chăm sóc sức khỏe: Chỉ tiêu giường bệnh đạt trên 38 giường/vạn dân,

19 bác sĩ/vạn dân (đến năm 2030); hướng tới đạt 50 giường/vạn dân và 40 bác sĩ/vạn dân (đến năm 2050). Bố trí quỹ đất quy mô lớn (từ 50ha - 160ha/khu) cho 05 Tổ hợp y tế chất lượng cao tại các cực phát triển ngoại vi.

Về hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông đô thị: Quỹ đất dành cho giao thông đô thị phấn đấu đạt từ 20% - 26% diện tích đất xây dựng đô thị. Trong đó, tỷ lệ đất bãi đỗ xe đạt 3% - 4%. Tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 25% - 30% (năm 2035), 40% - 45% (năm 2045) và 55% - 60% (năm 2065).

+ Thu gom và xử lý nước thải: Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đạt 70% (đến năm 2030) và đạt 100% (từ năm 2035).

+ Quản lý chất thải rắn: Tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 100% theo tiêu chuẩn. Đột phá về công nghệ: tỷ lệ rác thải xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp phải giảm xuống dưới 10% (đến năm 2030) và tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc chôn lấp.

+ Cấp nước sinh hoạt: Đảm bảo 100% dân số đô thị và nông thôn được tiếp cận nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; tiêu chuẩn cấp nước đô thị đạt 150 - 180 lít/người/ngày đêm.

+ Cấp điện: Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt đạt 1.680kwh/người/năm (đến 2030), 2.500-3.500kwh/người/năm (đến 2045) và 3.500-4.500kwh/người/năm (đến 2065).

5.5. Định hướng phát triển các khu chức năng:

a) Công nghệ cao, công nghệ số tập trung:

Phát triển hệ thống các khu công nghệ cao, khu công nghệ số trọng điểm gắn với chiến lược chuyển đổi số và kinh tế tri thức của Thủ đô, bao gồm: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (phía Tây); Khu Công nghệ cao sinh học Hà Nội (phường Thượng Cát); Khu công viên công nghệ số và hỗn hợp (phường Tây Tựu, Phú Diễn)…; các công viên, trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, "thung lũng công nghệ", khu công nghệ số tập trung tại các cực tăng trưởng và dọc các trục động lực của Thành phố.

b) Công nghiệp:

Phát triển công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp sạch, thông minh, bền vững, có giá trị gia tăng cao; khuyến khích chuyển đổi các khu, cụm công nghiệp hiện hữu sang khu, cụm công nghiệp công nghệ cao - khu, cụm công nghiệp sinh thái - khu, cụm công nghiệp số, cụm công nghiệp hỗ trợ.

* Khu công nghiệp: Phát triển theo mô hình sinh thái, gắn với khoa học công nghệ cao. Tập trung tại cực phát triển phía Bắc (thu hút công nghiệp điện tử, hàng không) và cực phát triển phía Nam (thu hút công nghiệp sinh học, hỗ trợ vận tải đường sắt).

* Cụm công nghiệp: Ưu tiên các cụm công nghiệp gắn với làng nghề truyền thống để kết hợp không gian văn hóa, giới thiệu sản phẩm và phát triển du lịch trải nghiệm, phát triển mô hình công nghiệp xanh, tiêu chuẩn xanh, thân thiện môi trường.

* Làng nghề: Quy hoạch bảo tồn phát triển làng nghề có không gian thiết kế và sáng tạo sản phẩm kết hợp các công viên sáng tạo nghề gắn với du lịch và các sản phẩm đặc thù. Di dời các cơ sở sản xuất; bảo tồn không gian sản xuất truyền thống cho các làng nghề không ô nhiễm môi trường; đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp

- phát triển bền vững. Dự trù quỹ đất xây dựng Khu Bảo tồn, Triển lãm và Giao lưu Nghề thủ công quốc tế. Hình thành các vành đai di sản làng nghề để tạo các cung đường du lịch làng nghề di sản của Thủ đô. Hình thành các không gian du lịch làng nghề gắn với du lịch nông thôn và du lịch sinh thái của Hà Nội.

c) Các khu du lịch:

Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm du lịch lớn của khu vực và thế giới, phát triển bền vững dựa trên nền tảng văn hóa, di sản và hệ sinh thái tự nhiên. Tổ chức không gian phát triển du lịch theo 04 trung tâm động lực chính:

* Trung tâm du lịch Thủ đô (Khu vực Hồ Hoàn Kiếm - Hồ Tây):

Trọng tâm khai thác các loại hình du lịch văn hóa, di sản đô thị và kinh tế đêm.

Phát triển mạnh loại hình du lịch MICE (du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm và tổ chức sự kiện) tầm vóc quốc tế gắn với hạ tầng dịch vụ cao cấp.

* Trung tâm du lịch phía Bắc (Khu vực Sóc Sơn):

Phát triển tổ hợp du lịch đa năng gồm: Du lịch văn hóa - tâm linh (gắn với quần thể đền Sóc), du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và thể thao giải trí.

Hình thành các trung tâm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao và khu vực mua sắm dịch vụ cao cấp.

* Trung tâm du lịch phía Tây (Khu vực Ba Vì – suối Hai):

Ưu tiên phát triển du lịch tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng núi, du lịch cộng đồng và chăm sóc sức khỏe gắn với Vườn quốc gia Ba Vì.

Quy hoạch và đầu tư các khu dịch vụ tổng hợp, hạ tầng chuyên biệt phục vụ công tác đón tiếp, hội nghị của Đảng và Nhà nước.

* Trung tâm du lịch tâm linh – sinh thái phía Nam (Khu vực Hương Sơn):

Xây dựng và phát triển thành Khu du lịch quốc gia với trọng tâm là du lịch tâm linh, văn hóa, nghỉ dưỡng, sinh thái, cộng đồng.

Chủ động liên kết vùng để hình thành hành lang du lịch văn hóa tâm linh đặc sắc kết nối: Bái Đính - Tam Chúc - Hương Sơn - Chùa Tiên.

d) Hệ thống trụ sở làm việc và cơ quan hành chính:

Sắp xếp và tổ chức không gian hệ thống trụ sở làm việc bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của Thủ đô, ưu tiên giảm tải hạ tầng khu vực nội đô và nâng cao hiệu quả quản trị.

* Trụ sở cơ quan Trung ương:

Xác lập khu vực Ba Đình và Hoàn Kiếm giữ vai trò là Trung tâm chính trị - hành chính đầu não của Đảng, Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ.

Thực hiện lộ trình di dời trụ sở làm việc của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương ra ngoài khu vực nội đô lịch sử, tập trung tại các khu vực quy hoạch mới tại Mễ Trì và Tây Hồ Tây nhằm giảm tải áp lực lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu vực trung tâm.

Quản lý quỹ đất sau di dời: Quỹ đất sau khi thực hiện di dời các trụ sở Trung ương được ưu tiên chuyển đổi chức năng để xây dựng các không gian công cộng, công viên cây xanh, bãi đỗ xe ngầm và hệ thống trường học phổ thông nhằm bổ sung hạ

tầng dịch vụ còn thiếu cho cư dân nội thành.

* Trụ sở cơ quan hành chính Thành phố:

Hệ thống trụ sở cơ quan của Thành phố thực hiện phương án sắp xếp, quy tụ hợp lý xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm.

Việc bố trí bảo đảm sự tập trung đồng bộ, tăng cường tính kết nối hành chính, hiệu quả quản trị và xác lập giá trị biểu tượng của cơ quan hành chính Thủ đô trong không gian trung tâm.

e) Y tế và Chăm sóc sức khỏe Nhân dân:

* Hình thành 05 Tổ hợp y tế đa năng chất lượng cao tại các cửa ngõ Thủ đô: Xác lập 05 tổ hợp y tế quy mô lớn tại khu vực ngoại vi nhằm giãn nén hạ tầng cho nội đô lịch sử và phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh vùng Thủ đô:

- Tổ hợp phía Bắc (Sóc Sơn): Quy mô khoảng 50-80 ha; trọng tâm là y tế cấp cứu, phục hồi chức năng và dịch vụ y tế gắn với cảng hàng không quốc tế.

- Tổ hợp phía Tây (Hòa Lạc): Quy mô khoảng 100 - 150 ha; là trung tâm y tế kỹ thuật cao, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ y sinh, kết nối chặt chẽ với khu đô thị Đại học quốc gia và Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

- Tổ hợp phía Tây Nam (Xuân Mai - Chương Mỹ): Quy mô khoảng 150 - 200 ha; tập trung vào điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và y học cổ truyền.

- Tổ hợp phía Nam (Phú Xuyên): Quy mô khoảng 100 - 160 ha; gắn kết với cực tăng trưởng phía Nam và sân bay thứ hai, đóng vai trò đầu mối y tế vùng phía Nam Thành phố.

- Tổ hợp phía Đông (Gia Lâm): Quy mô khoảng 50 ha; phát triển dịch vụ y tế chuyên sâu chất lượng cao đón đầu hành lang kinh tế phía Đông.

* Phát triển các mô hình phức hợp y tế và dịch vụ y tế đặc thù:

Khu phức hợp y tế và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Triển khai dự án trọng điểm tại quận Hoàng Mai (quy mô khoảng 13,6 ha) kết hợp giữa khám chữa bệnh kỹ thuật cao, đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ dưỡng lão cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Trung tâm y tế chuyên biệt tại nội đô: Chuyển đổi các cơ sở y tế hiện có sau di dời thành các trung tâm y tế kỹ thuật cao, cơ sở nghiên cứu và điều hành y tế từ xa để phục vụ cư dân tại chỗ.

Tại các trung tâm phát triển, các trục động lực và các cực tăng trưởng đồng bộ các chức năng phức hợp y tế (bao gồm cả cơ sở dưỡng lão) đảm bảo chỉ tiêu, quy chuẩn, tiêu chuẩn để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn.

g) Giáo dục, đào tạo:

* Mạng lưới giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học:

Hình thành các trung tâm đào tạo và nghiên cứu quy mô lớn gắn với các cực tăng trưởng:

Khu đô thị Đại học và Nghiên cứu Hòa Lạc (Cực phía Tây): Quy mô khoảng 1.000 - 1.500 ha; định hướng là trung tâm đào tạo nhân lực trình độ cao, nghiên cứu đa ngành, trọng tâm là công nghệ cốt lõi gắn kết với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Khu đào tạo chuyên ngành phía Tây Nam (Xuân Mai-Chương Mỹ): Quy mô

khoảng 100 - 150 ha; tập trung các ngành đào tạo Văn hóa, du lịch, y dược, hành chính, sư phạm, lâm nghiệp...

Khu đào tạo chuyên ngành phía Tây Bắc: Quy mô khoảng 220 - 250 ha; tập trung các cơ sở đào tạo chuyên sâu về an ninh, quốc phòng và các khối ngành văn hóa, nghệ thuật đặc thù...

Khu đào tạo chuyên ngành hàng không và dịch vụ cảng (Cực phía Bắc): Quy mô từ 120 - 180 ha gắn với khu vực Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; trọng tâm đào tạo nhân lực kỹ thuật hàng không, quản trị logistics và dịch vụ hỗ trợ hàng không hiện đại...

h) Văn hóa và Công nghiệp sáng tạo:

Quy hoạch Trung tâm văn hóa nghệ thuật Thành phố (tổ hợp chức năng tổ chức hội nghị, quảng trường, tượng đài Độc lập) và khu công nghiệp văn hóa kết hợp thương mại dịch vụ với quy mô khoảng 20 - 30 ha tại khu vực Đại lộ cảnh quan sông Hồng.

Tiếp tục triển khai và xây dựng mới các công trình mang tính biểu tượng thời đại, như: Nhà hát Opera (khu vực Quảng An), Cung triển lãm quy hoạch Thủ đô, Nhà hát nghệ thuật Xiếc và Nhà hát cấp Thành phố tại khu vực đô thị trung tâm.

Ưu tiên bố trí quỹ đất để hoàn thiện mạng lưới Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, phường, đáp ứng yêu cầu quản lý và phục vụ Nhân dân.

i) Bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh:

Thiết lập khung quản lý và bảo tồn hệ thống di sản văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh nhằm giữ gìn bản sắc nghìn năm của Thủ đô trong quá trình phát triển đô thị.

* Phân vùng bảo vệ di tích:

Thiết lập cơ chế quản lý theo 03 vùng bảo vệ đối với toàn bộ hệ thống di tích quốc gia đặc biệt và các di sản được UNESCO ghi danh (bao gồm: Hoàng Thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Cổ Loa, Đền Sóc, Thành cổ Sơn Tây, Đền Hai Bà Trưng, Quần thể Hương Sơn và các di sản liên quan).

Vùng I: Khu vực bảo vệ tuyệt đối các yếu tố gốc của di tích.

Vùng II: Khu vực bảo tồn cảnh quan và không gian kiến trúc phụ trợ.

Vùng III: Khu vực vùng đệm, cho phép phát triển có kiểm soát nhằm hài hòa giữa di sản và đô thị.

* Quy hoạch các hành lang và vành đai di sản:

Hình thành 04 hành lang di sản văn hóa trọng điểm dọc theo hệ thống sông Đà - sông Hồng - sông Đuống với tổng chiều dài khoảng 150 km.

Xác lập Vành đai xanh di sản phía Tây (“Vòng cung Xanh - Tâm linh”) làm trục kết nối các không gian văn hóa tâm linh và thắng cảnh thiên nhiên tiêu biểu.

* Hợp tác quốc tế và ghi danh di sản:

Chủ động triển khai công tác nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO ghi danh di sản thế giới đối với các không gian văn hóa và di sản đặc trưng có giá trị tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội.

Gắn kết công tác bảo tồn với phát triển kinh tế du lịch di sản bền vững, nâng cao

vị thế thương hiệu của Thủ đô Hà Nội.

k) Khu thể dục thể thao:

Ưu tiên bố trí đất thể dục thể thao trong lõi các khu đô thị mới và bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất thể thao hiện có trong nội đô.

Quy hoạch hệ thống hạ tầng thể dục thể thao đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu tập luyện của nhân dân và đủ năng lực đăng cai các sự kiện thi đấu tầm cỡ khu vực và quốc tế.

* Khu Liên hợp thể thao cấp vùng và quốc tế (thuộc Đô thị Thể thao):

Quy hoạch xây dựng tại địa bàn các xã: Thường Tín, Tam Hưng, Thượng Phúc, Dân Hòa.

Các hạng mục trọng điểm bao gồm: Sân vận động, Sân thi đấu trung tâm, Cung thể thao dưới nước, Nhà thi đấu đa năng, Nhà thi đấu xe đạp lòng chảo, hệ thống sân golf, Công viên marathon, đường đua xe đạp địa hình và các khu thể thao ngoài trời.

* Khu Liên hợp thể thao Quốc gia:

Thực hiện nâng cấp, hiện đại hóa toàn diện hạ tầng kỹ thuật.

Tích hợp hệ thống trung tâm điều hành thể thao thông minh phục vụ công tác quản lý và tổ chức sự kiện.

* Các tổ hợp thể thao chuyên đề:

Khu vực phía Bắc (Sóc Sơn): Xây dựng Tổ hợp Thể thao và Đua ngựa gắn kết với mô hình du lịch sinh thái.

Khu vực phía Tây (Sơn Tây - Hòa Lạc): Hình thành Khu Liên hợp TDTT chuyên biệt phục vụ công tác đào tạo, đăng cai các môn thể thao dưới nước và thể thao mạo hiểm.

* Hạ tầng đào tạo và thiết chế thể thao các cấp:

Tập trung hoàn thiện, nâng cấp Trung tâm Huấn luyện thể thao thành tích cao của Thành phố.

Phát triển mạng lưới thiết chế thể dục thể thao đồng bộ theo từng cấp hành chính.

* Không gian thể thao cộng đồng và sinh thái:

Hình thành các dải công viên thể thao sinh thái dọc hai bên bờ sông Hồng và sông Đuống.

Quy hoạch hệ thống hành lang chạy bộ và đường xe đạp dọc các trục cảnh quan ven sông, tích hợp vào hệ thống giao thông xanh của Thành phố.

Tại các công viên xây dựng mới: Tích hợp đầy đủ sân tập các môn thể thao phong trào (pickleball, tennis, bóng rổ).

* Thể chất học đường:

Phấn đấu đạt tỷ lệ 100% các cụm trường liên cấp có bể bơi đạt chuẩn quốc gia phục vụ giáo dục thể chất và kỹ năng phòng, chống đuối nước cho học sinh.

l) Nhà ở, bất động sản:

Phát triển lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản bền vững, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân, gắn với chiến lược tái cấu trúc đô thị và mô hình phát triển định hướng giao thông công cộng (TOD).

Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển diện tích nhà ở: Giai đoạn 2026-2030, tối thiểu đạt 35m2 sàn/người, phấn đấu đạt 40m2 sàn/người; Giai đoạn 2031-2035, nâng diện tích nhà ở bình quân toàn Thành phố tối thiểu đạt 45m2 sàn/người.

* Các nhóm giải pháp chiến lược:

Tái thiết, tái cấu trúc đô thị: Thực hiện tái thiết toàn diện các khu chung cư cũ, khu tập thể xuống cấp trong phạm vi Vành đai 2 theo mô hình tích hợp TOD - CBD. Áp dụng các cơ chế ưu đãi để khuyến khích cư dân di dời từ lõi di sản ra các khu đô thị mới được đầu tư đồng bộ tại vùng ngoại vi.

Phát triển đô thị mới: Tập trung phát triển các khu đô thị đa mục tiêu dọc theo các trục đường sắt đô thị phía ngoài Vành đai 3 theo mô hình nén quanh các ga đường sắt đô thị theo mô hình TOD.

Nhà ở xã hội và nhà ở công nhân: Ưu tiên quy hoạch và xây dựng các khu nhà ở xã hội tập trung quy mô lớn, bảo đảm đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Các dự án này phải được bố trí tại các vị trí thuận tiện kết nối với mạng lưới đường sắt đô thị nhằm đảm bảo môi trường sống văn minh, thuận lợi cho người có thu nhập thấp và công nhân tại các khu, cụm công nghiệp.

* Quản lý và phát triển thị trường:

Thúc đẩy xu hướng bất động sản thông minh, công trình xanh và tiết kiệm năng lượng gắn với hạ tầng TOD.

Xác lập các công cụ tài chính và quy hoạch để kiểm soát tình trạng đầu cơ bất động sản.

Phát triển đa dạng loại hình sản phẩm, chú trọng thị trường nhà ở cho thuê để tăng cường khả năng tiếp cận nhà ở cho mọi tầng lớp Nhân dân.

m) Nông, lâm, ngư nghiệp:

* Nông nghiệp:

Quy hoạch hệ thống các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại gắn với chiến lược chuyển đổi từ sản xuất thuần túy sang kinh tế nông nghiệp sinh thái, đa giá trị và bền vững.

Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, công nghệ cao và chuyên canh; khu nông nghiệp công nghệ cao: Tập trung đầu tư tại các khu vực: Suối Hai, Kim Sơn, Minh Châu, Trung Châu và Phù Đổng, Đại Xuyên và các vùng có tiềm năng khác.

Vùng canh tác lúa chất lượng cao: Thực hiện bảo vệ nghiêm ngặt và giữ ổn định quỹ đất lúa tại các xã: Chuyên Mỹ, Hòa Phú, Hòa Xá, Tiến Thắng, Vật Lại, Ứng Thiên, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Cổ Đô, Phúc Sơn, Đại Xuyên và các vùng có tiềm năng khác. Định hướng ứng dụng công nghệ thông minh, kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính.

Vùng rau an toàn tập trung: Quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh tại các xã: Đại Xuyên, Bát Tràng, Thuận An, Kiều Phú, Tiến Thắng, Quảng Oai, Hồng Sơn, Thạch Thất, Yên Lãng và các vùng có tiềm năng khác.

Vùng cây ăn quả và sản xuất hỗn hợp: Tập trung tại các địa bàn: Phúc Lộc, Hưng Đạo, Thuận An, Bình Minh, Quốc Oai, Xuân Mai, Hồng Sơn, Hát Môn, Chương Mỹ và các vùng có tiềm năng khác. Gắn kết sản xuất với chiến lược phát triển thương hiệu

OCOP quốc gia. Quy hoạch các vùng canh tác tích hợp (rau, hoa và cây ăn quả) tại: Phù Đổng, Phúc Lộc, Tiến Thắng, Đa Phúc, Bát Tràng và các vùng có tiềm năng khác.

* Lâm nghiệp và Không gian xanh sinh thái:

Phát triển rừng: Duy trì và nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt tối thiểu 6,2% diện tích toàn Thành phố. Triển khai mô hình "Công viên rừng trong thành phố" gắn với khai thác du lịch sinh thái trải nghiệm.

Chuyển đổi không gian: Nghiên cứu chuyển đổi có chọn lọc một số khu vực đất nông nghiệp sang không gian xanh sinh thái, vành đai cảnh quan đô thị và công viên rừng theo định hướng phát triển không gian đô thị đa tầng.

* Vùng hoa, cây cảnh và dược liệu:

Cây dược liệu: Hình thành vùng sản xuất tập trung tại xã Đoài Phương, Hương Sơn, Ba Vì, Sóc Sơn, Kim Anh và các vùng có tiềm năng khác.

Hoa và cây cảnh: Phát triển các vùng chuyên biệt tại phường Tùng Thiện, xã Suối Hai, xã Hát Môn, xã Phúc Thọ và các vùng có tiềm năng khác.

* Thủy sản và Nông nghiệp tuần hoàn:

Nuôi trồng thủy sản: Triển khai mô hình nuôi trồng tập trung, ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Ứng Hòa, Phượng Dực, Cổ Đô, Vân Đình và Kiều Phú và các vùng có tiềm năng khác.

Kinh tế tuần hoàn: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp giảm phát thải, hướng tới mục tiêu hiện đại hóa nông thôn Thủ đô trong bối cảnh hội nhập

n) Quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch, sắp xếp hệ thống đất quốc phòng, an ninh bảo đảm phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc và thế trận phòng thủ khu vực Thủ đô trong tình hình mới.

Quản lý và chỉnh trang: Thực hiện sắp xếp, chỉnh trang các khu vực quốc phòng, an ninh theo đúng quy hoạch chuyên ngành. Bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

Khai thác nguồn lực đất đai: Khuyến khích khai thác hiệu quả quỹ đất quốc phòng theo hướng "lưỡng dụng", kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ quân sự, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực phù hợp.

Nguyên tắc chuyển mục đích sử dụng đất: Tuyệt đối không thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất quốc phòng, an ninh sang các loại đất khác khi chưa có sự đồng thuận, thống nhất bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Dự trữ chiến lược: Xác lập và bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất dự trữ cho mục đích quốc phòng, an ninh tại các vị trí chiến lược đã được định hướng; không cho phép mọi hình thức chuyển mục đích sử dụng tại các vị trí này nhằm bảo đảm an ninh quốc gia dài hạn.

5.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, không gian ngầm:

a) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng xanh với hạ tầng thông minh. Định hướng các tuyến giao thông kết nối (đường sắt liên vùng, vành đai); các công trình đầu nối

hạ tầng chiến lược (nghĩa trang, rác thải, cấp điện,…); rà soát hệ thống sông, hồ, đê liên tỉnh để xử lý ngập, cải thiện vi khí hậu và cấp nguồn cho Hà Nội; xử lý các vấn đề môi trường mang tính liên tỉnh (di dời các cơ sở gây ô nhiễm trong vùng Thủ đô, ô nhiễm lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy, xử lý rác thải) và đề xuất các giải pháp giảm ô nhiễm không khí, nước thải cho vùng.

a.1) Giao thông:

* Hệ thống đường bộ:

Hoàn thiện mạng lưới kết nối vùng và mở rộng mặt cắt: Xây dựng đồng bộ khép kín và đưa vào khai thác toàn tuyến Vành đai 4, 4.5, Vành đai 5. Thực hiện cải tạo, mở rộng mặt cắt ngang đối với các trục hướng tâm (Đại lộ Thăng Long, Tây Thăng Long, các tuyến Quốc lộ 1A, 6, 32, 21, Trục đường Hà Đông - Xuân Mai, Trục đường kinh tế phía Nam,...), mạng lưới các tuyến đường vành đai, đường liên xã, liên phường, theo cấu trúc mạng, ô bàn cờ. Quy mô bề rộng, số làn xe các tuyến đường đảm bảo đáp ứng theo quy chuẩn.

Hệ thống cầu vượt sông: Tập trung đầu tư xây dựng mới các cầu qua sông Hồng (cầu Tứ Liên, Trần Hưng Đạo, Ngọc Hồi, Mễ Sở, Hồng Hà,...), cải tạo mở rộng cầu Chương Dương,… và các cầu qua sông Đuống, sông Đà, khơi thông kết nối hầm, cầu qua các xã vùng sâu, vùng xa (xã đảo Minh Châu, Khánh Thượng - Ba Vì,...) ưu tiên giải pháp hầm vượt sông đa tầng (kết hợp đường bộ và đường sắt) để tiết kiệm quỹ đất giải phóng mặt bằng và bảo vệ cảnh quan.

Quy hoạch bổ sung các tuyến đường, cầu/hầm kết nối 05 tỉnh tiếp giáp Hà Nội.

Đối với khu vực hạn chế giải phóng mặt bằng: Áp dụng giải pháp nâng cao hệ số sử dụng không gian giao thông đa tầng. Thiết kế đồng bộ đường mặt đất, đường trên cao và hệ thống hầm chui cơ giới tại các nút giao lớn để tối đa hóa lưu lượng trên cùng một mặt bằng tuyến.

Xây dựng các Trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức cấp quốc gia tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và khu vực Cảng hàng không thứ 2.

Xây dựng hệ thống bến xe khách liên tỉnh mới kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị, bãi đỗ xe trung chuyển đa phương tiện, bến xe buýt tạo thành các Trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức phù hợp với quá trình mở rộng và phát triển đô thị. Từng bước chuyển đổi công năng, di dời các bến xe trong khu vực vành đai 3. Bố trí quỹ đất hợp lý (bao gồm cả các không gian ngầm) để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, giao thông công cộng, công viên cây xanh, vành đai.

Xây dựng các bến xe tải gắn với các trung tâm logistics, khu, cụm công nghiệp lớn.

Quy hoạch xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo với 09 trục động lực đảm bảo quy mô, cấp hạng đường đô thị, tối thiểu 06 làn xe chính (như trục Quốc lộ 1A (đoạn từ Vành đai 1 - hầm Kim Liên đến cầu Giẽ) được mở rộng với bề rộng B= 90m), sẽ tiếp tục được xác định cụ thể trong quá trình triển khai tiếp theo đáp ứng các yêu cầu về kết nối, tính chất, chức năng tạo động lực của tuyến đường và được thực hiện theo dự án riêng.

(Cụ thể vị trí, hướng tuyến, quy mô thành phần cấu tạo mặt cắt ngang sẽ tiếp

tục được nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo (quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng,... được cấp thẩm quyền phê duyệt), có xem xét khả năng kế thừa trên nguyên tắc phù hợp với định hướng quy hoạch, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực).

* Hệ thống đường sắt:

Hệ thống đường sắt Thủ đô gồm đường sắt Quốc gia, đường sắt vùng/liên vùng và đường sắt đô thị được tích hợp đồng bộ, tạo thành khung hạ tầng vận tải khối lượng lớn cho toàn Vùng Thủ đô. Trong đó, mạng lưới được tổ chức theo cấu trúc đa cấp "vòng - xuyên tâm - đa cấp", kết hợp các tuyến trục chính, các tuyến vành đai và các hành lang liên tỉnh, bảo đảm kết nối đồng bộ giữa trung tâm Hà Nội với các đô thị vệ tinh cũng như các tỉnh trong Vùng Thủ Đô.

Quy hoạch bổ sung các tuyến liên vùng, nâng tổng chiều dài mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn lên khoảng 979 km (~ 1200 km bao gồm cả đường sắt liên vùng), bao gồm nhiều loại hình giao thông công cộng để định hình không gian phát triển mới.

Mạng lưới đường sắt được phân tầng chức năng cụ thể:

- Đường sắt tốc độ cao và đường sắt Quốc gia: Giữ vai trò các trục vận tải hướng tâm cấp quốc gia và quốc tế, kết nối Thủ đô với các vùng trong cả nước và quốc tế, gắn với các đầu mối trung chuyển quy mô lớn. Phục vụ hành khách trong nước và quốc tế; hình thành các đầu mối trung chuyển quy mô lớn, gắn với các tổ hợp ga tích hợp đa chức năng như Quy hoạch Tổ hợp ga Ngọc Hồi (cực phía Nam) làm ga đầu mối trung chuyển lớn nhất, tích hợp nhà ga, depot và trạm bảo dưỡng.

- Đường sắt vùng/liên vùng: Kết nối trung tâm Hà Nội với các Cực tăng trưởng; đô thị thuộc các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Phú Thọ, Ninh Bình, Thái Nguyên,… nhằm tăng cường liên kết vùng và mở rộng không gian phát triển. Hình thành các tuyến liên kết giữa các đô thị trong Vùng Thủ đô, các khu công nghiệp, trung tâm logistics và các cực phát triển; được tổ chức theo cấu trúc kết hợp các tuyến hướng tâm và các tuyến vành đai, trong đó:

+ Duy trì và khai thác hiệu quả tuyến vành đai đường sắt quốc gia đã được xác lập trong quy hoạch trước;

+ Bổ sung tuyến vành đai đường sắt liên vùng quy mô lớn hơn, kết nối trực tiếp các cực phát triển và các đầu mối hạ tầng chiến lược, đặc biệt là hệ thống các sân bay;

+ Các tuyến vành đai giữ vai trò phân luồng vận tải liên vùng, giảm tải cho khu vực đô thị trung tâm và hình thành các hành lang phát triển mới;

- Đường sắt đô thị nhanh: Là các trục xuyên tâm tốc độ cao, kết nối trực tiếp các khu vực phát triển mới với đô thị trung tâm, nâng cao khả năng tiếp cận và rút ngắn thời gian di chuyển trong phạm vi vùng đô thị mở rộng.

- Đường sắt đô thị khối lượng lớn và Đường sắt nhẹ: Gồm các tuyến xuyên tâm, tuyến vòng được bố trí theo nguyên tắc kết hợp các tuyến xuyên tâm và các tuyến vành đai, bảo đảm bao phủ mạng lưới và phục vụ hiệu quả các khu vực đô thị. Hệ thống đường sắt đô thị được xác định là khung giao thông chủ yếu, trực tiếp dẫn dắt mô hình phát triển đa cực, đa trung tâm; tạo nền tảng để phát triển đô thị theo mô hình TOD; một số tuyến/đoạn tuyến kết hợp lưỡng dụng với an ninh - quốc phòng, phòng

thủ dân sự. Chuyển đổi công năng ga Hà Nội thành ga trung tâm của tuyến đường sắt đô thị kết hợp không gian thương mại, văn hóa.

Xây dựng tổ hợp công nghiệp đường sắt, quy mô khoảng 250 ha ở phía Nam, thuộc khu vực xã Chuyên Mỹ và xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội phục vụ sản xuất, lắp ráp, bảo trì đầu máy toa xe, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và nội địa hóa phụ tùng,…

Định hướng phát triển mạng lưới đường sắt:

+ Cấu trúc mạng lưới: kết hợp các tuyến hướng tâm và các tuyến vành đai (02 tuyến vòng), bảo đảm tổ chức không gian "vòng - tia".

+ Tổng chiều dài mạng lưới đường sắt (bao gồm đường sắt đô thị và đường sắt vùng/liên vùng): khoảng khoảng 1.200 km (trong đó mạng lưới đường sắt đô thị dài khoảng 979km).

Cấu trúc không gian TOD Hà Nội được tổ chức theo mô hình trục phát triển động lực - đa trung tâm - vùng chức năng, nhằm dẫn dắt mở rộng đô thị và cân bằng phân bố dân cư, việc làm trong toàn Vùng Thủ đô.

Hệ thống TOD gắn với đường sắt đô thị được tổ chức tại các ga và đầu mối giao thông quan trọng, hình thành các trung tâm đô thị mật độ cao, đa chức năng, góp phần tái cấu trúc không gian đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển hệ thống giao thông công cộng. Phát triển mạng lưới theo lộ trình phù hợp với từng giai đoạn, ưu tiên hình thành các tuyến trục chính và các đoạn có nhu cầu vận tải cao, từng bước hoàn thiện mạng lưới toàn diện, đồng bộ.

Các cấp độ quy hoạch TOD:

+ TOD quốc gia/vùng: Cực phát triển mật độ cao gắn với đầu mối giao thông quốc gia, hub liên vùng (khoảng 5-10 điểm).

+ TOD cấp thành phố: Trung tâm TOD quy mô lớn, gắn với trục đường sắt đô thị chính và khu đô thị mới và các khu vực phát triển trọng điểm (khoảng 20-30 điểm).

+ TOD cấp khu vực: Ga hoặc nút giao đường sắt đô thị có tiềm năng phát triển quỹ đất và phân bố dọc theo mạng lưới (khoảng 120-150 điểm).

Trong đó, các trung tâm TOD cấp quốc gia/vùng và cấp thành phố đóng vai trò hạt nhân, hình thành các vùng phát triển động lực, có khả năng lan tỏa và dẫn dắt phát triển không gian đô thị theo các trục đường sắt và các hành lang kinh tế - kỹ thuật chủ đạo.

Số lượng, chiều dài, nguyên tắc xác định đoạn đi ngầm/nổi của các tuyến đường sắt đô thị; số lượng và quy mô TOD các cấp độ sẽ tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung trên cơ sở nhu cầu phát triển của đô thị, các điều kiện về kinh tế xã hội, hiệu quả khai thác đất đai… Vị trí, hướng tuyến đường sắt đô thị và nhà ga trên tuyến, khu vực quy hoạch TOD sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập Quy hoạch chuyên ngành Giao thông, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, thực hiện theo dự án riêng được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

Lộ trình phát triển mạng lưới đường sắt đô thị:

Nghiên cứu kế thừa việc thực hiện theo Nghị quyết 188/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc Hội và các quy hoạch đã được phê duyệt gồm 18 tuyến với chiều

dài khoảng 979km được nghiên cứu dự kiến phân kỳ đầu tư như sau:

Giai đoạn 2026-2035: Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch đầu tư khoảng 500km đường sắt đô thị, trong đó ưu tiên tập trung hoàn thành trước các tuyến trong giai đoạn 2026-2030 của Nghị quyết 188/2025/QH15 và tuyến số 1 (Nội Bài - Yên Viên - ga Hà Nội - Ngọc Hồi).

Giai đoạn 2036-2045: Kế hoạch đầu tư hoàn thiện mạng lưới và kéo dài... với chiều dài khoảng 479km.

Cụ thể sẽ được nghiên cứu, xây dựng lộ trình phát triển trong kế hoạch triển khai quy hoạch trên cơ sở đánh giá, xây dựng nguồn lực, xác định các phương thức triển khai đối với từng tuyến; các giai đoạn nêu trên có thể triển khai song song đồng thời với những tuyến có điều kiện thuận lợi và có đề xuất của các đối tác có năng lực; ứng dụng các giải pháp triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới để rút ngắn tối đa tiến độ hoàn thành.

* Hệ thống hàng không:

Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (cực phía Bắc) đạt công suất khoảng 50 triệu hành khách/năm, mở rộng quy mô khoảng 1.500 ha về phía Nam. Xây dựng Cảng hàng không thứ 2 Vùng Thủ đô tại cực phía Nam (khu vực xã Ứng Hòa, Chuyên Mỹ) với quy mô khoảng 1.500 ha, công suất dự kiến khoảng 30-50 triệu khách/năm đạt tiêu chuẩn quốc tế, phát triển theo mô hình đô thị sân bay. Nâng cấp, mở rộng, bổ sung chức năng lưỡng dụng cho các sân bay quân sự Gia Lâm, Hoà Lạc.

Thiết lập các điểm đầu mối cất/hạ tại khu vực Hòa Lạc, Sóc Sơn, trên các tòa nhà cao tầng, các khu vực bến, bãi phù hợp để phục vụ phương tiện công nghệ mới (drone, taxi bay,…) phục vụ dịch vụ vận chuyển công nghệ.

* Hệ thống giao thông công cộng:

Phấn đấu tỷ lệ đảm nhận của giao thông công cộng đạt 25%-30% vào năm 2035; 40%-45% vào năm 2045 và 55-60% vào năm 2065.

Thiết lập các vùng hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực nội đô lịch sử theo các lớp vành đai đồng bộ với các vùng phát thải thấp; chuyển đổi theo lộ trình, hướng tới 100% phương tiện xe buýt, taxi sử dụng năng lượng xanh.

Ưu tiên quỹ đất để phát triển các trung tâm trung chuyển đa phương tiện kết hợp với việc tái thiết và phát triển đô thị theo mô hình TOD.

Dành đủ đất cho hạ tầng giao thông công cộng như bãi đỗ - trạm sạc, trạm bảo dưỡng sửa chữa xe buýt.

Dành đủ quỹ đất cho đỗ xe theo hướng tiết kiệm đất đai bằng việc khai thác không gian đa tầng.

Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo để quản lý, khai thác tối đa năng lực của hệ thống giao thông; phục vụ công tác dự báo, xây dựng đề án, kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông.

* Hệ thống đường thủy:

Cảng đầu mối đường thủy nội địa: Nâng cấp, cải tạo, phát triển một số cảng đầu mối kết hợp để gánh vác vai trò logistics đường thủy: Cảng container Phù Đổng, Cảng Giang Biên (cực phía Đông); Cảng Hồng Hà, Cảng Sơn Tây, Cảng Ba Vì (cực phía

Tây); cảng Hồng Vân, cảng Vạn Điểm - Phú Xuyên (cực phía Nam); cảng Đa Phúc (cực phía Bắc);....

Có dự trữ quy mô, công suất để phát triển thêm các cảng khác (cảng du lịch, cảng chuyên dùng, cảng khách, cảng khai thác vật liệu xây dựng, cảng/bến thủy nội địa phục vụ an ninh, quốc phòng,…) khi có nhu cầu.

Xây dựng hệ thống cảng/bến du lịch dọc theo các tuyến sông và hai bên bờ sông kết hợp "Con đường di sản" kết nối Phú Thọ từ khu vực Ba Vì đến Phú Xuyên sang Ninh Bình phục vụ vận tải khách và du lịch.

Đối với khu vực Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng, chỉ bố trí các cảng khách, cảng du lịch, cảng/bến thuỷ nội địa phục vụ nhu cầu về quốc phòng, an ninh,... Từng bước chuyển đổi các cảng hàng hóa và cảng tổng hợp tại khu vực trung tâm Thành phố thành cảng, bến thuyền du lịch để nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất ven sông, đồng thời phù hợp với định hướng tái cấu trúc không gian hai bên sông theo hướng sinh thái - văn hóa - đô thị dịch vụ của Thủ đô.

Cụ thể về vị trí, chức năng, công suất, nhu cầu sử dụng đất (diện tích đất, diện tích mặt nước), kết nối hạ tầng kỹ thuật,... của từng cảng/bến thủy nội địa sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo (quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng,... được cấp thẩm quyền phê duyệt) phù hợp với định hướng quy hoạch sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực.

a.2) Cao độ nền xây dựng:

Đối với khu vực đồi núi, bán sơn địa: Cao độ nền xây dựng lựa chọn theo hướng phù hợp với điều kiện địa hình, bảo vệ cảnh quan tự nhiên và đảm bảo phòng chống lũ rừng ngang, lũ ống, lũ quét.

Đối với khu vực đồng bằng không có đê bảo vệ: Cao độ nền xây dựng được xác định từ mực nước lũ tần suất P=1%.

Đối với khu vực đồng bằng có đê bảo vệ:

+ Khu vực ngoài bãi sông: Tuân thủ quy hoạch phòng chống lũ tuyến sông được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Khu vực trong đồng: Được xác định phù hợp cao độ mực nước thiết kế trên các tuyến thoát nước mặt. Tại các khu vực thấp trũng cục bộ không có khả năng tôn nền, sử dụng các trạm bơm tiêu cục bộ và các giải pháp kỹ thuật đặc thù khác.

Hệ thống cao độ nền khống chế của từng khu vực được xác định trên nguyên tắc phù hợp với quy hoạch hệ thống thoát nước, hài hoà với các khu vực đã xây dựng ổn định liền kề, có xem xét đến tác động kép của hiện tượng sụt lún nền đất và biến đổi khí hậu.

a.3) Thoát nước mặt:

Gồm 3 vùng tiêu chính là: Tả Đáy, Hữu Đáy và Bắc sông Hồng. Hướng thoát nước cơ bản bám sát địa hình tự nhiên và dốc về các tuyến sông nội đồng, mương trục chính dẫn về các trạm bơm thoát nước chủ lực ra sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Cầu, sông Cà Lồ, sông Tích, sông Bùi.

Các trạm bơm thoát nước chủ lực đảm bảo thoát nước với hệ số tiêu theo quy

hoạch thủy lợi.

Hệ thống khung trục thoát nước chính hoạt động theo mô hình liên lưu vực để nâng cao khả năng thoát nước của toàn hệ thống, với các trục chính là sông Ngũ Huyện Khê, sông Nhuệ, sông Tô Lịch, sông Cầu Bây, sông Thiên Đức.

Tổng diện tích hệ thống hồ điều hòa ≥ 5% diện tích lưu vực tính trên 03 lưu vực chính Tả Đáy, Hữu Đáy và Bắc sông Hồng. Ưu tiên dành đất cho hồ điều hòa phía trước trạm bơm tiêu để có thể phát huy tối đa công suất trạm bơm.

Các khu vực thấp trũng cục bộ, quỹ đất xây dựng hồ điều hòa hạn chế, bất lợi về vị trí trong hệ thống thoát nước mặt áp dụng các giải pháp công trình đặc thù như xây dựng bể ngầm trữ nước mưa tạm thời, xây dựng trạm bơm thoát nước cục bộ, tăng dung tích điều tiết của hồ điều hòa.

Ngoài hệ thống hồ điều hòa thoát nước, cần duy trì tối đa các khu vực có cao độ nền thấp trong các hành lang xanh, nêm xanh, công viên, đất canh tác trong khu vực nông nghiệp - nông thôn để trữ nước tạm thời khi có mưa lớn cực đoan trên diện rộng.

Duy trì tối đa các ao hồ nhỏ lẻ trong các khu dân cư hiện có. Xây dựng bổ sung các hồ điều hòa kết hợp với cây xanh tại các khu vực phát triển đô thị tạo thành khu sinh quyển của thành phố và phục vụ thoát nước cho khu vực.

Hệ thống mương, cống thoát nước áp dụng tiêu chuẩn thiết kế cao nhất theo Quy chuẩn xây dựng.

Xây dựng quy định và các cơ chế, chính sách để áp dụng mô hình bọt biển trong thiết kế quy hoạch, các dự án phát triển đô thị để giảm tải cho hệ thống thoát nước mặt, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường đất.

Đối với các khu vực đồi núi, bán sơn địa và thoát nước tự chảy hoàn toàn ra các tuyến sông tự nhiên: Duy trì, bảo vệ, cải tạo các hành lang thoát lũ, thoát nước tự chảy vừa đảm bảo thoát nước, vừa phù hợp với định hướng phát triển không gian và yêu cầu về kiến trúc cảnh quan.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông giữa thoát nước mặt đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu và cụm công nghiệp và các khu chức năng khác với hệ thống tưới tiêu thủy lợi khu vực nông nghiệp, nông thôn của Thành phố và các tỉnh tiếp giáp Hà Nội. Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, vận hành hệ thống đạt hiệu quả cao nhất.

Bổ cập nước cho các sông Tô Lịch, Lừ, Sét, Kim Ngưu, Cầu Bây,…: từ nguồn nước sông Hồng, sông Đuống, các nguồn nước sau xử lý của các nhà máy xử lý nước thải và các nguồn nước khác. Cho phép bổ sung các hạng mục công trình chống úng ngập cục bộ (bể ngầm chứa nước, cống thoát nước, trạm bơm,…) đảm bảo thoát nước triệt để cho các khu vực. Điều chỉnh, cập nhật các công trình thoát nước (trạm bơm, kênh, cống thoát nước,…) phù hợp với các dự án đầu tư xây dựng được duyệt, đã, đang triển khai.

Vị trí, các thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mặt (trạm bơm, kênh, sông, cống,…) trong quy hoạch này chỉ là định hướng, giải pháp thiết kế cụ thể sẽ được tiếp tục nghiên cứu, xác định trong giai đoạn lập các quy hoạch để cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể trên cơ sở kế thừa các quy hoạch, dự án đầu tư được duyệt.

a.4) Cấp điện, năng lượng và chiếu sáng:

* Cấp điện: Phát triển đa dạng nguồn cung cấp điện, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,…).

Kế thừa, thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia và nghiên cứu bổ sung cho giai đoạn 2065 và tầm nhìn 100 năm.

Cải tạo nâng công suất, xây dựng mới lưới điện truyền tải (các trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV và các tuyến đường dây đấu nối) đảm bảo nhu cầu cấp điện cho thành phố Hà Nội. Các trạm biến áp 500kV bổ sung xây dựng mới có thể nghiên cứu bố trí trên địa bàn các tỉnh lân cận (Phú Thọ, Bắc Ninh, Ninh Bình) để giảm tải cho thành phố Hà Nội, phương án chi tiết được xem xét, thống nhất giữa các tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện.

Di chuyển, hạ ngầm lưới điện cao thế 200kV, 110kV hiện có trong khu vực đô thị từ loại II đến loại đặc biệt; lưới điện xây dựng mới trong đô thị. Các trạm biến áp 220kV, 110kV ưu tiên nghiên cứu công nghệ hiện đại (GIS), trạm kiểu ngầm để tiết kiệm quỹ đất và đảm bảo cảnh quan kiến trúc của khu vực. Nghiên cứu sử dụng các gam máy có công suất lớn hơn với các trạm 500kV (gam máy 1200-1500MVA), trạm 220kV (gam máy 300-350- 400MVA), trạm 110kV (gam máy 80-100MVA).

Cải tạo lưới điện 500kV, 220kV, 110kV ngoài khu vực phát triển đô thị: nghiên cứu áp dụng các công nghệ khoa học tiên tiến để hạ ngầm, bố trí chung cột các tuyến đường dây để hạn chế ảnh hưởng đến không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất của Thành phố.

Lưới điện trung thế, hạ thế trong khu vực phát triển đô thị phải bố trí đi ngầm trong tuynel, hào kỹ thuật. Khuyến khích các khu vực cải tạo, khu vực ngoại thị, vùng nông thôn xây dựng hệ thống điện ngầm đồng bộ với các công trình hạ tầng đô thị. Đối với các đường dây cao thế, trung thế đi nổi phải đảm bảo hành lang an toàn đường dây điện trên không theo quy định, đảm bảo chống xâm phạm, lấn chiếm.

* Cấp năng lượng: Di dời các kho chứa xăng dầu, khí đốt ra khỏi vùng lõi phát triển đô thị. Bố trí quỹ đất phục vụ nhu cầu di dời các kho chứa hiện có tại các khu vực phát triển mới hệ thống kho tàng, bến bãi; đảm bảo hành lang an toàn các tuyến truyền dẫn (xăng dầu, khí đốt) theo quy định.

* Chiếu sáng đô thị: Xây dựng hệ thống điều khiển trung tâm cho chiếu sáng đường. Các trung tâm hành chính, chính trị, tuyến phố thương mại, khu vực di tích, công trình cao tầng điểm nhấn, quảng trường và không gian mở gắn với hoạt động có đông người được chiếu sáng cảnh quan.

* Trạm sạc điện, trạm đổi pin: Xây dựng hệ thống trạm sạc điện, trạm đổi pin cho phương tiện xe điện dùng chung, đảm bảo thống nhất với các yếu tố kỹ thuật, thuận tiện khu sử dụng.

a.5) Thông tin, truyền thông:

Đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông Thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng Thủ đô Hà Nội cơ bản trở thành thành phố thông minh, hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước.

Đến 2045, hoàn thiện các mục tiêu chuyển đổi số, định hướng Thủ đô phát triển toàn diện và có hạ tầng thông tin và truyền thông ngang tầm Thủ đô các nước phát

triển trong khu vực và trên thế giới.

Đến 2065, xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm số hàng đầu khu vực, là hạt nhân đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu và điều hành thông minh Quốc gia; Hình thành hạ tầng số đồng bộ - hiện đại - an toàn - dự phòng cao, đáp ứng yêu cầu đô thị siêu lớn; Bảo đảm chủ quyền số, an ninh mạng và an toàn thông tin cấp độ cao; Tích hợp hoàn chỉnh hạ tầng ICT (Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông) vào cấu trúc đô thị đa trung tâm; Phát triển hạ tầng số xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng biến đổi khí hậu.

a.6) Cấp nước:

Sử dụng nguồn nước mặt, hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm. Giảm dần quy mô khai thác nước dưới đất, chuyển đổi trữ lượng thành nguồn dự phòng chiến lược để đảm bảo an ninh nguồn nước bền vững và khả năng ứng phó linh hoạt trước các sự cố từ nguồn nước mặt.

Chia sẻ hạ tầng cấp nước liên vùng: đầu tư mở rộng các nhà máy nước mặt quy mô lớn liên tỉnh gồm: Nhà máy nước mặt sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, Xuân Mai, Hà Nam. Xây dựng hệ thống cấp nước kết nối liên vùng với các tỉnh Ninh Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hưng Yên,... nhằm đa dạng phương án cấp nước, đảm bảo an ninh, an toàn cấp nước cho Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Vị trí, quy mô công suất, phạm vi cấp nước của các nhà máy, các công trình đầu mối trên hệ thống và mạng lưới cấp nước sẽ được xem xét bổ sung phù hợp nhu cầu dùng nước, điều kiện thực tế, các quy hoạch liên quan, dự án đầu tư,… được cấp thẩm quyền chấp thuận và phê duyệt; việc xác định các nhà máy nước ngầm chuyển đổi nguồn, dừng hoạt động sẽ tiếp tục được xác định cụ thể trong quy hoạch chuyên ngành.

a.7) Thu gom và xử lý nước thải:

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống hiện có nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý cho khu vực nội đô, khu vực dân cư cũ.

Bổ sung hệ thống thu gom và các trạm xử lý nước thải mới phù hợp với định hướng phát triển đô thị, phân bổ dân cư và điều kiện địa hình theo từng giai đoạn phát triển.

Nước thải sau khi xử lý sẽ được tái sử dụng để làm nguồn bổ cập nước cho các tuyến sông, kênh, mương hở thoát nước.

Tại các khu đô thị xây dựng mới, khu và cụm công nghiệp, tổ hợp y tế, giáo dục, khu công nghệ cao, đất quốc phòng - an ninh,… xây dựng các trạm xử lý riêng phù hợp với yêu cầu quản lý, tính chất nước thải, đảm bảo xử lý tối đa nước thải ngay tại công trình, dự án.

Tại các khu vực có quỹ đất hạn chế, khai thác không gian ngầm để làm công trình xử lý.

Diện tích các nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn tiếp theo trên cơ sở công suất, dây chuyền, công nghệ. Điều chỉnh, cập nhật các công trình thoát nước (nhà máy xử lý, trạm bơm, cống thoát nước,…) phù hợp với các dự án đầu tư xây dựng được duyệt, đã, đang triển khai.

a.8) Thu gom và xử lý chất thải rắn:

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt: đạt 100% toàn đô thị.

Phân loại chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn. Đối với chất thải nguy hại (công nghiệp, y tế) phải được thu gom và vận chuyển riêng.

Công nghệ xử lý: Ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại gồm: Đốt thu hồi năng lượng, tái chế chất thải rắn. Hoạt động chôn lấp chỉ áp dụng đối với tro sỉ và các thành phần trơ không thể tái chế sau xử lý nhiệt. Đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn để giảm tỷ lệ chôn lấp cuối cùng xuống mức thấp nhất theo tiêu chuẩn đô thị thông minh.

Định hướng các khu xử lý chất thải rắn:

+ Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập trung có tính chất hạt nhân, phân bổ theo 04 vùng đảm bảo đáp ứng nhu cầu xử lý các loại hình chất chất thải rắn trên địa bàn thành phố gồm: Khu xử lý chất thải rắn Sóc Sơn (phía Bắc); khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn (phía Tây Bắc), Khu xử lý chất thải rắn Núi Thoong (phía Tây); khu xử lý chất thải rắn Châu Can (phía Nam).

+ Dự trữ quỹ đất để xây dựng các khu xử lý chất thải rắn nhằm hỗ trợ xử lý chất thải rắn cho các khu xử lý chất thải rắn tập trung, gồm: khu xử lý chất thải rắn Cao Dương và khu xử lý chất thải rắn Đồng Ké tiếp tục dự trữ phát triển cho công tác xử lý chất thải. Sau năm 2030, khi khẳng định được hiệu quả công tác phân loại và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn có thể chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và địa phương.

+ Đối với các khu xử lý chất thải rắn đã và đang được triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt đến nay không còn phù hợp với định hướng phát triển không gian sẽ được xem xét rà soát, theo hướng ưu tiên chuyển đổi thành các khu đất dành cho hạ tầng thu gom tập kết xe điện đã qua sử dụng và xử lý pin xe điện hoặc xử lý thành phần chất thải rắn nếu áp dụng các công nghệ không phát sinh ô nhiễm.

Vị trí, quy mô các khu trung chuyển chất thải rắn, đất cho hạ tầng phục vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo các cấp độ sẽ được xác định cụ thể trong Quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

Về quản lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn xây dựng - bùn thải: Thực hiện mô hình xử lý tập trung kết hợp các trạm vệ tinh điều phối linh hoạt. Ưu tiên tích hợp loại chất thải tại các khu xử lý chiến lược để tối ưu hóa nguồn lực hạ tầng và nâng cao hiệu suất xử lý tập trung; thúc đẩy tái chế, tái sử dụng bùn thải và chất thải rắn xây dựng làm vật liệu san lấp, đáp ứng định hướng kinh tế tuần hoàn.

+ Chất thải rắn y tế, công nghiệp: Thực hiện phân luồng nghiêm ngặt và cách ly tuyệt đối chất thải nguy hại ngay từ nguồn thải. Xử lý bằng công nghệ hiện đại thu hồi năng lượng, tiến tới không phát thải tại khu xử lý tập trung và vệ tinh, đảm bảo an toàn an ninh môi trường và tối ưu hóa chi phí vận hành hệ thống.

- Về khoảng cách an toàn môi trường: Để đảm bảo nhu cầu phát triển đô thị, các khu đô thị dự kiến bố trí tiếp giáp các khu xử lý chất thải rắn tập trung, trong quá trình triển khai cho phép nghiên cứu, bổ sung các giải pháp được cấp thẩm quyền chấp thuận nhằm giảm thiểu khoảng cách an toàn môi trường.

a.9) Quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ:

* Nghĩa trang:

Đóng cửa, dừng hẳn việc hung táng tại các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị, từng bước cải tạo thành công viên nghĩa trang.

Nghĩa trang Quốc gia: Duy trì hoạt động Nghĩa trang Mai Dịch; xây dựng mới nghĩa trang tại xã Yên Xuân, quy mô khoảng 120 ha; áp dụng hình thức táng tổng hợp.

Mở rộng, xây dựng các nghĩa trang tập trung: Mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ đạt tiêu chuẩn quy mô cấp vùng; mở rộng nghĩa trang Vĩnh Hằng và Thanh Tước; xây dựng mới nghĩa trang Thạch Thất, Đông Sóc Sơn, Chuyên Mỹ theo quy chuẩn nghĩa trang cấp Thành phố.

Nghĩa trang tập trung cấp xã được xem xét nghiên cứu trong quy hoạch chuyên ngành, đảm bảo sự cần thiết, quy mô và bán kính phục vụ đô thị theo quy định.

Thực hiện chuyển đổi mô hình nghĩa trang theo hướng xanh, hiện đại: phát triển mô hình công viên nghĩa trang; đẩy mạnh hình thức hỏa táng (đạt tỷ lệ 100%); nghiên cứu áp dụng các mô hình lưu giữ tro cốt hiện đại (cao tầng, ngầm) phù hợp điều kiện quỹ đất, kết hợp ứng dụng công nghệ quản lý thông minh nhằm sử dụng hiệu quả không gian.

Tổ chức rà soát, đóng cửa, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán trong khu vực nội đô về các khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch; quỹ đất sau di dời được ưu tiên sử dụng cho mục đích công cộng như cây xanh, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý nghĩa trang: xây dựng hệ thống quản lý nghĩa trang thông minh, tích hợp cơ sở dữ liệu số (GIS, mã định danh, nền tảng tưởng niệm trực tuyến,...), nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ người dân.

* Hỏa táng:

Ưu tiên đầu tư xây dựng các đài hỏa táng công nghệ cao, không phát thải tại các nghĩa trang Yên Kỳ, Vĩnh Hằng, Văn Điển, Chuyên Mỹ, Đông Sóc Sơn để bổ trợ cho đô thị khu vực trung tâm, các cực phía Tây, phía Nam và phía Bắc Thành phố, phục vụ dân cư Thủ đô và các tỉnh lân cận.

* Nhà tang lễ:

Nhà tang lễ Quốc gia: Duy trì Nhà tang lễ Quốc gia tại số 5 Trần Thánh Tông; Dự trữ quỹ đất xây dựng Nhà tang lễ Quốc gia mới tại xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.

Nhà tang lễ đô thị: Đầu tư xây dựng bổ sung các nhà tang lễ mới theo định hướng phát triển đô thị, bảo đảm mỗi đô thị có tối thiểu 01 nhà tang lễ, quy mô phục vụ không quá 250.000 người/nhà tang lễ.

Nhà tang lễ được bố trí độc lập hoặc kết hợp với các công trình như nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, bảo đảm tuân thủ các quy định về khoảng cách an toàn môi trường và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Vị trí, quy mô, ranh giới các nghĩa trang, nhà tang lễ xây mới sẽ xác định cụ thể trong quy hoạch chuyên ngành, các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị.

b) Định hướng phát triển không gian ngầm:

b.1) Mô hình tổ chức không gian ngầm:

Xây dựng, phát triển không gian ngầm theo mô hình thành phố ba chiều, gắn với

các trung tâm đô thị, các khu TOD và mạng lưới giao thông công cộng nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng đất và nâng cao vận hành đô thị.

Hình thành các trung tâm phát triển không gian ngầm chính, kết nối bởi mạng lưới các tuyến đường sắt đô thị và các tuyến hầm chiến lược, tạo thành cấu trúc không gian ngầm liên hoàn của toàn đô thị.

b.2) Phân tầng không gian ngầm:

Phân tầng theo các độ sâu sử dụng: từ 0-15m bố trí hệ thống đường đi bộ, bãi đỗ xe ngầm, đường ống kỹ thuật đô thị và hạ tầng giao thông đường sắt; từ 15m-30m bố trí hệ thống hạ tầng giao thông đường sắt, phòng chống thiên tai, kho bãi, năng lượng chiến lược và dự trữ vật tư, hào kỹ thuật tổng hợp và các chức năng có yêu cầu đặc biệt về môi trường và khí hậu; từ 30-50m bảo tồn tài nguyên, bố trí các trục chính hạ tầng kỹ thuật, hệ thống bể trữ nước ngầm và các thiết bị phục vụ hạ tầng chiến lược, quốc phòng an ninh; từ độ sâu 50 trở xuống trước mắt không khai thác, được bảo tồn nghiêm ngặt trong thời hạn quy hoạch.

b.3) Phân vùng phát triển không gian ngầm:

Không gian ngầm phân thành các vùng: vùng ưu tiên cao tại khu trung tâm lịch sử và các khu vực có mật độ xây dựng cao; vùng phát triển mới tại các khu đô thị mới và khu vực mở rộng; vùng hành lang giao thông để dự trữ phát triển các tuyến đường sắt đô thị, đường hầm giao thông tương lai và các tiện ích kết nối và vùng hạn chế/cấm phát triển tại các khu di tích, di sản, các khu vực địa chất yếu hoặc khu vực bảo vệ đặc biệt về quốc phòng-an ninh.

b.4) Định hướng các trung tâm phát triển không gian ngầm chính:

Trung tâm đô thị phía Nam sông Hồng: Phát triển giao thông ngầm, bố trí mạng lưới đường hầm ngầm liên thông giữa các khu chức năng; bãi đỗ xe ngầm lớn và hệ thống tuy-nen kỹ thuật.

Khu vực Bắc sông Hồng: Xây dựng các sảnh chuyển tuyến ngầm và khu phố thương mại ngầm, dự trữ các hầm ngầm qua sông.

Khu vực Long Biên - Gia Lâm: Phát triển mô hình không gian ngầm thông minh tích hợp tuy-nen kỹ thuật, bố trí các trung tâm dữ liệu và điều hành đô thị.

Khu đô thị Thể thao: Phát triển không gian ba chiều văn hóa - thể thao với hệ thống không gian ngầm thông minh tích hợp tuy-nen kỹ thuật, bố trí các trung tâm dữ liệu và điều hành đô thị.

Khu vực đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Phú Xuyên: Phát triển hoàn thiện hệ thống bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật ngầm phục vụ các khu công nghệ cao, bố trí trung tâm dữ liệu và cơ sở tính toán hiệu năng cao.

b.5) Lộ trình phát triển không gian ngầm:

Giai đoạn 2026-2035 (khởi động và đặt nền móng): Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế quản lý và hệ thống quy hoạch tổng thể.

Giai đoạn 2035-2045: Tỷ lệ xây dựng không gian ngầm khu trung tâm từ 20% diện tích đất xây dựng đô thị trở lên. Tăng cường các liên kết theo cả chiều ngang và chiều đứng giữa các tầng không gian để từng bước khắc phục tình trạng phát triển đứt gãy chức năng đô thị.

Giai đoạn 2045-2065: Tỷ lệ xây dựng không gian ngầm khu trung tâm khoảng 35-40% diện tích đất xây dựng đô thị. Phát triển mạnh các chức năng thương mại, dịch vụ, logistics và đỗ xe quy mô lớn ngầm.

Giai đoạn sau 2065: Chuyển đổi từ phát triển xây dựng sang quản lý, vận hành và tối ưu hóa toàn diện hệ thống không gian ngầm bằng công nghệ số, đưa không gian ngầm thành "lớp đô thị thứ hai" hoàn chỉnh.

5.7. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

a) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

a.1) Phương án phân vùng môi trường:

* Phân vùng môi trường Thủ đô Hà Nội thành 03 vùng:

+ Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; Vùng lõi của di sản thiên nhiên (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên và di sản thiên nhiên, khu vực bảo vệ II của di tích lịch sử - văn hóa; Vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

+ Vùng khác: Là các khu vực còn lại trên địa bàn Thành phố.

* Phương án bảo vệ môi trường:

+ Đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt:

Bảo tồn nguyên trạng các giá trị đa dạng sinh học của các bảo tồn thiên nhiên thiên nhiên và các yếu tố gốc cấu thành di sản và di tích lịch sử - văn hóa.

Rà soát, kiểm kê danh mục các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt có phát sinh nguồn thải lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao để áp dụng lộ trình đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện và bảo vệ môi trường, đầu tư cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng bảo vệ môi trường đáp ứng quy định hoặc di dời ra khỏi vùng bảo vệ nghiêm ngặt.

Lập và triển khai các dự án ưu tiên đầu tư về bảo vệ môi trường trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt, ưu tiên các dự án hoàn thiện hạ tầng thu gom nước thải sinh hoạt tách riêng nước mưa và xây dựng các trạm/nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt; lập và triển khai có lộ trình dự án làm sống lại các sông, hồ, ao nội thành.

+ Đối với vùng hạn chế phát thải:

Các hoạt động phát triển trong vùng cần được quản lý, kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế phát thải và phát sinh các điểm nóng về môi trường. Không cấp phép cho các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn. Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khu vực thích hợp.

Phát huy vai trò của vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được công nhận.

Hạn chế xả thải chất ô nhiễm ra môi trường; khoanh vùng, phục hồi và cải thiện môi trường các khu vực bị ô nhiễm, các khu vực chịu ảnh hưởng lớn từ hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề, các cơ sở sản xuất,… đến chất lượng môi trường.

Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các điểm nóng về môi trường. Cải tạo, phục hồi môi trường đối với các bãi rác đã đóng cửa, các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn ô nhiễm từ bên ngoài địa bàn Thủ đô và xây dựng cơ chế phối hợp quản lý với các địa phương và chủ nguồn thải.

+ Đối với các vùng khác:

Đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tuần hoàn. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp sinh thái, khu nông nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường. Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

Định kỳ rà soát, điều chỉnh phân vùng môi trường theo sự thay đổi của các yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương và công bố kết quả phân vùng làm căn cứ đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường thích hợp.

a.2) Phương án phân vùng không khí: Không gian Thủ đô được định hướng chia thành 03 vùng quản lý chất lượng không khí như sau:

+ Vùng bảo vệ không khí nghiêm ngặt: Khu vực nội đô lịch sử, trung tâm chính trị - hành chính, khu dân cư mật độ cao; Khu vực thường xuyên ghi nhận chỉ số AQI ở mức kém trở lên hoặc có nguy cơ tích tụ ô nhiễm cao; Khu vực tập trung đông dân cư nhạy cảm (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính).

+ Vùng kiểm soát phát thải cao: Khu vực vành đai 2-3-4, đô thị mở rộng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics; Khu vực tập trung nguồn phát thải lớn từ giao thông, sản xuất công nghiệp, xây dựng.

+ Vùng đệm sinh thái - hấp thụ ô nhiễm: Các khu vực hành lang dọc hệ thống Sông Hồng, Sông Nhuệ - Đáy, Tô Lịch, hệ thống hồ điều hòa và hồ cảnh quan, các khu vực rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, khu vực cây xanh đô thị, hành lang xanh, nêm xanh, khu vực sản xuất nông nghiệp. Có chức năng hấp thụ, điều hòa và phân tán chất ô nhiễm.

Các giải pháp đồng bộ:

+ Giải pháp quy hoạch giao thông đô thị: Phát triển hệ thống giao thông công cộng xanh; ưu tiên các tuyến xuyên tâm - vành đai và kết nối TOD (phát triển đô thị theo giao thông công cộng); quy hoạch vùng phát thải thấp cho khu vực nội thành, khu

du lịch và khu dân cư đông đúc; thực hiện lộ trình chuyển đổi từ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện giao thông điện.

+ Giải pháp quy hoạch công nghiệp - xây dựng: Di dời các trường đại học lớn, bệnh viện ra khỏi khu vực nội đô; di dời cơ sở phát thải lớn, làng nghề ra ngoài khu vực dân cư tập trung; lộ trình thực hiện chuyển đổi các khu công nghiệp, cụm công nghiệp truyền thống sang mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái; phân vùng làng nghề theo mức phát thải; quy hoạch xây dựng theo tiêu chí phát thải thấp (bắt buộc kiểm soát bụi, áp dụng vật liệu xanh,...).

+ Giải pháp quy hoạch đô thị, khu dân dân cư: Giảm mật độ phát thải thay vì giảm mật độ dân cư; tăng tỷ lệ cây xanh, mặt nước, công viên mở.

+ Giải pháp quy hoạch vùng: Quy hoạch kiểm soát không khí vùng Thủ đô, đồng bộ với quy chuẩn khí thải, chia sẻ dữ liệu quan trắc.

a.3) Phương án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học:

Duy trì 05 khu bảo tồn thiên nhiên hiện có, thành lập mới 07 khu bảo tồn thiên nhiên, chuyển tiếp 01 cơ sở bảo tồn; xác lập các vùng đất ngập nước quan trọng. Chuyển giao công tác quản lý Vườn quốc gia Ba Vì từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý.

Hình thành hệ thống không gian xanh, hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh kết nối các hệ sinh thái đặc trưng, nhằm tăng cường điều hòa vi khí hậu đô thị và giảm ngập úng. Đối với hệ sinh thái đô thị, tập trung nâng cấp 45 công viên, hoàn thành xây dựng 6 công viên mới; bảo vệ diện tích các sông, hồ, ao, đầm và cải thiện chất lượng nước mặt của các thủy vực này.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm đối với các loài động vật, thực vật hoang dã; công tác quản lý, kiểm tra đối với hoạt động nuôi, trồng, khai thác động vật, thực vật hoang dã, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

Tăng nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ cho hoạt động đa dạng sinh học của Thủ đô. Kết hợp giữa bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái để nâng cao đời sống nhân dân.

Triển khai đồng bộ chính sách chi trả dịch vụ môi trường. Thực hiện thu phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động du lịch sinh thái, nuôi trồng thuỷ sản, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt để tăng nguồn thu cho nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

a.4) Phương án quan trắc chất lượng môi trường:

Phát triển mạng lưới quan trắc trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý toàn diện chất lượng môi trường. Thiết lập và vận hành hiệu quả, đồng bộ, thống nhất với mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Phát triển hạ tầng, trang thiết bị, mạng lưới quan trắc môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường nước dưới đất, môi trường đất. Ưu tiên phát triển mạng lưới các trạm quan trắc tự động, liên tục đối với môi trường nước mặt, môi trường không khí.

Vị trí quan trắc, thông số quan trắc và tần suất quan trắc môi trường do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định theo quy định của pháp luật, phù hợp với đặc

điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

b)Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

Phân vùng tài nguyên nước thành 03 vùng, tương ứng với các khu vực lãnh thổ có đặc điểm tự nhiên, nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước tương đối đồng nhất, cụ thể:

+ Vùng I: Bao gồm khu vực phía Tây và Tây Nam của Thành phố Hà Nội, chủ yếu là các xã, phường thuộc vùng bán sơn địa và trung du.

+ Vùng II: Bao gồm khu vực trung tâm và phía Nam của thành phố Hà Nội, tập trung các xã, phường có mật độ dân cư cao, mức độ đô thị hóa lớn và nhu cầu sử dụng nước đa dạng cho sinh hoạt, công nghiệp và dịch vụ.

+ Vùng III: Bao gồm khu vực phía Bắc Sông Hồng, là các xã, phường thuộc vùng chuyển tiếp giữa đồng bằng và trung du, có điều kiện địa chất thủy văn và chế độ nguồn nước đặc thù, chịu ảnh hưởng của Sông Hồng, Sông Đuống và các phụ lưu liên quan.

b.1) Phân phối tài nguyên nước:

Phân bổ nguồn nước linh hoạt, công bằng, tiết kiệm, hiệu quản và thứ tự ưu tiên như sau:

+ Trong mọi trường hợp, bảo đảm cấp nước sinh hoạt cả về trữ lượng và chất lượng.

+ Trong điều kiện bình thường, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các ngành.

+ Trong điều kiện hạn hán, thiếu nước: hạn chế phân bổ nguồn nước cho các hoạt động tiêu thụ nhiều nước, chưa cấp thiết, sử dụng nước không hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí để ưu tiên cho mục đích sinh hoạt, các nhu cầu thiết yếu, các ngành sử dụng nước đem lại hiệu quả kinh tế cao.

b.2) Phương án bảo vệ tài nguyên nước:

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước và hoạt động xả nước thải, chất thải vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước; ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm nguồn nước; phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm trên các sông chính, quan trọng, đặc biệt là các sông Ngũ Huyện Khê, Nhuệ, Đáy, Cầu Bây, Tích, Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét.

Phục hồi mực nước cùng với quá trình xây dựng, hình thành trục đại lộ cảnh quan Sông Hồng, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, kênh, mương. Tăng cường quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước các ao, hồ, đầm trên địa bàn, đặc biệt đối với các ao, hồ có chức năng điều hòa, cấp nước, các ao, hồ gắn với văn hóa, lịch sử và phục vụ du lịch. Lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên các dòng sông.

Điều tra, khoanh định khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất; phục hồi các tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; bảo vệ miền cấp nước dưới đất; tăng cường bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất, đặc biệt là việc bổ sung nhân tạo từ nguồn

nước mưa tại các khu vực đô thị.

Bảo vệ nguồn nước dưới đất để sử dụng làm nguồn dự phòng cấp nước cho sinh hoạt, phục vụ cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước; quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác nước dưới đất ở khu vực có nguy cơ sụt lún đất.

b.3) Về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước; xây dựng bản đồ về nguy cơ sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; đầu tư lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm cho một số khu vực, vị trí có nguy cơ cao xảy ra sạt, lở bờ sông; tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông; quản lý chặt chẽ việc xây dựng khu đô thị, khu dân cư, các hoạt động sản xuất khác lấn chiếm không gian thoát nước, chứa nước hoặc có tác động đến gia tăng sạt, lở bờ, bãi sông.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước đảm bảo khả năng tích trữ nước các hồ chứa hiện có trên địa bàn Thành phố, khả năng khai thác từ nguồn nước dưới đất xây dựng phương án sử dụng nguồn nước phù hợp.

c) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

c.1) Phương án phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

* Giải pháp đột phá chống ngập úng đô thị:

+ Chuyển đổi sang mô hình "Thành phố bọt biển" nhằm tăng khả năng thấm và trữ nước mưa tự nhiên trong đô thị.

+ Quy hoạch xây dựng hệ thống "Bể ngầm đa năng" (không gian ngầm chứa nước) kết hợp với các tuynel, hào kỹ thuật giao thông ngầm để lưu trữ nước mưa đầu mùa, giảm tải cho hệ thống thoát nước chính.

+ Bổ sung các hồ điều hòa trữ nước, khơi thông dòng chảy, kết hợp trồng rừng và bố trí các trạm bơm công suất lớn để chủ động tiêu thoát nước.

* Phòng chống sạt lở và quản lý dòng chảy:

+ Di dời người dân khỏi vùng sạt lở nguy hiểm ven các sông (sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Bùi); kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động xây dựng, lấn chiếm hành lang ven sông và khai thác cát.

+ Nghiên cứu phương án trị thủy quy mô lớn như xây dựng đập dâng trên sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Cà Lồ,… để dâng cao mực nước vào mùa cạn, phục vụ sản xuất và tạo không gian cảnh quan.

* Nâng cao năng lực quản lý và chỉ huy:

+ Kiện toàn hệ thống chỉ huy theo phương châm "4 tại chỗ", nâng cao chất lượng nhân lực ứng phó tại cấp xã.

+ Cải thiện độ chính xác của công tác dự báo, cảnh báo sớm, đặc biệt với các hiện tượng thời tiết cực đoan ngắn hạn.

+ Đa dạng hóa nguồn vốn (ngân sách, ODA, tư nhân) cho công tác phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

c.2) Phương án ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với phát triển bền vững:

* Bảo vệ và phát triển không gian sinh thái (Hạ tầng xanh):

Duy trì nghiêm ngặt tỷ lệ không gian xanh trên cơ sở định hướng phát triển không gian theo từng giai đoạn phát triển đô thị. Hành lang xanh, vành đai xanh và các nêm xanh được lồng ghép vào đô thị để cân bằng vi khí hậu, tăng khả năng tự làm sạch không khí và làm vùng đệm chống ngập tự nhiên.

Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có (như rừng phòng hộ Sóc Sơn, rừng quốc gia Ba Vì) để làm "lá phổi xanh" điều hòa khí hậu.

* Chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn (Thích ứng giảm phát thải):

Thúc đẩy nền kinh tế xanh, chuyển đổi năng lượng sạch, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện môi trường (phát thải thấp) và phát triển các công trình xanh (Green Building).

Chuyển đổi nông nghiệp sang mô hình sinh thái, nông nghiệp thông minh, áp dụng các kỹ thuật giảm phát thải khí nhà kính (như canh tác lúa SRI) và từng bước tham gia thị trường tín chỉ carbon.

* Tích hợp biến đổi khí hậu vào Quy hoạch đô thị: Mọi định hướng không gian, hạ tầng kỹ thuật và nhà ở đều phải đảm bảo tính thích ứng với biến đổi khí hậu. Khu vực nông thôn, vành đai sinh thái được định hướng phát triển mật độ thấp để bảo vệ môi trường sinh thái, trong khi đô thị ưu tiên phát triển nén (TOD) gắn liền với hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn để giảm phát thải từ phương tiện cá nhân.

c.3) Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu:

Tuân thủ quy hoạch ngành quốc gia, trong đó có quy hoạch phòng chống lũ hệ thống sông Hồng.

Thành phố Hà Nội phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng nghiên cứu nâng tiêu chuẩn phòng chống lũ trên các tuyến sông chảy qua địa bàn Hà Nội, rà soát hệ thống đê điều trên địa bàn Thành phố vừa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Thủ đô theo tiêu chuẩn phòng chống lũ cao nhất trong bối cảnh thiên tai ngày càng khắc nghiệt do biến đổi khí hậu, vừa phù hợp với yêu cầu chỉnh trang, tái thiết đô thị và ổn định đời sống nhân dân ở khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Chủ động, kịp thời phòng ngừa ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp quy hoạch phòng, chống lũ, quy hoạch đê điều của lưu vực hệ thống sông Hồng,… bảo đảm phòng chống lũ.

Bổ sung giải pháp chống úng ngập cấp bách cho các khu vực hiện đang khó khăn trong vấn đề tiêu thoát nước mặt như: xây dựng hệ thống bể ngầm chống ngập, các trạm bơm tiêu cục bộ, khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước của dòng chính sông Hồng, bổ cập nước cho sông Tô Lịch và các tuyến sông thoát nước khác trong khu vực nội đô.

Cập nhật các giải pháp phòng chống lũ rừng ngang theo nghiên cứu quy hoạch thủy lợi được duyệt.

Điều tra, khảo sát và xây dựng cơ sở dữ liệu về hồ đập trên địa bàn Thành phố để xây dựng đề án, kế hoạch, dự án cải tạo nâng cấp, bảo vệ nghiêm ngặt các hành lang thoát lũ tại các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống.

Lập bản đồ cảnh báo thiên tai.

5.8. Đánh giá môi trường chiến lược:

Các vấn đề môi trường chính:

+ Suy giảm chất lượng nước mặt: Gia tăng nước thải từ hoạt động sinh hoạt; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; thủy sản; chăn nuôi. Các khu vực chịu tác động: sông Nhuệ - Đáy, các sông nội thành: Sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Sét, sông Lừ,…

+ Suy giảm chất lượng không khí: Khí thải sẽ gia tăng do sự gia tăng phương tiện giao thông, số lượng các khu công nghiệp; Khí thải phát sinh từ hoạt động đốt phế phẩm nông nghiệp. Các khu vực chịu tác động: các tuyến đường giao thông chính; các khu vực khu công nghiệp và các khu vực xung quanh.

+ Gia tăng tình trạng ngập úng cục bộ: Có thể xảy ra ngập úng cục bộ tại một số khu vực do các dự án xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu cũng gây ra nguy cơ ngập úng. Các khu vực thường xuyên bị ngập úng, khu vực xây dựng các công trình giao thông.

+ Suy giảm diện tích đất nông nghiệp và chất lượng môi trường đất: Ô nhiễm đất do gia tăng chất thải rắn từ các hoạt động sinh hoạt, công nghiệp, trồng trọt. Các khu vực chịu tác động: các khu xử lý chất thải rắn, các khu vực sản xuất nông nghiệp.

+ Gia tăng suy giảm đa dạng sinh học và tác động đến di sản thiên nhiên: Do gia tăng dân số và sự phát triển đô thị, giao thông, du lịch, thủy sản,… gây chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Các khu vực chịu tác động: khu vực di sản thiên nhiên, vườn quốc gia.

+ Tác động của biến đổi khí hậu: làm suy giảm tài nguyên nước, đất, rừng, gây hạn hán, lũ lụt, sạt lở và biến đổi hệ sinh thái. Ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, giao thông và xây dựng. Đe dọa sức khỏe, môi trường, an sinh xã hội và sinh kế người dân do thiên tai và dịch bệnh gia tăng.

Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, hạn chế, giảm thiểu xu hướng tiêu cực trong quá trình thực hiện quy hoạch:

+ Phục hồi các sông bị ô nhiễm, đầu tư đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải nguồn nước trên địa bàn Thành phố.

+ Đầu tư, xây dựng hệ thống trạm quan trắc không khí tự động ở thành phố Hà Nội, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới; Thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường, đặc biệt là xe điện.

+ Định hướng sử dụng nguồn cấp nước sinh hoạt của thành phố Hà Nội là ưu tiên sử dụng nước mặt và hạn chế khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm.

+ Có phương án bổ sung, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước, tách riêng nước thải với nước mưa để sẵn sàng vận hành trong mùa mưa.

+ Thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế các-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

+ Trong công nghiệp và xây dựng, đẩy mạnh thực hiện các chương trình tiết kiệm, hiệu quả năng lượng; nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ hướng tới sử dụng hiệu quả năng lượng trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển kinh

tế - xã hội.

+ Chủ động trong phòng tránh thiên tai và giảm nhẹ thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó đặc biệt lưu ý đến bão, lũ, lũ quét, ngập lụt,… Tăng cường cảnh báo, dự báo biến đổi khí hậu, thiên tai, thông báo kịp thời đến người dân. Bố trí, sắp xếp, di dời các hộ dân cư trong vùng có nguy cơ cao về lũ quét đến nơi an toàn.

+ Rà soát quy hoạch xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư; cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng; phục hồi, phát triển rừng và các hệ sinh thái tự nhiên để tăng cường năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu.

6. Các nhóm dự án ưu tiên thực hiện:

6.1. Giai đoạn 2026 - 2030: (Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn và định hình khung hạ tầng)

Ưu tiên 1: Đầu tư khép kín các tuyến vành đai liên vùng (Vành đai 4, Vành đai 4.5, Vành đai 5, Quốc lộ 1A), các trục hướng tâm (Quốc lộ 1A, 5, 6, 32, Xuân Mai - Hà Đông - Tôn Thất Tùng,…) và các cầu lớn vượt sông Hồng, sông Đuống, sông Đà.

Ưu tiên 2: Khởi công và đẩy nhanh tiến độ các tuyến đường sắt đô thị tuyến số 1 (Ngọc Hồi - Yên Viên); tuyến số 1A (nối ga Ngọc Hồi với sân bay thứ 2); các tuyến trục xuyên tâm và tuyến vành đai.

Ưu tiên 3: Các dự án xử lý môi trường cấp bách (Hệ thống tách nước thải, các nhà máy xử lý nước thải tập trung quy mô lớn, nhà máy điện rác, nhà hỏa táng, chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng sạch; các chương trình giảm ô nhiễm môi trường không khí, phát thải thấp,…); hệ thống bể ngầm, các hồ chứa chống ngập nội đô; cải tạo các dòng sông kết hợp cải tạo chỉnh trang hai bên sông như: sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cầu Bây,… Thí điểm mô hình hạ tầng tích hợp đa mục tiêu "Hồi sinh các dòng sông": Xây dựng hệ thống bể chứa ngầm đa năng để tách nước thải triệt để đầu nguồn và xóa bỏ úng ngập; kết hợp mở rộng đại lộ ven sông và chỉnh trang cảnh quan hóa giải ùn tắc, kiến tạo trục hướng tâm xanh bền vững cho Thủ đô, hiện thực hóa mục tiêu môi trường Net-Zero bền vững.

6.2. Giai đoạn 2031 - 2045: (Bứt phá và hoàn thiện mạng lưới)

Hoàn thiện mạng lưới Đường sắt đô thị và kéo dài các tuyến đường sắt nhẹ (LRT) kết nối với các đô thị tại các cực tăng trưởng.

Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Cảng hàng không thứ 2 Vùng Thủ đô ở phía Nam và hình thành Khu thương mại tự do.

Hoàn thành xây dựng 05 Tổ hợp y tế chất lượng cao và các Khu đô thị Đại học tập trung.

6.3. Giai đoạn 2046 - 2065: Đầu tư hoàn chỉnh mạng lưới giao thông không gian tầm thấp, các không gian văn hóa mang tính biểu tượng thế kỷ và các dự án đô thị sinh thái phát thải ròng bằng "0".

7. Giải pháp thực hiện:

(1) Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội để tạo ra những đột phá tạo sức hút, huy động đa dạng các nguồn lực bên ngoài, các thành phần kinh tế tham gia phát triển Thủ đô.

Quản lý, khai thác có hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là nguồn lực tài chính từ đất đai để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương và các địa phương liên quan thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách trung ương trên địa bàn thành phố, vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng trung du và miền núi phía Bắc. Thu hút vốn đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP); ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước, nhất là trong những ngành kinh tế trụ cột của Thủ đô. Nghiên cứu phát hành trái phiếu địa phương, trái phiếu công trình, tín chỉ xanh,... tạo nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh chương trình xúc tiến đầu tư và thương mại.

(2) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, tăng cường phân cấp, phân quyền; nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, phát huy trí tuệ và trọng dụng nhân tài trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp. Nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động.

(3) Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai: Thu hồi giá trị gia tăng từ đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất gắn với quá trình tạo lập quỹ đất sạch, tái cấu trúc và khai thác hiệu quả quỹ đất đô thị. Áp dụng các phương pháp định giá đất theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm tính độc lập, trung thực và khách quan, làm cơ sở tính toán tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

(4) Giải pháp về môi trường: Tăng cường sự phối hợp, chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành; tổ chức công tác thanh tra, kiểm soát môi trường và xử lý các sai phạm một cách toàn diện, hiệu quả. Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, thiết lập hạ tầng công nghệ quan trắc môi trường thông minh. Nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong thiết kế và xây dựng đô thị hướng đến các tiêu chí đô thị xanh, tuần hoàn và phát triển bền vững. Liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng, các vùng lân cận và tổ chức quốc tế đối với quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường. Có các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, người dân trong việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường Thủ đô.

(5) Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho Thủ đô về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Phát triển thị trường sản phẩm khoa học và công nghệ. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, triển khai các sáng kiến và cam kết của Thủ đô Hà Nội khi gia nhập mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO. Bảo đảm tỷ lệ chi từ ngân sách hàng năm cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng dần theo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

(6) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển: Hoàn thiện cơ chế chính sách phối hợp các hoạt động đầu tư, phát triển giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng trung du và miền núi phía Bắc. Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Thủ đô.

(7) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn: Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý đầu tư xây dựng, phát triển các khu vực đô thị, nông thôn. Cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy và khai thác hiệu quả, bền vững các giá trị kiến trúc, không gian lịch sử văn hóa. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, đặc biệt là trật tự xây dựng. Quản lý kiến trúc cảnh quan và các hoạt động xây dựng đô thị, nông thôn theo đồ án quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, phát huy các hình thái kiến trúc của các khu vực, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử. Thực hiện đúng quy định về không gian thoát lũ, bảo đảm dòng chảy và quy định pháp luật về đầu tư, phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng ven sông và các bãi nổi trên sông.

(8) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch: Tổ chức công bố công khai quy hoạch. Nghiên cứu phương án triển lãm quy hoạch của Thủ đô để cung cấp thông tin quy hoạch, tiếp nhận các góp ý, giám sát thực hiện quy hoạch, kết hợp là nơi tham quan, trải nghiệm và du lịch. Phát triển Hệ thống quản lý đầu tư tập trung kết nối liên ngành, cung cấp thông tin về các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định. Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch.

(9) Giải pháp quản lý không gian và đô thị số:

Số hóa toàn diện hạ tầng không gian: Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu không gian đô thị 3D, bản sao số (Digital Twin) làm nền tảng cốt lõi cho công tác lập, thẩm định và quản lý quy hoạch theo thời gian thực.

Thiết lập khung quản trị thông minh: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để giám sát biến động đất đai, trật tự xây dựng và hạ tầng kỹ thuật; chuyển từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị đô thị dựa trên dữ liệu số.

Kết nối và chia sẻ tài nguyên số: Hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, kết nối liên thông giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân để tối ưu hóa việc khai thác nguồn lực không gian (ngầm, mặt đất, trên cao) và nâng cao hiệu quả dịch vụ công đô thị.

8. Quy định quản lý:

Việc quản lý các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động liên quan cần tuân thủ Quy hoạch và Quy định quản lý theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; đồng thời phải tuân thủ quy định tại các Luật và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố, các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn liên quan.

Việc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm được phê duyệt là căn cứ để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn; là căn cứ để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn Thủ đô.

2. Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội và Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội:

Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ, sơ đồ trong hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm theo quy định của pháp luật; sự thống nhất của toàn bộ hồ sơ quy hoạch tại Thuyết minh, hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý.

Phối hợp với các đơn vị tư vấn nước ngoài trong Liên danh tư vấn hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm theo đúng quy định, gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác nhận và lưu trữ, lưu giữ theo quy định.

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

Chịu trách nhiệm rà soát, đóng dấu xác nhận tại Báo cáo thuyết minh quy hoạch, Bản vẽ trong hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm đảm bảo phù hợp với Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố và uỷ quyền cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc ban hành Quy định quản lý theo quy hoạch được duyệt; tổ chức công bố và lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

Chỉ đạo rà soát các nhiệm vụ, quy hoạch, dự án đầu tư đang được tổ chức lập, thẩm định hoặc đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận chủ trương theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 và các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt để xác định các nội dung còn phù hợp, kế thừa phát triển, thực hiện phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm được duyệt.

4. Sở Tài chính:

Nghiên cứu xây dựng, trình UBND Thành phố ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển Thủ đô và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Chỉ đạo rà soát các dự án đầu tư đang được tổ chức thẩm định hoặc đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương theo Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024, Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 và các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt để xác định các nội dung còn phù hợp, kế thừa phát triển, thực hiện phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm được duyệt.

Yêu cầu Sở Quy hoạch – Kiến trúc và Sở Tài chính trong quá trình triển khai thực hiên quy hoạch: Trường hợp các nhiệm vụ, quy hoạch, các chương trình, đề án, dự án đầu tư,.. không phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, cần xác định cụ thể các vấn đề, nguyên nhân và xử lý theo thẩm quyền, đúng trình tự, quy định của pháp luật ngành và pháp luật có liên quan, bảo đảm không hợp thức hóa các sai phạm. Các chương trình, dự án, công trình,… đang được rà soát, xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai đầu tư sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm

tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo phù hợp các quy định pháp luật và các quy định khác có liên quan.

5. Các Sở, ban, ngành của Thành phố, UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố: Kiểm tra, giám sát, quản lý các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị, kinh tế - xã hội và các hoạt động có liên quan theo đúng quy hoạch; xử lý các trường hợp sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, Giám đốc Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc); Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã trên địa bàn Thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBTV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ; (để b/cáo)
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô, Vùng ĐBSH, vùng TD&MNPB;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VP UBTP: CVP, các PCVP, các phòng chuyên môn;
- Trung tâm TT, Dữ liệu và công nghệ số TP,
- Lưu VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Đại Thắng